

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

KINH

ĐẠI PHẬT ĐẢNH
NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHÚNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH

首楞嚴經

THỦ LĂNG NGHIÊM
ŚŪRAMGAMA-SŪTRA
(VI)

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.*



*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

TÁM QUY LUẬT CỦA VIÊN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN



- ❁ Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
- ❁ Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
- ❁ Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi mình mà chê bai kẻ khác.
- ❁ Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
- ❁ Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
- ❁ Dịch giả phải dùng trạch pháp nhãn để phán xét đâu là chân lý.
- ❁ Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức mười phương chứng minh cho bản dịch.
- ❁ Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

PHẦN CHÍNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

NHĨ CĂN
Quán Thế Âm Bồ-tát

Kinh văn:

爾時觀世音菩薩即從座起，頂禮佛足
而白佛言。

*Nhĩ thời Quán Thế Âm Bồ-tát tức tùng toà khởi,
đảnh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn:*

Việt dịch:

**Lúc bảy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ
ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi
bạch Phật rằng:**

Giảng giải:

Phần trước, Bồ-tát Đại Thế Chí đã trình bày cách
thức tu tập pháp môn niệm Phật. Đó là phương pháp
rất thích hợp cho mọi người trong thời đại ngày nay.
Phương pháp ấy rất có hiệu quả. Sao vậy? Trong kinh
dạy chúng ta rằng vào thời mạt pháp, trong một triệu
người tu tập, thậm chí chưa có được một người ngộ đạo.
Nhiều người tu tập nhưng ít có người được chứng ngộ.
Thế thì chúng ta phải làm sao? Đừng bận tâm. Kinh có
dạy rằng, “*Chỉ nhờ vào pháp môn niệm Phật, mà mọi
chúng sinh đều được độ thoát.*” Phương pháp niệm Phật
rất dễ thực hành. Bằng cách thực hành niệm Phật, chúng

ta sẽ được thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang, và đời nghiệp vãng sanh.¹

Thế nào là nghĩa thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang? Cũng giống như loài côn trùng sống trong ống tre, nếu nó đục xuyên theo chiều dọc thân tre, nó phải đi qua các lóng mắt, phải mất thời gian rất lâu. Thay vì vậy, nếu loại côn trùng ấy biết cách gặm một lỗ ở bên thân tre, thì nó sẽ ra khỏi được ống tre một cách rất dễ dàng. Người niệm Phật cũng giống như loài côn trùng thoát ra khỏi ống từ bên thân cây tre; họ thoát ra khỏi ba cõi theo chiều ngang—đúng với tầm mức của họ. “Đời nghiệp vãng sanh,” nghiệp mà mọi người đang mang là nghiệp của đời trước, không phải của đời này—đó là nghiệp đã tạo, không phải là nghiệp mới. Điều này có nghĩa là trước khi quý vị biết được phương pháp niệm Phật, quý vị đã tạo ra các nghiệp chướng. Quý vị có thể mang các nghiệp ấy theo khi mình vãng sanh sang cõi Tịnh độ. Nhưng quý vị không được tiếp tục tạo nghiệp ác một khi quý vị đã biết niệm Phật, vì quý vị không thể mang nghiệp ác ấy theo được. Một khi quý vị đã biết niệm Phật, thì quý vị nên thay đổi cách sống. Đừng cố tạo nên các nghiệp xấu. Nếu làm như vậy, quý vị sẽ chất chồng ác nghiệp, gia trọng thêm chướng ngại. Đó gọi là “biết rõ mà cố phạm—*minh tri cố phạm*,” trong trường hợp đó, nghiệp chướng tăng gấp ba. Quý vị có thể mang nghiệp cũ để vãng sanh, nhưng nay quý vị đã hiểu được

¹ E: *horizontally*. Hán: Hoàn xuất tam giới, đời nghiệp vãng sanh.

Phật pháp, quý vị không thể nói rằng, “Ồ! Mình có thể niệm Phật, mặt kia mình có thể tạo nghiệp ác, vì trong tương lai mình có thể mang nghiệp đã tạo sang cõi Cực lạc với mình.”

Thật là sai lầm! Không những quý vị không thể nào mang nghiệp của mình đi, mà còn không thể nào vãng sanh về đó, vì quý vị sẽ bị chướng ngại bởi nghiệp của mình. Chúng ta là những người đã tin vào Đức Phật, phải nên thận trọng, đừng tạo thêm nghiệp chướng một khi chúng ta đã biết niệm Phật. Chương *Đại Thế Chí niệm Phật viên thông* này vô cùng quan trọng. Mọi người nên biết phương pháp niệm Phật chủ yếu là gì.

Tại sao chúng ta phải nên niệm Phật? Vì chúng ta có nhân duyên rất lớn với Đức Phật A-di-đà.

Đức Phật A-di-đà đã thành Phật cách đây 10 kiếp. Trước đó, ngài có pháp danh là Pháp Tạng tỷ-khưu. Lúc ấy, ngài phát 48 lời nguyện. Trong lời nguyện thứ 13 và 14, ngài phát nguyện: “*Nếu có chúng sinh nào trong khắp mười phương niệm danh hiệu của tôi mà không thành Phật, tôi nguyện sẽ không thành chánh giác.*” Nói cách khác, nếu có chúng sinh nào niệm danh hiệu ngài mà không được thành Phật, thì ngài nguyện sẽ không thành Phật. Và do nguyện lực của Đức Phật A-di-đà, mọi người ai niệm danh hiệu của ngài thì đều được vãng sanh vào thế giới Cực lạc.

Pháp môn Tịnh độ là một trong năm tông phái của đạo Phật Trung Hoa.

1. Thiền tông (dhyāna).
2. Giáo tông.
3. Luật tông.
4. Mật tông.
5. Tịnh độ tông.

Tịnh độ tông sẽ là tông phái còn tồn tại sau cùng. Trong thế giới này, vào thời mạt pháp, Kinh Thủ-lăng-nghiêm sẽ bị biến mất trước tiên. Sau đó, các kinh khác cũng sẽ lần lượt bị biến mất, chỉ có kinh A-di-đà còn lại. Khi Kinh A-di-đà còn lưu lại trên thế gian, kinh sẽ độ thoát cho rất nhiều người. Sau hơn 1000 năm nữa, Kinh A-di-đà cũng bị biến mất hẳn.

“Thời mạt pháp” đơn giản có nghĩa là chánh pháp hoàn toàn biến mất hẳn. Một khi Kinh A-di-đà đã biến mất, chỉ còn lưu lại câu “*Nam-mô A-di-đà Phật.*” Câu nói phi thường này cũng sẽ độ thoát cho rất nhiều người; thế nhưng, sau 1000 năm nữa, nó cũng sẽ biến mất. Những gì còn lại chỉ là danh hiệu “*A-di-đà Phật,*” danh hiệu này cũng sẽ tồn tại trên thế gian một trăm năm nữa rồi cũng biến mất. Đến lúc đó, sẽ không còn Phật pháp lưu hành trên thế gian nữa. Trong khi chúng ta vẫn còn ở trước thời mạt pháp, chúng ta nên tu tập và giữ gìn những sự việc ở trong thời Chánh pháp. Đó gọi là “*Thỉnh Phật chuyển pháp luân.*”¹ Trong thời mạt pháp, chúng ta không nên sợ một khó khăn gian khổ nào. Tôi

¹ Trong Phổ Hiền hạnh nguyện. *Thất giả thỉnh chuyển pháp luân.*

không ngại khó khăn khi giảng pháp cho quý vị, và quý vị không nên sợ cực khổ khi đến nghe kinh. Hãy phấn chấn tinh thần lên! Đừng nói rằng mình mệt và phải đi nghỉ. Hãy quên chính mình vì đạo pháp. Hãy suy gẫm xem Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã sống trong núi Tuyết suốt sáu năm để tìm đạo như thế nào. Chúng ta không vào trong núi sống sáu năm, nhưng việc nhỏ nhất chúng ta có thể làm là tìm hiểu về đạo Phật. Hãy xem Phật pháp như là lương thực mà quý vị cần có để ăn vậy. “Nếu ta không đi nghe giảng kinh, cũng giống như vài ngày tới mình không có gì để ăn vậy.” Quý vị nên có suy nghĩ như vậy. “Ta phải đi nghe pháp. Ta chắc chắn phải tìm cách để hiểu đạo một cách chân xác.” Quý vị đi đâu để có được sự hiểu biết chân chính về Phật pháp? Quý vị phải thường nghe giảng kinh. Không nghe giảng kinh, quý vị không thể nào khai mở trí huệ. Đây là điều đặc biệt đúng đối với *Kinh Thủ-lăng-nghiêm*, vì đây chính là kinh khai mở trí huệ cho chúng sinh. Hãy lấy ví dụ như chương nói về pháp tu viên thông này do hai mươi lăm bậc thánh giảng giải. Có vị đã thành tựu đạo nghiệp của mình bằng pháp Hóa quang tam-muội. Có vị đạt được viên thông nhờ vào Phong đại, có vị nhờ vào Không đại. Có vị tu tập từ nhãn căn của họ và được thành tựu, và có vị tu tập từ nhĩ căn. Mỗi thứ trong sáu căn đều được các vị này hoặc vị khác dùng để tu tập. Mỗi phạm trú trong 18 giới đều được mỗi vị thể nhập và tu chứng. Nghe những đạo lý này, quý vị nên áp dụng vào cho chính mình.

Quý vị sẽ hỏi, “Con nên tu tập theo căn nào?” Đừng

nôn nóng. Chính nhĩ căn mà Bồ-tát Quán Thế Âm đã dùng để tu tập là tốt nhất đối với quý vị. Bồ-tát Quán Thế Âm đã thành tựu viên mãn công phu tu tập từ nhĩ căn, và ngài A-nan sẽ theo Bồ-tát Quán Thế Âm để tu tập pháp môn này. Chư Phật và Bồ-tát trong đời trước đã truyền lại cho chúng ta một pháp môn vi diệu, chúng ta nên theo pháp tu từ nhĩ căn để đạt được viên thông. Đây là phương pháp dễ nhất.

Lúc bảy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi bạch Phật rằng:

“Quán” có nghĩa là tư duy, quán chiếu.

Dùng năng lực trí huệ quán sát, hành giả quán chiếu thế giới khách quan.

Với năng lực trí huệ, hành giả quán sát cảnh giới đang được quán chiếu. Năng lực quán chiếu của trí huệ vốn có sẵn trong tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thế giới khách quan được quán sát đó là những âm thanh phát ra từ mọi chúng sinh. Quý vị nên quán sát tiếng kêu của khổ đau, tiếng reo của hạnh phúc, âm thanh của điều chẳng khổ chẳng vui, âm thanh của cái thiện, âm thanh của cái ác, âm thanh của chân thực, âm thanh của hư vọng—nên quán chiếu tất cả mọi thứ âm thanh.

“Thế” là thế gian, trong ý nghĩa về thời gian—quá khứ, hiện tại, tương lai. Quán chiếu nhân và quả trong quá khứ của chúng sinh. Quán chiếu nghiệp mà chúng sinh đang tạo bây giờ. Quán chiếu quả báo mà chúng

sinh sẽ chịu trong tương lai. “Tại sao người kia phải khổ đau nhiều vậy?” Quý vị suy gẫm, và rồi nhận ra rằng: “Ồ! Trong đời trước, anh ta không hiếu thảo với cha mẹ và nói chung là không tốt với mọi người. Đó là lý do tại sao đời này quả báo của anh ta là đau khổ.”

Âm: Quán sát mọi âm thanh.

“Bồ-tát” có nghĩa là “người giác ngộ cho mọi chúng sinh—*giác hữu tình*.” Còn có nghĩa là “chúng sinh có đạo tâm rộng lớn—*chúng sinh đại đạo tâm*.” Bồ-tát còn được gọi là ‘chúng sinh đã giác ngộ—*hữu tình giác*’, đó là chỉ cho *tự giác*. Khi chúng ta nói rằng Bồ-tát là “người giác ngộ cho mọi chúng sinh—*giác hữu tình*,” là chỉ cho *giác tha*. Gom hai nghĩa này lại, Bồ-tát là chúng sinh đã giác ngộ và muốn giúp cho mọi chúng sinh đều được giác ngộ.

Những việc Bồ-tát làm là tự giác ngộ cho mình và giác ngộ cho người khác, làm lợi lạc cho chính mình và lợi lạc cho người khác.

Quý vị là những người đang tu học Phật pháp, phải nên nhớ kỹ ý nghĩa về Bồ-tát. Đừng để như trường hợp có người chủ trì một hội nghị về “Tăng-già Hoà hợp,” nhưng khi có người hỏi “Tăng-già” là gì thì chỉ biết im lặng. Thật là không thể tưởng tượng được!

Kinh văn:

世尊，憶念我昔無數恒河沙劫。於時有佛出現於世，名觀世音。我於彼佛發菩提心。彼佛教我從聞思修入三摩地。

Thế tôn, ức niệm ngã tích vô số hằng hà sa kiếp. U thời hữu Phật xuất hiện ư thế, danh Quán Thế Âm. Ngã ư bi Phật phát bồ-đề tâm. Bi Phật giáo ngã tòng văn tu tu nhập tam-ma-địa.

Việt dịch:

Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định.

Giải thích:

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch cùng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lùi lại một khoảng thời gian rất dài—rất nhiều kiếp không thể tính đếm được như số cát trong sông Hằng, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Đây là Quán Thế Âm của thời quá khứ. Đó là Quán Thế Âm Như Lai, cũng đã tu tập viên thông nhờ vào nhĩ căn. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Con phát tâm tu tập chứng đạo giải thoát. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định. Đức Phật Quán Thế Âm thời quá khứ dạy Bồ-tát Quán Thế Âm tiến trình văn tu tu. Đó là từ văn huệ, tư huệ và tu huệ mà thể nhập chánh định. “Tu” ở đây không có nghĩa là dùng sự suy nghĩ của thức thứ sáu. Đúng hơn, nó có nghĩa là dùng công phu toạ thiền mà tu tập.

Kinh văn:

初於聞中，入流亡所。所入既寂，動靜二相，了然不生。如是漸增，聞所聞盡。盡聞不住，覺所覺空。空覺極圓，空所空滅。生滅既滅，寂滅現前。

Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký tịch, động tĩnh nhị tướng liễu nhiên bất sanh. Như thị tiệm tăng, văn sở văn tận. Tận văn bất trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền.

Việt dịch:

Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa, tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh. Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch. Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn, sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng. Không giác viên mãn tốt bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt. Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền.

Giảng giải:

Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa.

Với văn huệ, hành giả nghe cái bên trong, chứ không nghe cái bên ngoài. Không theo thanh trần có nghĩa là không truy đuổi theo chúng. Trước đây, kinh

văn đã nói không đuổi theo sáu căn và không bị sai sử bởi chúng. Điều này được gọi là:

Phản văn văn tự tánh— Quay tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

Quay tánh nghe vào bên trong có nghĩa là không nghe âm thanh bên ngoài, mà thay vì vậy, quay trở lại, hướng vào bên trong, để nghe tự tánh của mình. Có nghĩa là,

Nhiếp vào trong thân tâm của mình.

‘*Văn trung*—trong tánh nghe.’ Nên đặc biệt chú ý hai chữ này, chẳng phải là trong nhục nhãn, chẳng phải là trong nhĩ thức, chẳng phải là trong ý thức..., mà chính là trong tánh nghe không sanh không diệt, cũng chính là tánh Như Lai tạng.

Hồi quang phản chiếu— Xoay ánh sáng trở lại và chiếu vào bên trong.

Có nghĩa là không tìm cầu bên ngoài.

Kinh văn đoạn này nói rằng Bồ-tát Quán Thế Âm “nhập vào dòng,” có nghĩa là ngài xoay tánh nghe vào bên trong để nghe tự tánh.

Nhập thánh nhân chi pháp tánh lưu—Nhập vào dòng pháp tánh của bậc thánh.

Ngài đã “*Nhập lưu vong sở*,” – có nghĩa là mọi bụi trần, sáu trần được nhận biết sáu căn—đều đã dứt sạch.

Có nghĩa là ngài đã thể nhập vào dòng chiếu diệu của tự tánh, không còn hướng ra bên ngoài để truy cầu, tâm đã sáng suốt thời thường an trú ở bên trong, nếu ở ngoài dòng là còn ràng buộc với duyên ngoại trần. Nếu

phan duyên với thanh trần bên ngoài, tức là dính mắc với luân hồi sinh tử. Khi quên hết các thanh trần từ bên ngoài, thì không còn tướng động, tức là đã mở ra được nút buộc thứ nhất của trần cảnh diêu động, nên gọi là “*Nhập lưu vong sở*.” *Vong* tức là giải thoát, *Sở* tức là thanh trần.

Tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh.

Cội nguồn của sáu căn và sáu trần cũng đều dừng bật. Điều này rất gay go. Ở đây Bồ-tát Quán Thế Âm đã nhập vào dòng tự tánh của ngài. Khi đạt đến cực điểm cảnh giới tịch lặng, thì tướng động và tĩnh cũng vắng bật. Do cảnh tịnh chính là khu vực của sắc ấm, nên không được trụ vào cảnh tịnh. Khi đến được hai cảnh động tĩnh đều chẳng sanh, thì mới đến được cái gọi là *sở nhập vắng lặng*. Lúc đó, tức là đã mở ra được nút buộc thứ hai của cái tịnh. Thanh trần hoàn toàn vắng bật, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng còn sanh trở lại nữa. Tức là đã phá trừ được *sắc ấm*.

Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch.

Các kết buộc do nơi các căn đã được mở, tiến tu dần dần, tăng cường thêm định lực, thế nên các căn *năng văn* tùy theo chỗ *sở văn* đều dứt sạch, cũng chẳng còn *năng thọ* và *sở thọ*. Tức là đã mở ra được nút buộc thứ ba của các căn, đồng thời cũng phá luôn được năm thức trước của *thọ ấm*.

Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng.

Cái *năng* vẫn và *sở* vẫn đều đã tiêu sạch, còn lại tri giác, còn lại ngã tướng, cho nên cần phải tiếp tục tiến tu, cho đến chỗ ‘*ung vô sở trú nhi sinh kỳ tâm*,’¹ đạt đến chỗ biết mà chẳng biết, giác mà không giác, đến khi mà giác và sở giác đều không thì mới mở được gút thứ tư về cái biết. Đến lúc *năng* giác và *sở* giác đều không còn, mới gọi là hoàn toàn không chấp trước, tức là phá trừ được ý thức thứ sáu *tướng ám*.

Không giác viên mãn tột bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt.

Cái năng giác và sở giác đều đã không, cần phải tiến tu, tham cứu cái *không* ấy nương vào đâu mà có, đến chỗ tánh không của cái biết (*không* giác—emptiness of awareness) rất ráo viên mãn thì *năng* không và *sở* không đều tiêu trừ sạch. Tâm có khả năng tạo tác bị tiêu trừ, và cảnh giới do tâm ấy làm cho trở thành không cũng tiêu trừ luôn, đến mức cũng chẳng còn cái *không*. Vì hễ còn cái *không*, thì mình vẫn còn chấp trước vào tánh *không*. Và bây giờ đối với Bồ-tát Quán Thế Âm, ngay cả tánh *không* cũng chẳng còn, tức là mở được gút thứ năm của không giác, lúc này đồng thời phá trừ luôn thức thứ bảy *hành ám*.

Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền.

Cái năng không và sở không đều tịch diệt, vẫn còn ý niệm ‘diệt,’ mà còn diệt tức còn sinh, nên cần phải tiến tu tiếp tục, cho đến khi tướng sinh và tướng diệt đều trừ

¹ Kinh Kim Cang.

sạch, mới có thể mở được nút thứ sáu về ý niệm ‘diệt.’ Đồng thời phá trừ luôn được thức thứ tám, a-lại-da thức của *thức ám*.

Hai chữ ‘sinh diệt,’ vốn là chỉ cho các nút buộc, do động hết thì sanh tịnh sanh, căn diệt thì giác sanh, giác diệt thì *không* sanh, *không* diệt thì diệt sanh, sáu nút buộc này chính là pháp sanh diệt. Tướng *diệt* rất khó mở, cần phải tiêu trừ toàn bộ tướng *diệt* thì mới có thể đạt đến chỗ không sanh không diệt, mới có thể chính mình thấy được bản lai diện mục. Nay sáu nút buộc đã được mở, ngũ âm đã được phá trừ hoàn toàn, vọng đã hết sạch rồi thì toàn chân hiển bày, tức là sinh diệt đã diệt rồi, thì tịch diệt hiện tiền, chúng đắc rốt ráo viên thông.

Kinh văn:

忽然超越世出世間，十方圓明，獲二殊勝。

Hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, thập phương viên minh, hoạch nhị thù thắng.

Việt dịch:

Bỗng nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian, khắp mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày, và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.

Giảng giải:

Khi cảnh giới tịch diệt đã hiện tiền, **bỗng** nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian. Điều này chỉ cho cõi giới của hữu tình và khí thế gian. **Khắp** mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày. Bò-

tát Quán Thế Âm thể nhập làm một với thể giới mười phương không ngăn ngại. **Và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.**

Kinh văn:

一者上合十方諸佛本妙覺心。與佛如來同一慈力。

Nhất giả thượng hợp thập phương chư Phật bốn diệu giác tâm. Dĩ Phật Như Lai đồng nhất từ lực.

Việt dịch:

Một là, trên hợp với bốn diệu giác tâm của mười phương chư Phật. Con đạt được từ lực đồng như của chư Phật Như Lai.

Giải thích:

Tâm từ của Bồ-tát Quán Thế Âm hoàn toàn đồng như tâm từ của chư Phật.

Kinh văn:

二者下合十方一切六道眾生。與諸眾生同一悲仰

Nhị giả hạ hợp thập phương nhất thiết lục đạo chúng sanh. Dĩ chư chúng sanh đồng nhất bi ngưỡng.

Việt dịch:

Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương. Cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng.

Giảng giải:

Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương.

Chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương là gì? Hãy nhìn khía cạnh đơn giản là con người, mắt tai mũi lưỡi thân ý, là chúng sinh trong sáu đường. Chúng là sự luân hồi sinh tử trong sáu đường, như là sắc thanh hương vị xúc và pháp, đây cũng là sự luân hồi trong sáu đường. Đó là lục đạo của chúng sinh trong tự tánh của mình. Có sự liên hệ nhau giữa sáu đường bên trong và sáu đường bên ngoài. Sáu đường bên ngoài là cõi của chư thiên, a-tu-la, người, súc sanh, quỷ đói và địa ngục. Cõi giới a-tu-la bao gồm cả những chúng sinh nào thích đấu tranh. A-tu-la là những chúng sinh đem cái tính thích gây sự của mình tham gia một cách hữu ích trong quân đội và bảo vệ đất nước mình. A-tu-la là những người dùng cái tính thích gây sự theo chiều hướng xấu và dẫn đến những việc như trộm cướp và giết-tơ. A-tu-la có thể sống ở cõi trời, cõi người, trong loài súc sanh, hoặc là ma quỷ. Có khi a-tu-la gồm cả trong ba cõi thiện, đó là chư thiên, a-tu-la và cõi người. Có khi được xếp vào bốn ác đạo, đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la. Khi xếp a-tu-la vào cùng với cõi trời, người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, và địa ngục—là xếp theo vòng luân hồi sinh tử trong lục đạo.

Cảnh giới chư Phật ở trên Bồ-tát Quán Thế Âm, nên Bồ-tát nói, “Con ở trên hợp với tâm từ của chư Phật.”

Chúng sinh trong lục đạo là ở cảnh giới thấp hơn Bồ-tát Quán Thế Âm, thế nên Bồ-tát nói, “Con ở dưới hợp với chúng sinh trong sáu đường.” “Chúng sinh” được định nghĩa là những loài sanh ra từ nhiều nhân duyên. Có nhiều yếu tố liên quan đến sự sinh ra của một chúng sinh. Bồ-tát nói tiếp: Con có **cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng**. Các chúng sinh đều khát ngưỡng lòng thương xót của chư Phật và Bồ-tát.

Kinh văn:

世尊由我供養觀音如來。蒙彼如來授我如幻聞薰聞修金剛三昧。與佛如來同慈力故。令我身成三十二應入諸國土。

Thế tôn, do ngã cúng dường Quán Âm Như Lai. Mông bỉ Như Lai thọ ngã Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội. Dĩ Phật Như Lai đồng từ lực cố. Linh ngã thân thành tam thập nhị ứng, nhập chư quốc độ.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ *Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội*, được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ.

Giải thích:

Bạch Thế tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ *Như huyễn*

văn huân văn tu Kim cang tam-muội. Nói như huyễn là vì tu mà không tu, không tu mà tu. Có nghĩa là hành giả luôn luôn biết được những gì đang xảy ra trong mọi thời và không bao giờ quên. Thế nhưng, dù không quên, nhưng hành giả cũng không thực sự nhớ chúng. Chẳng nhớ nghĩ về chúng, tuy nhiên, cũng không quên chúng.

Văn huân có nghĩa là hằng ngày, Bồ-tát thường tu tập pháp môn *Phản văn văn tự tánh* cho đến khi thấm nhuần công phu này. Đây là pháp Kim cang tam-muội. Khi hành giả phát huy định lực này, sẽ được thành tựu Kim cang tam-muội.

Nhờ con được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ. Con có được từ lực đồng như chư Phật, khiến cho con có được ba mươi hai ứng thân. Nên con có thể đi đến khắp mọi quốc độ để giáo hóa chúng sinh.

Kinh văn:

世尊若諸菩薩入三摩地。進修無漏勝解現圓。我現佛身而為說法令其解脫。

Thế tôn, nhược chư Bồ-tát nhập tam-ma-địa, tấn tu vô lậu, thắng giải hiện viên, ngã hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp, linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, nếu có Bồ-tát nhập tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, đã được thắng giải và thể hiện viên

thông, con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị BỒ-tát ấy được giải thoát.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, nếu có BỒ-tát nhập tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, các ngài đã đạt được chánh định (samadhi) và nuốn tiếp tục công phu để đạt đến cảnh giới chân thực vô trụ xứ niết-bàn. Các ngài là những vị đã đạt được thắng giải và thể hiện viên thông. Trí huệ của các ngài rất vi diệu, và đã hiển bày được lục căn viên thông. Con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị BỒ-tát ấy được giải thoát. Khi con gặp những chúng sinh như vậy, con liền hiện thành thân Phật. Dù chính con chưa thành Phật, nhưng nhờ năng lực từ bi của con đồng như chư Phật. Do từ lực này mà con hiện được thân Phật và nói pháp cho hàng BỒ-tát để giúp cho họ đạt đến giải thoát.

Kinh văn:

若諸有學寂靜妙明勝妙現圓，我於彼前現獨覺身而為說法令其解脫。

Nhược chư hữu học tịch tĩnh diệu minh, thắng diệu hiện viên, ngã ư bỉ tiền, hiện Độc giác thân nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng, đã được thắng diệu viên mãn, con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng. Hàng hữu học là chỉ cho những người chưa đạt quả vị thứ tư của A-la-hán. Là những vị **đã được thắng diệu viên mãn**, trí huệ họ rất thù thắng vi diệu và đã thể nhập được viên thông. “**Con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thoát.** Đối với hàng chúng sinh này, con sẽ hiện ra bậc Độc giác,” có nghĩa là người thuộc hàng Nhị thừa đã chứng đạo khi Đức Phật chưa thị hiện trong đời. Họ tu tập pháp Mười hai nhân duyên và được giác ngộ.

Vào mùa Xuân họ quán sát hoa đào trắng nở,

Vào mùa Thu họ quán sát lá vàng rơi.

Họ ngộ ra nguyên lý vận hành tự nhiên của sinh và diệt trong vô số hiện tượng thế gian. Đó là cách mà các vị Độc giác đã giác ngộ. Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ xuất hiện như là một vị Độc giác để giảng pháp cho các vị ấy, giúp cho các vị ấy được giác ngộ.

Kinh văn:

若諸有學斷十二緣。緣斷勝性，勝妙現圓。我於彼前。現緣覺身。而為說法令其解脫。

Nhược chư hữu học đoạn thập nhị duyên. Duyên đoạn thắng tánh, thắng diệu hiện viên. Ngã ư bỉ tiền, hiện Duyên giác thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính, và thắng tánh đã viên mãn. Con hiện ra trước người đó thân Duyên giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính. Lần nữa, ‘hữu học’ là chỉ cho sơ quả A-la-hán.

Mười hai nhân duyên đã được giảng giải ở văn trước. Những điểm ấy rất quan trọng.

1. Vô minh duyên hành;
2. Hành duyên thức;
3. Thức duyên danh sắc;
4. Danh sắc duyên lục nhập;
5. Lục nhập duyên xúc;
6. Xúc duyên thọ;
7. Thọ duyên ái;
8. Ái duyên thủ;
9. Thủ duyên hữu;
10. Hữu duyên sinh;
11. Sinh duyên lão tử.

Đây là lưu chuyển môn, tức là chiều lưu chuyển.

Khi vô minh diệt, hành diệt;

Khi hành diệt, thức diệt;

Khi thức diệt, danh sắc diệt;

Khi đánh sắc diệt, lục nhập diệt;

Khi lục nhập diệt, xúc diệt;

Khi xúc diệt, thọ diệt;

Khi thọ diệt, ái diệt;

Khi ái diệt, thủ diệt;

Khi thủ diệt, hữu diệt;

Khi hữu diệt, sinh diệt;

Khi sinh diệt, lão tử diệt.

Đây là chiều hoàn diệt (hoàn diệt môn). Người tu đạo A-la-hán trở nên rất rõ ràng về vô minh và mối liên hệ dẫn đến sự sinh khởi. Từ sinh đến tử, chúng sinh được sanh ra rồi lại chết xoay vần nhau. Chúng ta chầm dứt vòng luân hồi sinh tử bằng cách trước hết dập tắt vô minh. Khi vô minh đã dứt sạch, các mối liên kết khác lần lượt tiêu tan. Khi họ đoạn trừ các duyên này, họ phát ra thẳng tánh. “Họ trở thành những những người có **thắng tánh đã viên mãn. Con (Bồ-tát Quán Thế Âm) hiện ra trước người đó thân Duyên giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.**

Kinh văn:

若諸有學得四諦空。修道入滅勝性現圓。我於彼前現聲聞身。而為說法令其解脫。

Nhược chư hữu học đắc tứ đế không. Tu đạo nhập diệt thắng tánh hiện viên. Ngã ư bỉ tiền hiện Thanh văn thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế, thắng tính hiện bày viên mãn, con liền hiện ra thân Thanh văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế. Có thể đó là các hàng Thanh văn, A-la-hán, đã nhận ra được tánh không của Tứ diệu đế, đã tu tập Đạo đế và đã chứng được diệu lạc niết-bàn. Các ngài đã đạt được **thắng tính hiện bày viên mãn**, họ đã thể hiện được trạng thái viên thông. **Con liền hiện ra thân Thanh văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thoát.**

Tại sao Bồ-tát lại hiện thân Thanh văn? Vì làm như vậy các ngài mới thành giống như họ, và rất dễ thông cảm. Bồ-tát trở thành một người bạn tốt và có nhiều niềm tin lẫn nhau được thiết lập. Nếu mình không quan hệ với mọi người, dù bất luận mình nói điều gì, họ cũng sẽ không tin. Bồ-tát như thể yêu thích họ để giáo hóa họ. Thanh văn chứng đạo là nhờ nghe lời giảng của chư Phật. Họ là những người thuộc hàng Nhị thừa.

Kinh văn:

若諸眾生。欲心明悟。不犯欲塵欲身清淨。我於彼前現梵王身。而為說法令其解脫。

Nhược chư chúng sanh, dục tâm minh ngộ, bất phạm dục trần, dục thân thanh tịnh. Ngã u bi tiền hiện Phạm vương thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh, muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục lạc thế gian, và muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh—những chúng sinh này không phải là Thanh văn, Duyên giác, chẳng phải là hàng Bồ-tát, họ là những chúng sinh phàm phu trong lục đạo. Họ là những chúng sinh mong **muốn tâm được tỏ ngộ**, họ muốn đạt được giác ngộ—hiểu biết chân thực. Họ là những người **không phạm vào cảnh dục lạc thế gian**. Họ tránh xa tham dục trong cõi thế gian phàm tình, vì họ **muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thoát.** Con sẽ hiện ra như vị Đại Phạm thiên vương và giảng pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.

Kinh văn:

若諸眾生欲為天主統領諸天。我於彼前現帝釋身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh dục vi thiên chủ thống lĩnh chư thiên. Ngã ư bỉ tiên hiện Đế thích thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, thống lĩnh các cõi trời, con liền hiện ra trước người này thân Đế thích, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, là chỉ cho Chúa trời của đạo Cơ-đốc (Christian God). Họ muốn thống lĩnh các cõi trời. Họ muốn được cai trị các cõi trời. **Con liền hiện ra trước người này thân Đế thích (Śakra), thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.** Con liền hiện ra thân Đế-thích vì loại chúng sinh này. Đế-thích là vị Thiên chủ—Chúa trời.

Quý vị có biết rằng Đức Mẹ của Thiên chúa giáo chính là Bồ-tát Quán Thế Âm chăng? Người theo đạo Thiên chúa giáo tin vào Đức Mẹ, vì họ muốn được tái sinh ở trên cõi trời. Thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thành nữ thần để giáo hóa họ, khiến cho họ được sinh ở cõi trời. Dĩ nhiên, từ cõi Trời họ sẽ đọa lạc trở lại, nhưng dần dần họ sẽ lại tiến bộ. Tại sao Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện và thuyết pháp để giúp cho mọi người được sinh trên cõi trời? Mục đích tối hậu của ngài là khiến cho chúng sinh tin vào chư Phật. Nhưng vì lúc đó, ước

nguyện của họ là được sanh lên cõi trời, nên ngài dạy cho họ cách thức thế nào để được sanh ở trên trời. Khi họ từ cõi Trời đọa lạc trở lại lại, rốt cuộc họ sẽ tin vào chư Phật. Người phàm phu thấy rằng thời gian theo tiến trình này rất là dài lâu, nhưng thực ra trong Phật nhãn, đó chỉ là một khoảnh khắc, chỉ là chớp mắt.

Phương pháp này giống như cha mẹ muốn con mình thông thạo xuất sắc một nghề nhưng con mình lại không muốn học nghề đó. Cha mẹ phải chiều theo để cho con mình học ngành nào mà nó thích, nhưng sau vài cơ hội ban đầu thất bại, cuối cùng nó phải chuyển hướng, học ngành nghề mà cha mẹ đã đề nghị. Phương pháp Quán Thế Âm Bồ-tát giáo hóa chúng sinh là đáp ứng bất kỳ mọi ước nguyện của chúng sinh mong muốn. Nhưng mục đích tối hậu là ngài luôn luôn đưa chúng sinh đến chỗ thành tựu Phật quả.

Kinh văn:

若諸眾生欲身自在遊行十方。我於
彼前現自在天身。而為說法令其成就

Nhược chư chúng sanh dục thân tự tại, du hành thập phương, ngã u bỉ tiền hiện Tự tại thiên thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, đi khắp mười phương, con hiện ra thân Tự tại thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, họ muốn được tự tại để đi đến bất kỳ nơi đâu mà mình muốn. Con hiện ra thân Tự tại thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện. Chư thiên thuộc cõi trời Đại tự tại có thể đi đến bất cứ nơi đâu mà họ muốn

Kinh văn:

若諸眾生欲身自在飛行虛空。我於彼前現大自在天身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh dục thân tự tại phi hành hư không, ngã u bỉ tiền, hiện Đại Tự tại thiên thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không, con hiện ra trước người đó thân Đại tự tại thiên, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không. Họ muốn được tự tại, thân thể biến hóa như ý muốn. Họ muốn thân thể mình **phi hành giữa hư không.** Do họ có mong ước này, nên con sẽ tự nương vào từ lực của chư Phật để khiến cho họ hiện thân như ý muốn. Và con sẽ hiện ra trước họ thân của Đại Tự tại

thiên và giảng pháp cho họ nghe, khiến cho họ thành tựu ước nguyện. Đại Tự tại thiên rất là tự chủ và đầy phúc lạc. Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân như vị này để giúp cho chúng sinh thành tựu ước nguyện của họ.

Kinh văn:

若諸眾生愛統鬼神救護國土。我於彼前現天大將軍身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái thống quỷ thần, cứu hộ quốc độ, ngã ư bỉ tiền hiện Thiên Đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước, con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước. Có một số người thích thống lĩnh quỷ thần. Họ làm việc này với ý nghĩa tinh thần yêu nước để cứu hộ và bảo vệ tổ quốc. Con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Kinh văn:

若諸眾生愛統世界保護眾生。我於彼前現四天王身，而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái thống thế giới, bảo hộ chúng sanh, ngã ư bỉ tiền hiện Tứ thiên vương thân, nhi vị thuyết pháp, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh, con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh. Họ muốn cai quản thế giới để bảo hộ chúng sinh trong thế giới ấy, **con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.** Tứ thiên vương¹ là:

1. Trì quốc thiên (s: Dhṛtarāṣṭra 持國天) giám sát châu Purvavideha ở phía Đông;
2. Quảng mục thiên (s: Virūpākṣa 廣目天) giám sát châu Aparagodaniya ở phía Tây ;
3. Tăng Trưởng thiên (s: Virūḍhaka 增長天) giám sát châu Jambudvīpa ở phương Nam.

¹ 四王天 Tứ vương thiên: Còn gọi Tứ đại vương chúng thiên, Tứ Thiên vương thiên 四天王天: Là tầng trời thứ nhất trong 6 tầng trời cõi Dục, chỗ ở của các vị Hộ thế Tứ vương thiên. Gồm:

1. Trì quốc thiên ở phía Đông;
2. Quảng mục thiên ở phía Tây;
3. Tăng Trưởng thiên ở phương Nam.
4. Đa văn thiên hoặc Ti-sa môn thiên vương ở phương Bắc.

4. Đa văn thiên hoặc Tì-sa môn thiên vương (s: Vaiśravaṇa 多聞天) giám sát châu Uttarakuru ở phương Bắc.

Đôi với những ai muốn thống trị thế giới và bảo hộ chúng sinh, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ ứng hiện thân của một trong Bốn vị Thiên vương này.

Kinh văn:

若諸眾生愛生天宮驅使鬼神。我於彼前現四天王國太子身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái sanh thiên cung, khu sử quý thân, ngã ư bỉ tiền hiện Tứ thiên vương quốc Thái tử thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Kinh văn:

Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, sai khiến quý thần, con sẽ hiện ra thân Thái tử con của Tứ thiên vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, ưa thích phước lạc ở cõi trời. Khi ở trong cõi trời, họ có thể sai khiến quý thần. Họ có thể ra lệnh quý thần làm một số việc cho họ. Họ hô triệu quý thần lại và giao việc cho chúng làm. Thực ra, khả năng ra lệnh cho quý thần rất là bình thường. Người ta thấy điều ấy lạ kỳ, nhưng thực

ra không phải như vậy. Đối với những ai muốn sai sử quý thân, con sẽ hiện ra thân *Thái tử con của Tứ thiên vương* trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若諸眾生樂為人主。我於彼前現人王身，而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh nhạo vi nhơn chủ, ngã u bi tiền hiện Nhơn vương thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích làm vua cõi người, con sẽ hiện ra thân Quốc vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có người thích thống lĩnh cõi nhân gian, con liền hiện ra trước người ấy thân của một vị Quốc vương để nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn:

若諸眾生愛主族姓世間推讓。我於彼前現長者身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái chủ tộc tánh, thế gian suy nhượng, ngã u bi tiền hiện trưởng giả thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng, con sẽ hiện ra thân Trưởng giả trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng. Họ thích giàu sang và thông nhiếp một họ tộc lớn. Họ muốn được mọi người trong đời kính trọng. Con sẽ hiện ra thân Trưởng giả trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện ra thân một vị Trưởng giả giàu có trước vị ấy để nói pháp cho họ nghe.

Người phải có mười đức hạnh mới có được danh hiệu Trưởng giả. Đó là:

1. Tánh quý: Xuất thân từ gia đình đại quý tộc.
2. Vị cao: Ở trong cương vị trưởng quan.
3. Đại phú: Nhiều của cải, giàu có.
4. Oai mãnh: Uy nghiêm dũng mãnh.
5. Trí thâm: Trí huệ cao thâm.
6. Niên kỳ: Tuổi cao đức trọng.
7. Hạnh tịnh: Phẩm hạnh thanh cao, xứng đáng là bậc mô phạm.
8. Lễ bị: Đãi người tiếp vật, đều có lễ nghi.
9. Thượng tán: Trên được hàng quốc vương tán thán.
10. Hạ quy: Dưới được lòng dân quy hướng.

Kinh văn:

若諸眾生愛談名言清淨其¹居。我於彼前現居士身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái đàm danh ngôn, thanh tịnh kỳ cư. Ngã ư bỉ tiền hiện cư sĩ thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay, sống đời trong sạch, Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay. Có thể họ thích thi ca, hoặc thích những tác phẩm hay của các nhà văn nổi tiếng. Họ có thể đọc thuộc lòng nhiều thể loại này. Họ thích **sống đời trong sạch**. Nếu yêu cầu họ làm điều gì mà họ cho là không xứng với những việc ấy, họ sẽ không có việc gì để bận tâm vào đó. **Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ và nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn:

若諸眾生愛治國土，剖斷邦邑。我於彼前現宰官身。而為說法令其成就。

¹ Bản Taishō chép 其; bản đời Tống Nguyên Minh chép 自。

Nhược chư chúng sanh ái trị quốc độ, phẫu đoán bang ấp. Ngã ư bỉ tiền hiện Tể quan thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp, con sẽ hiện ra thân Tể quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp. Họ chế định những vấn đề trọng đại trong nước. **Con sẽ hiện ra thân Tể quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Con sẽ hiện thân một vị Tể tướng hoặc quan Đại thần để nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn:

若諸眾生愛諸數術攝衛自居。我於彼前現婆羅門身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái chư số thuật, nhiếp vệ tự cư, ngã ư bỉ tiền hiện Bà-la-môn thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích môn số thuật, tự mình nhiếp tâm giữ thân, con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh thích môn số thuật. Thích nghiên cứu số thuật, tức là thiên văn địa lý, âm dương ngũ hành. *Thuật* tức là Y bốc tinh tướng, chú thủy thư phù để điều dưỡng thân tâm, bảo hộ sinh mạng. *Số* là chỉ cho việc dùng toán số để dự đoán trước. *Thuật* là chỉ cho những ma thuật và các kỹ xảo khác. Nó còn là các bùa chú của ngoại đạo. Chú Tiên Phạm thiên của ngoại đạo Ta-tì-la¹ mà mẹ của Ma-đăng-già sử dụng là một ví dụ của loại này. Những người này thích tự mình **niếp tâm giữ thân**. Họ hiểu được rằng nếu học được thần chú hoặc giáo pháp, thì thần chú và giáo pháp ấy có thể hộ trì được cho họ. **Con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Bà-la-môn là một tôn giáo ở Ấn Độ. Danh xưng đó có nghĩa là ‘có nguồn gốc từ sự thanh tịnh.’ và biểu trưng cho sự tu tập tịnh hạnh. Những người này có rất nhiều pháp thuật. Họ có thể tụng chú và có nhiều kỹ xảo ma thuật. Và vì vậy Bồ-tát Quán Thế Âm thường ứng hợp với mọi chúng sinh, ngài cũng hiện thân như một vị Bà-la-môn để nói pháp, thế nên những hạng người này có thể đạt được điều mình ước nguyện.

Kinh văn:

若有男子好學出家持諸戒律。我於

¹ Ta-tỳ-ca-la (*Kapila*) Tiên Phạm thiên. Kapila là loại ngoại đạo tóc vàng. (Kim đầu) Bà Ma-đăng-già học được tà chú này từ nhóm ngoại đạo tóc vàng.

彼前現比丘身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nam tử hiếu học xuất gia, trì chư giới luật, ngã ư bỉ tiền hiện tử-khuru thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tử-khuru trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải giảng:

Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật. Những người này nghiên cứu kinh điển và quyết định muốn sống đời xuất gia. Họ ra khỏi nhà nào? Ra khỏi ba loại nhà:

1. Họ ra khỏi nhà thế tục.
2. Họ ra khỏi nhà phiền não.
3. Họ ra khỏi nhà tam giới.

Nhà thế tục là gia đình mình. Nhà phiền não là có nghĩa là ở trong vô minh. Chúng ta phải thoát ra khỏi nhà vô minh. Tam giới, còn gọi là Tam hữu, chỉ cho sự sống trong các cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Không phải đợi cho đến khi ra khỏi nhà Tam giới thì quý vị mới chứng được quý vị A-la-hán.

Khi những người này xuất gia, họ thọ trì giới luật. Giới luật rất là quan trọng. Người giữ giới thì không thể nói dối và nói cường điệu. Thấp nhất là giữ gìn năm giới, đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà

hạnh dâm dục, không nói dối, và không dùng rượu và ma túy. Giới luật ở đây, tất nhiên, không chỉ là giới thứ nhất. Những người này thọ trì năm giới, tám giới, 10 giới trọng và 48 giới khinh của hàng Bồ-tát, 250 giới của tỳ-khưu và 348 giới của tỳ-khưu ni. Họ giữ giới và không bao giờ huỷ phạm. **Con sẽ hiện ra thân tỳ-khưu trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Tỳ-khưu có 3 nghĩa:

1. Khất sĩ;
2. Bồ ma;
3. Phá ác.

Hằng ngày, các tỳ-khưu mang bát đi khất thực. Họ không tự nấu thức ăn cho mình. Thế nên họ được gọi là *Khất sĩ*. Có ba đàn giới khi thọ nhận giới cụ túc. Khi dâng đàn thọ giới tỳ-khưu, vị Yết-ma (karmadana) sẽ hỏi:¹

“Thầy có phải là bậc Đại trọng phu không?”

Giới tử trả lời: “Thưa vâng, con là Đại trọng phu.”

Vị Yết-ma hỏi tiếp: “Thầy đã phát tâm bồ-đề chưa?”

Giới tử trả lời: “Thưa vâng, con đã phát tâm bồ-đề.”

Bồ ma: Khi một người đã được truyền tỳ giới tỳ-khưu, loài quý địa hành dạ-xoa truyền tin này cho quý không hành dạ-xoa, tin ấy truyền đến quý phi hành dạ-xoa, cho đến khi truyền đến thiên ma trên cõi trời Lục dục. Họ loan tin: “Có một người trên thế gian vừa xuất

¹ Già nạn. Thường là vị Giáo thọ trong Đại giới đàn đảm nhiệm việc này.

gia và trở thành tử-khuru.” Điều này làm cho Ma vương kinh sợ, nó nói rằng, “Quyền thuộc của ta sẽ mất đi một người và quyền thuộc của Phật tăng thêm một người.”

Phá ác: Vị tử-khuru phá trừ cái ác nào? Cái ác của phiền não. Không biết rõ tại sao con người mọi thời đều dấy khởi phiền não. Khi họ khởi phiền não, họ đánh mất mọi tài năng ngoại trừ khả năng chuyển sang xấu ác. Chẳng hạn, một người ăn trường trai có thể muốn bỏ cuộc, và đầu tiên là anh ta quyết định chấm dứt việc dùng thức ăn thanh tịnh. Anh ta quyết định: “Ta sẽ ăn thịt.” Khi phiền não đã sinh khởi, họ quên tất cả mọi điều ngoại trừ tìm cách làm thế nào để tạo ác nghiệp. Hoặc là, giả sử có người đã bỏ hút thuốc trong một thời gian dài. Khi anh ta bỏ cuộc, việc đầu tiên anh ta làm là vớ lấy điếu thuốc. Và chẳng bao lâu anh ta sẽ trở lại với *heroin*, thuốc phiện, và tất cả các thứ thuốc trong một hơi hít vào! Anh ta hút vào và thở phò ra như một cơn bão. Anh ta hít vô và thở ra rất nhanh như thể mình đã hóa thành vị tiên bất tử có thể thở ra mây và phun ra sương mù. Một người nghiện rượu thề rằng anh ta sẽ không bao giờ đụng đến một giọt. Nhưng khi anh ta nổi giận điều gì đó, anh ta đi mua một chai rồi uống để vơi đi nỗi sầu. Ai đoán được rằng càng uống, anh ta càng trở nên tuyệt vọng. Khi anh ta tỉnh dậy sau cuộc chè chén lu bù, mọi đốt xương trong thân anh ta mỗi nhừ. Thử hỏi mọi người đã từng uống rượu, họ sẽ trả lời rằng buổi sáng hôm

sau thì thật là kinh khủng. Nếu anh ta bị khánh kiệt lúc đó, thì anh ta chẳng làm được điều gì cả nhưng cố chịu đựng. Nhưng nếu còn lại chút ít tiền, tất nhiên là anh ta sẽ đi mua chai khác và bắt đầu uống lại. Anh ta chỉ biết làm một việc đó là say.

Nói chung, khi phiền não sinh khởi, quý vị sẽ làm những điều mà lúc bình thường mình không bao giờ làm. Thậm chí việc này xảy ra cả khi có người thề rằng mình không bao giờ giết người, nhưng khi phiền não nổi lên, anh ta hoàn toàn xem thường mọi thứ và quyết định giết mọi người trên đời này. Anh ta cầm dao và bắt đầu hành sự! Thế nên, phiền não là điều nên tránh. Đừng sinh khởi phiền não. Quý vị cần phải ra khỏi nhà phiền não. Chúng ta cũng muốn ra khỏi nhà Tam giới, và vì thế, xuất gia phải có đầy đủ ba nghĩa này.

Kinh văn:

若有女子好學出家持諸禁戒。我於
彼前現比丘尼身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nữ tử hiếu học xuất gia trì chư cấm giới. ngã u bỉ tiền hiện tỷ-khuru-ni thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tỷ-khuru-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật. Họ muốn tu học Phật pháp. Họ cũng muốn ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não, và ra khỏi nhà Tam giới. Người nữ phải thọ trì nhiều giới điều hơn nam. Họ phải giữ 348 giới. Người ta thường nói rằng phụ nữ có thân với năm thứ hữu lậu. Thế nên họ phải giữ nhiều giới hơn. Con sẽ hiện ra thân tử-khuru-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若有男子樂持五戒。我於彼前現優婆塞身。而為說法令其成就。若[1]復女子五戒自居。我於彼前現優婆夷身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nam tử nhạo trì ngũ giới, ngã ư bỉ tiền hiện Ưu-bà-tắc thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu. Nhược phục nữ tử ngũ giới tự cư, ngã ư bỉ tiền hiện Ưu-bà-di thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới—đó là không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh dâm dục, không nói dối, không uống rượu—con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện thân Cư sĩ để nói pháp cho họ. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới—họ cũng muốn giữ những giới này—con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia. Con sẽ hiện thân nữ Cư sĩ và nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若有女人內政立身以修家國。我於彼前現女主身。及國夫人命婦大家。而為說法令其成就。

Nhược hữu nữ nhơn nội chánh lập thân, dĩ tu gia quốc, ngã ư bi tiền hiện nữ chủ thân, cập quốc phu nhơn mạng phụ đại gia, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để điều hành gia đình hay quốc gia, con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhơn mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để

điều hành gia đình hay quốc gia. Có khi những người phụ nữ này lo việc nội trợ, có khi họ nắm quyền trong triều chính, điều hành việc quốc gia. **Con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhân mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Có thể Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân một phụ nữ điều hành việc quốc sự, hoặc như là phu nhân của một nhà cai trị. Có khi Bồ-tát thị hiện như một mệnh phụ có quyền lực hoặc người phụ nữ thanh nhã lịch thiệp trong xã hội. Trong các trường hợp này, Bồ-tát Quán Thế Âm đều đáp ứng cho các ước nguyện của họ.

Kinh văn:

若有眾生不壞男根。我於彼前現童男身。而為說法令其成就。

Nhược hữu chúng sanh bất hoại nam căn, ngã u bỉ tiền hiện đồng nam thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải giảng:

Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn. Đối với những thanh niên chưa biết đến phụ nữ và vẫn còn trong trắng, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若有處女愛樂處身不求侵暴。我於彼前現童女身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nữ ái nhạo xử thân, bất cầu xâm bạo, ngã ư bỉ tiền hiện đồng nữ thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người con gái, muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn, con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu

Giải thích:

Nếu có người con gái, có nghĩa là phụ nữ chưa bao giờ biết đến đàn ông và chưa kết hôn. **Muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn.** Họ không muốn gần gũi đàn ông, kết hôn, hoặc trải qua kinh nghiệm bị chiếm đoạt. Con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu

Kinh văn:

若有諸天樂出天倫。我現天身而為說法令其成就。

Nhược hữu chư thiên nhạo xuất thiên luân, ngã hiện thiên thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chư thiên muốn thoát khỏi loài trời, Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chư thiên muốn thoát khỏi loài trời. Các vị tiên nam và tiên nữ này không muốn lưu lại trong cõi trời nữa, họ muốn thoát khỏi Tam giới. **Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Vì họ muốn siêu việt cõi trời, con liền hiện thân trước họ, dùng mọi phương tiện để giúp họ đạt được điều họ muốn.

Kinh văn:

若有諸龍樂出龍倫。我現龍身而為說法令其成就。

Nhược hữu chư long nhạo xuất long luân, ngã hiện long thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài rồng muốn thoát khỏi thân rồng, Con sẽ hiện ra thân rồng, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài rồng muốn thoát khỏi thân rồng. Quan niệm chung của thời đại ngày nay là loài rồng không có thực. Một vài người công nhận huyền thoại về loài rồng thời xưa, rất to lớn và khủng khiếp. Không có cách nào để moi chắc thật về ý kiến đã nêu trước, nhưng loài rồng có thật. Thế nó ở đâu? Long cung ở dưới biển. “Chúng tôi đã dò thấu chiều sâu, tại sao chúng tôi chưa từng đi qua chỗ đó?” Quý vị sẽ hỏi. Nếu quý vị tìm ra được chỗ ở của chúng, thì chúng không còn là loài rồng

thật, vì rồng là loài linh vật. Nó có thần thông và có thể tự biến mình thành lớn hoặc nhỏ như ý muốn. Nó có thể tự biến thành lớn như hư không. Nó có thể rút lại nhỏ như vi trần nếu cần. Nó có thể bất ngờ tàng hình, rồi hiện hình lại ngay tức khắc. Năng lực thần thông cho chúng khả năng tự biến hóa với vô số cách thức. Tại sao chúng có năng lực như vậy mà lại thọ thân súc sanh? Vì trong những thân tu hành từ đời trước, chúng phát tâm tu tập Đại thừa, nhưng chúng không chịu giữ giới. Chúng thuộc dạng ‘*thừa cấp, giới hoãn.*’ Chúng rất hồ hững. Vì chúng rất nhiệt tâm với pháp tu Đại thừa—*thừa cấp*, nên chúng có được thần thông. Nhưng vì chúng không giữ giới, nên chúng bị đọa vào hàng súc sanh. Nếu loài rồng quyết định muốn thoát khỏi thân rồng, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân rồng ra trước chúng và nói pháp cho chúng nghe, khiến cho chúng thành tựu được ước nguyện.

Kinh văn:

若有藥叉樂度本倫。我於彼前現藥
叉身。而為說法令其成就。

*Nhược hữu dược-xoa nhạo độ bản luân, ngã u bỉ
tiền hiện dược-xoa thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành
tựu.*

Việt dịch:

Nếu có loài dược-xoa muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải:

Nếu có loài dược-xoa. Dược-xoa theo tiếng Sanskrit là *yakṣa*, Hán dịch là *tiệp tật*, có nghĩa là ‘nh nhanh chóng.’ Còn dịch là *dũng kiện*, có nghĩa là dũng cảm và mạnh mẽ. Dược-xoa là một loại quỷ thần. Có ba loại quỷ thần chính:

1. Địa hành quỷ;
2. Phi hành quỷ;
3. Không hành quỷ.

Trong chú Thủ-lăng-nghiêm có câu: *Dược-xoa yết ra ha*.¹ Trong bài chú, tên các vị vua của các loài quỷ đều được gọi lên. Mỗi vị quỷ vương thống lĩnh nhiều vị quỷ bậc thấp, và khi tên của vị vua được gọi lên, thì toàn thể các loài quỷ thần khác đều phải cung kính tuân theo mệnh lệnh của vua. Nếu loài **muôn thoát khỏi loài của mình**—họ không muốn làm quỷ thần nữa—**Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân như một loài quỷ Dược-xoa để giúp họ thành tựu ước nguyện.

Kinh văn:

若乾闥婆樂脫其倫。我於彼前現乾闥婆身。而為說法令其成就。

¹ Đệ tam, Câu 195: 藥叉羯囉訶. Tiếng Phạn: *Yakṣa grāha*: Loài ác quỷ dạ-xoa.

Yakṣa: Quỷ dạ-xoa (dược-xoa); *Graha*: Quỷ mi.

Nhược càn-thát-bà nhạo thoát kỳ luân, ngã u bi tiền hiện càn-thát-bà thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài càn-thát-bà muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có loài càn-thát-bà. Càn-thát-bà theo tiếng Sanskrit là *gandharva*, Hán dịch là *huơng ám*, vì việc ngửi mùi hương tạo nên thức của chúng. Chúng là các nhạc công của Ngọc Hoàng. Khi Ngọc Hoàng đốt hương trầm thuy lên, chúng nghe được mùi hương và liền bị thu hút đến. Chúng đến chơi nhạc làm vui cho Ngọc Hoàng. Loài càn-thát-bà này **muốn thoát khỏi loài của mình**, chúng không muốn làm thân càn-thát-bà nữa. **Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Kinh văn:

若阿修羅樂脫其倫。我於彼前現阿修羅身。而為說法令其成就。

Nhược a-tu-la nhạo thoát kỳ luân, ngã u bi tiền hiện a-tu-la thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài a-tu-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài a-tu-la muốn thoát khỏi loài của mình. Họ muốn ra khỏi quyền thuộc của loài a-tu-la, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Phần này gồm các chúng sinh trong bát bộ quỷ thần, nhưng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm lại không đề cập đến loài Ca-lâu-la.¹ Nhưng Phạm Phổ môn trong kinh Pháp Hoa, có đề cập đến việc Bồ-tát Quán Thế Âm cũng hiện thân thành Ca-lâu-la.

Ca-lâu-la là phiên âm từ tiếng Sanskrit, có nghĩa là Chim đại bàng cánh vàng-kim suy điều. Ca-lâu-la là một trong Bát bộ, và sự kiện kinh văn không đề cập loài này có lẽ là do lỗi bỏ sót khi sao chép kinh, hoặc có lẽ được hiểu bao hàm trong phạm trù chung là ‘chúng sinh’ như đã được nêu ở trên.

Ca-lâu-la chỉ ăn riêng loài rồng. Cánh của loài chim này rộng đến 330 đại do-tuần.² Một tiểu do-tuần bằng 40 lý của Trung Hoa (một lý tương đương 1/3 dặm Anh). Một trung do-tuần bằng 60 lý. Một đại do-tuần bằng 80 lý. Với một lần vỗ cánh của nó, chim đại bàng cánh vàng tát cạn hết nước biển. Sức mạnh của nó lớn như vậy. Khi nước biển đã cạn sạch, loài rồng lộ ra. Bằng cách này, loài Ca-lâu-la sắp bắt hết sạch toàn thể chúng tộc loài rồng. Thế nên loài rồng đến yết kiến Đức Phật để xin

¹ s: garuḍa,

² S: Yojana. Phiên âm: Du-thiện-na.

cứu giúp. “Loài Chim đại bàng cánh vàng (Ca-lâu-la) gần như làm cho quuyến thuộc loài rỗng chúng con tuyệt chủng. Chúng con phải làm sao?” Chúng ngưỡng trông lòng từ bi của Đức Phật cứu giúp; chúng mong rằng Đức Phật sẽ ngăn cản loài Chim đại bàng cánh vàng ăn thịt loài rỗng quuyến thuộc chúng. Đức Phật cho loài rỗng một mảnh áo ca-sa của ngài để quấn trên sườn của chúng. Sau đó, loài Chim đại bàng cánh vàng không dám ăn thịt rỗng. Không có gì để ăn, loài Chim đại bàng cánh vàng cũng đến kêu cứu Đức Phật cầu xin cứu giúp chúng. Đức Phật hỏi, “Chẳng có ai ăn thịt các ông, sao lại đến xin cứu giúp?”

Loài Chim đại bàng cánh vàng đáp: “Đúng là chẳng có điều gì đe dọa chúng con, nhưng chẳng có gì để ăn cả, chúng con sẽ chết vì đói. Ngài không cho chúng con được phép ăn thịt rỗng nữa, chúng con sẽ chết mất.” Rồi chúng xin Đức Phật đem lòng từ bi nghĩ cách cứu giúp chúng.

“Các ông chẳng có gì để ăn, phải không? Được rồi, Như Lai sẽ giúp các ông. Về sau, mỗi khi Như Lai và các đệ tử tỷ-khưu thọ trai, sẽ cúng thức ăn cho các ông dùng. Ông không được ăn thịt loài rỗng nữa.”

Đó là lí do tại sao, trong khi thọ trai vào buổi trưa, chư tăng thường đem một ít thực phẩm ra bên ngoài để cúng dường cho Chim đại bàng cánh vàng. Bản kinh này không đề cập đến Chim đại bàng cánh vàng, nhưng chúng ta nên biết rằng Bát bộ quý thần đều bao gồm trong các chúng sinh này.

Kinh văn:

若緊陀羅樂脫其倫。我於彼前現緊陀羅身。而為說法令其成就。

Nhược khấn-đà-la¹ nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bi tiền hiện khấn-đà-la thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài khấn-đà-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân khấn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài khấn-đà-la muốn thoát khỏi loài của mình,

Khấn-đà-la theo tiếng Sanskrit là *Kimnara*,² Hán dịch là Nghi thân. Chúng có tên như vậy là vì khi chúng hiện ra thân người, nhưng trên đầu chúng lại có một cái sừng. Chúng cũng là một loại nhạc thần khác thường tấu nhạc cho Ngọc Hoàng. Con sẽ hiện ra trước họ thân khấn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若摩呼羅伽樂脫其倫。我於彼前現摩呼羅伽身。而為說法令其成就。

Nhược ma-hô-la-già nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bi

¹ Bản VPTT chép Khấn-na-la 緊那羅.

² S: *Kimnara*; p: *Kinnara*; t: *Miham-ci*

tiên hiện ma-hô-la-già thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có loài ma-hô-la-già, Ma-hô-la-già theo tiếng Sanskrit là Mahoraga, Hán dịch là Đại mãng thần¹, còn gọi là Địa long. Loài rồng được đề cập ở trên là loài có thể đi lại trên không và được gọi là Thiên long. Loài mãng xà này, cũng gọi là rồng, mà bị hạn chế trên mặt đất. Nó không có năng lực thần thông. Ma-hô-la-già cũng là chúng sinh trong bát bộ quỷ thần. Nếu loài ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài của mình. Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若諸眾生樂人修人。我現人身而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sinh nhạo nhân tu nhân, ngã hiện nhân thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu

¹ S: Mahoraga; t: Lto-hphyee chen-po; 大蟒神 Đại mãng thần.

để thành thân người, Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu để thành thân người. Họ muốn đời này sang đời khác, luôn luôn được làm thân người. Thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm nói, “Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.” Ngài sẽ nói pháp cho các chúng sinh này nghe để giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.

Kinh văn:

若諸非人有形無形。有想無想樂度其倫。我於彼前皆現其身。而為說法令其成就。

Nhược chư phi nhân, hữu hình vô hình, hữu tưởng vô tưởng nhạo độ kỳ luân, ngã ư bỉ tiền giai hiện kỳ thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không có hình, hoặc có tướng, hoặc không có tướng, muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài phi nhân. Đây chỉ cho loài vật và các sinh vật khác với loài người, loài hoặc có hình, hoặc

không có hình, hoặc có tướng, hoặc không có tướng. Nếu những loài chúng sinh như thế này muốn **muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

‘Có hình’ có nghĩa là có một hình tướng có thật, có thể thấy được.

‘Vô hình’ có nghĩa là không có hình tướng.

Có nhiều loài chúng sinh “hữu tướng.”

Chúng sinh “vô tướng” gồm có loài đất, đá, gỗ, sắt... Những chúng sinh ‘Vô hình’ vốn cũng là chúng sinh, nhưng họ đã bị phân tán thành không và rơi vào sự lãng quên. Trường hợp này thường là dạng thân trung âm và đến một thời điểm nào đó, chúng lại trải qua sự tái sanh và trở lại làm người.

Kinh văn:

是名妙淨三十二應，入國土身。皆以
三昧聞薰聞修，無作妙力自在成就。

Thị danh diệu tịnh tam thập nhị ứng, nhập quốc độ thân. Giai dĩ tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực tự tại thành tựu.

Việt dịch:

Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam muội và vô tác diệu lực.

Giảng giải:

Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam-muội. Hành giả phát triển công phu phản văn văn tự tánh bằng sự tu tập hằng ngày, và áp dụng vô tác diệu lực “Vô tác” là chỉ cho đạo lý vi diệu của ‘vô vi’, với đạo lý này, chẳng cần phải đi qua khái niệm của suy lường và tiến trình tư duy để tìm ra ý tưởng, như mọi người ai cũng phải vận dụng khi muốn làm một điều gì đó. Các vị Bồ-tát không tưởng tượng hay suy lường các việc ấy. Trong định (tam-muội), các ngài có thể làm mọi việc. Trong văn huân văn tu tam-muội các ngài có thể đạt được vô tác diệu lực. Và bằng phương pháp này, các ngài thành tựu năng lực tự tại. Rất tự nhiên, mọi việc đều được ổn đáng.

Kinh văn:

世尊我復以此聞薰聞修金剛三昧無
作妙力，與諸十方三世六道，一切眾生同
悲仰故，令諸眾生於我身心，獲十四種無
畏功德。

*Thế tôn, ngã phục dĩ thử văn huân văn tu kim cang tam
muội vô tác diệu lực, dĩ chư thập phương tam thế lục đạo,
nhất thiết chúng sanh đồng bi ngưỡng cố, linh chư chúng
sanh ư ngã thân tâm, hoạch thập tứ chủng vô úy công đức.*

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có

cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời, nên khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô úy.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời—có tâm bi ngưỡng trong Phật pháp đối với các loài chúng sinh trong lục đạo, chư thiên, loài người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, và địa ngục.

Con đi vào khắp cả mười phương ba đời, —quá khứ, hiện tại, vị lai. Con tu tập văn huân văn tu kim cang tam muội, và con không cần phải suy lường tính toán về công việc rồi mới thực hiện.

Khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô úy. Con đã đạt được 14 công đức vô úy.

Kinh văn:

一者由我不自觀音，以觀觀者，令彼十方苦惱眾生。觀其音聲即得解脫。

Nhất giả do ngã bất tự quán âm, dĩ quán quán giả, linh bi thập phương khổ não chúng sanh, quán kỳ âm thanh tức đắc giải thoát.

Việt dịch:

Một là, do con không tự quán âm thanh, mà

quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thoát.

Giảng giải:

Đây là một trong 14 công đức vô úy. Một là, do con không tự quán âm thanh, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thoát.

Chẳng phải ngài chỉ quán sát riêng âm thanh của chính mình, mà ngài quán âm thanh của các chúng sinh trong thế giới. “Vì công phu phản văn văn tự tánh của con đã thành tựu, nên con không cần phải quán sát tự thân. Mà con có thể quán sát mọi chúng sinh trong khắp thế giới và giúp cho những chúng sinh đang đau khổ được giải thoát khổ. Con lắng nghe những tiếng kêu khổ đau của họ, và con cứu giúp cho họ được giải thoát.”

Kinh văn:

二者知見旋復，令諸眾生設入大火火不能燒。

Nhị giả tri kiến triển phục, linh chư chúng sanh thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu.

Việt dịch:

Tri kiến đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào đồng lửa, lửa vẫn không cháy.

Giảng giải:

Tri kiến đã xoay trở lại—có nghĩa là Bồ-tát Quán Thế Âm có công năng soi chiếu trở lại vào tự tâm—nên con có thể **khiến cho các chúng sinh dù vào đồng lửa, lửa vẫn không cháy**. Nếu có chúng sinh thường tu tập và trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù họ có đi vào lửa dữ, lửa vẫn không đốt cháy được họ.

Kinh văn:

三者觀聽旋復。令諸眾生大水所漂，
水不能溺。

Tam giả quán thính tuyên phục, linh chư chúng sanh đại thủy sở phiêu, thủy bất năng nịch.

Việt dịch:

Ba là, quán cái nghe đã quay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào nước sâu, nước không nhận chìm.

Giải thích:

Có người nghĩ rằng: “Ta sẽ thử xem Bồ-tát Quán Thế Âm thực sự có cảm ứng không. Ta sẽ ngồi trên một đồng củi và chân lửa xem thử nó có cháy không.”

Trong trường hợp ấy, quý vị sẽ bị cháy liền. “Thế tại sao trong kinh nói rằng *nếu* đi vào lửa dữ thì lửa không cháy?” Đó là do chữ *nếu*, có nghĩa là điều ấy chỉ xảy ra khi quý vị không có một tính toán nào cả.

Có người khác nói, “Bồ-tát Quán Thế Âm nói rằng nếu có người bị rơi vào nước sâu, họ sẽ không bị chìm, nên tôi sẽ nhảy xuống biển xem thử có bị chìm không.” Chắc chắn quý vị sẽ bị chìm. Chỉ khi nào quý vị bất ngờ

gặp phải cảnh khổ đau hoặc gian nguy thì Bồ-tát Quán Thế Âm mới cứu giúp quý vị. Nhưng nếu quý vị có dự tính thử thách ngài thì quý vị sẽ không có được sự đáp ứng, vì vốn quý vị không tin vào Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu quý vị thực sự tin, thì chẳng có lý do gì cần phải thử. Điều hay nhất là không nên thử thách ngài.

Kinh văn:

四者斷滅妄想，心無殺害。令諸眾生入諸鬼國鬼不能害。

Tứ giả đoạn diệt vọng tưởng, tâm vô sát hại, linh chư chúng sanh nhập chư quỷ quốc, quỷ bất năng hại.

Việt dịch:

Bốn là đã diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho chúng sinh khi vào những nước quỷ, quỷ không hại được.

Giảng giải:

Nếu vọng tưởng đã được dứt sạch, và quý vị không còn một niệm tưởng sát hại nào nữa, và nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể khiến cho các chúng sinh khi đi vào nơi ở của quỷ La-sát mà không bị chúng sát hại.

Kinh văn:

五者薰聞成聞。六根銷復同於聲聽。能令眾生臨當被害刀段段壞。使其兵戈猶如割水，亦如吹光性無搖動。

Ngũ giả huân văn thành văn. Lục căn tiêu phục đồng ư thanh tịnh. Năng linh chúng sanh lâm đương bị hại đao đoạn đoạn hoại. Sử kỳ binh qua du như cát thủy, diệp như xuy quang tánh vô dao động.

Việt dịch:

Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tính nghe. Có thể khiến cho chúng sinh lúc sắp bị hại, đao gậy sẽ gãy từng đoạn, khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động.

Giảng giải:

Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tính nghe—có nghĩa là, khi công phu tu tập phản văn văn tự tánh đã thành tựu, sáu căn sẽ được hỗ dụng. Thế nên, con có thể khiến cho **chúng sinh lúc sắp bị hại, đao gậy sẽ gãy từng đoạn**. Chẳng hạn, giả sử có người cầm dao dự tính cắt đầu ai đó. Ngay khi dao vừa chạm đầu, thì dao liền vỡ ra từng mảnh. Con có thể **khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động**. Con có thể khiến cho binh khí bén nhọn khi sắp chặt vào vai người nào đó thì sẽ giống như cắt vào nước; có nghĩa là khi dao chém qua vai, nó cứ đi qua, không có vết thương nào lưu lại cả. Hoặc là, con có thể khiến cho dao cắt như là thổi vào ánh sáng, có nghĩa là chẳng hề hấn gì cả, vì bất luận

quý vị có thời vào ánh sáng đến đâu, thì ánh sáng vẫn không lay động.

Kinh văn:

六者聞薰精明明遍法界，則諸幽暗性不能全。能令眾生藥叉羅刹鳩槃荼鬼，及毘舍遮富單那等，雖近其傍目不能視。

Lục giả văn huân tinh minh minh biến pháp giới, tắc chư u ám tánh bất năng toàn. Năng linh chúng sanh dược-xoa, la-sát, cuu-bàn-trà quý, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na đẳng, tuy cận kỳ bàng, mục bất năng thị.

Việt dịch:

Sáu là huân tập tính nghe sáng suốt thấy khắp pháp giới, thì các tính tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cuu-bàn-trà quý, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na...đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

Giải thích:

Sáu là huân tập tính nghe sáng suốt—có nghĩa là khi công phu tu tập phần văn văn tự tánh đã thành tựu—thấy khắp pháp giới, thì các tính tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cuu-bàn-trà quý, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na... đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

Dược-xoa là quý nam, la-sát là quý nữ. Cả hai loại quý đều rất ác độc. Thức ăn của chúng là thịt người. Chúng có những câu chú (mantra) đủ tạo ra năng lực

khử mùi thối nơi thầy chết để chúng có thể ăn thịt. Cừu-bàn-trà cũng là tên của một loại quỷ, chúng có hình dáng như một cái thùng tròn¹ và đem đến ác mộng cho loài người. Chẳng hạn, khi ngủ, họ thấy có điềm quái dị hiện ra, dù trong giấc mơ, tinh thần họ vẫn rất linh lợi, nhưng họ vẫn không cử động thân thể được. Họ trở nên bị tê liệt qua sự chế ngự của loài quỷ gây ác mộng này. Có khi, dương khí của người kia bị suy yếu và khí âm vượng, người kia có thể bị tê liệt trong một thời gian khá dài, và loài quỷ kia có thể làm cho người ấy thiệt mạng. Đây là loài quỷ có rất nhiều trên thế gian.

Tỳ-xá-già² là loài quỷ ăn tinh khí của người và cũng ăn tinh chất của ngũ cốc. Phú-đan-na.³ Chúng có thể khiến cho người bị bệnh và lên cơn sốt. Nếu quý vị tu tập công phu phản văn văn tự tánh, hoặc nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì những loài quỷ này không thể thấy được quý vị, dù chúng có đến bên cạnh quý vị; do vì quý vị đã phát ra ánh sáng khiến chúng sợ hãi. Thực vậy, loài chim cú và loài dơi có thể thấy mọi lúc. Vì loài quỷ là thuộc âm, chúng không thể thấy được quý vị nếu quý vị phát ra ánh sáng dương. Chúng chỉ nhìn thấy quý vị khi quý vị phát ra khí âm.

¹ Hán dịch: Ủng hình.

² Tỳ-xá-già (piśāca): đạu tinh khí, loại quỷ thần này chỉ dùng tinh khí của người và các loại ngũ cốc.

³ Phú-đan-na (Putana): xú uế nga quỷ hay nhiệt bệnh quỷ, loài quỷ đói, thân thể hôi hám, thường gây bệnh tật cho người.

Kinh văn:

七者音性圓銷。觀聽返入離諸塵妄。能令眾生禁繫枷鎖所不能著。

Thất giả âm tánh viên tiêu, quán thính phản nhập, ly chư trần vọng. Năng linh chúng sanh cấm hệ枷鎖 sở bất năng trước.

Việt dịch:

Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tính quán sát và tính nghe đều quay về tự tánh, liả hẳn các vọng trần. Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được.

Giảng giải:

Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tính quán sát và tính nghe đều quay về tự tánh, liả hẳn các vọng trần. Chẳng còn âm thanh, thậm chí chẳng còn tính nghe khi hành giả đã xoay tính quán sát và tính nghe trở lại trong tự tánh. Hành giả bỏ lại đằng sau hết những vọng trần và vọng tưởng. Lúc đó, con **Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được.** Nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, các thứ cùm khóa đều tự rời ra. Việc này xảy ra rất thường, một số người đã trải qua kinh nghiệm này. Đó không phải chỉ là cách nói, nếu có người chí thành niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì sẽ có được cảm ứng như thế này.

Có người bị phạm tội và bị giam trong tù. Anh ta cùng 7, 8 phạm nhân khác cùng niệm danh hiệu Bồ-tát

Quán Thế Âm. Làm sao mà họ biết làm điều này? Họ quen một vị tăng và cầu thỉnh vị Tăng cứu giúp cho họ thoát khỏi cảnh ngộ khốn cùng này. Vị tăng nói với họ rằng: “Nếu các ông muốn tôi cứu giúp, các ông phải một lòng trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm; quý vị sẽ được thoát khỏi tình thế gian nguy này.” Các người tù đều niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm trong ba ngày ba đêm, khóa cùm và xiềng xích đột nhiên được tháo ra và họ được tự do. Nhưng họ vẫn chưa đi, họ nghĩ rằng: “Việc mình thoát thân liệu có ý nghĩa gì khi nhiều người khác vẫn còn bị giam cầm ở đây?” Thế là họ bảo các người tù kia niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Sau hai ngày đồng niệm nữa, khóa trên gông xiềng các người tù kia cũng được tháo sạch. Họ đều được trở về nhà. Sau đó, họ đều một lòng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Họ niệm rất chí thành đến nỗi khiến cho dân trong làng đều phát tâm tu tập.

Kinh văn:

八者滅音圓聞，遍生慈力。能令眾生
經過嶮路，賊不能劫。

*Bát giá diệt âm viên văn, biến sanh từ lực, năng
linh chúng sanh kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp.*

Việt dịch:

Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp, khiến chúng sanh đi qua đường hiểm mà giặc không thể cướp được.

Giảng giải:

Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp. Khi âm thanh đã vắng bật và tánh nghe đã viên thông, từ lực sinh khởi rộng khắp. Đó là âm thanh của thế gian phàm trần, và do phản văn vẫn tự tánh mà tánh nghe của mình được viên thông, có nghĩa là không dùng tâm ý thức để nhận ra cái nghe, mà ta vẫn nghe được mọi âm thanh.

Kinh văn:

九者薰聞離塵，色所不劫。能令一切多婬眾生遠離貪欲。

Cửu giả huân văn ly trần, sắc sở bất kiếp, năng linh nhất thiết đa dâm chúng sanh viễn ly tham dục.

Việt dịch:

Chín là do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh... không lôi kéo được, khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

Giảng giải:

Lực vô úy thứ chín là tách lìa khỏi tham dục. **Do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh... không lôi kéo được.** Nếu có người hằng ngày công phu tu tập phản văn vẫn tự tánh đến lúc viên mãn, họ có thể lìa xa cảnh giới phàm trần. Đặc biệt, họ có thể lìa ra khỏi cảnh giới nhiễm ô của sắc trần.

Chúng ta không nên nghĩ rằng sắc đẹp là tuyệt vời khi dính líu đến nó. Nếu quý vị thích sắc đẹp, nó sẽ cướp

đoạt mọi của báu trong gia sản quý vị. Nó sẽ ngốn hết của báu cổ xưa quý giá và cướp đi hết. Đúng hơn, phải nên:

Nhãn kiến sắc trần nội vô hữu

Nhĩ văn thế sự tâm bất tri.

Mắt thấy sắc trần nhưng bên trong chẳng động lại gì cả.

Tai nghe thế sự nhưng tâm chẳng phân biệt.

Khi quý vị thấy sắc đẹp, tâm thái của quý vị nên như thể chẳng thấy điều gì cả. Nếu quý vị thấy sắc đẹp và tâm mình lay động, thì hãy tự hỏi rằng tại sao tâm mình không dao động trước khi mình thấy được nó. Đừng để cho sắc đẹp cướp đi của cải trong nhà của mình.

Bồ-tát Quán Thế Âm nói rằng: Con có thể khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

Một đoạn trong Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn phẩm trong kinh Pháp Hoa có nói rằng: “*Nhược đa dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly dục.*—Nếu có chúng sinh lòng nhiều dâm dục, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, liền được lìa hẳn dâm dục.”

Đó cũng là nghĩa tiêu biểu của kinh văn. “Nhiều tham dục” đặc biệt chỉ cho tham muốn tình dục. Vấn đề lớn nhất trong đời sống con người, vấn đề hầu như nan giải, đó là tham muốn tình dục. Nhìn thông suốt được sự rắc rối của nam nữ và bỏ qua một bên được điều ấy thì đó là tự do chân thật. Nếu quý vị không thể nhìn thông suốt được điều ấy và bỏ qua một bên được điều ấy, thì quý vị

không thể nào có được tự do, và không thể nào trở nên giác ngộ. Nếu quý vị thực sự lão thật trong công phu, thì khi ăn cơm, quý vị không biết mình đang ăn, khi mặc không biết mình đang mặc áo. Nếu quý vị có thể quên việc đang ăn cơm và đang mặc áo, thì quý vị sẽ càng dễ từ bỏ mọi thứ bên ngoài. Nếu đàn ông có thể quên bạn gái của mình và phụ nữ có thể quên bạn trai của mình—nếu quý vị có thể đập tan từng mảnh cảnh giới này—thì công phu quý vị có chút thực chất. Quý vị dính mắc nhiều ít với anh chị em mình, với con trai con gái mình, và với toàn thể họ hàng bà con mình. Để học Phật pháp, quý vị phải phóng hạ mọi thứ. Đang lúc học Phật pháp, quý vị đừng nên để ý đến chuyện gì khác. Quý vị nên như người mới bắt đầu lại, hãy quên mọi chuyện trong quá khứ. Với cách đó, dòng nước Phật pháp mới có thể thấm nhuần tâm bồ-đề. Nếu quý vị không thể phóng hạ mọi thứ và không thể từ bỏ điều gì cả, thì dòng nước Phật pháp chẳng thể nào nuôi dưỡng tâm bồ-đề. Nếu quý vị có thể thường xuyên trì tụng danh hiệu và lễ kính Bồ-tát Quán Thế Âm, thì tâm dâm dục của quý vị sẽ tiêu mất.

Vấn đề quan trọng nhất trong tu tập là cắt đứt hẳn niệm tưởng dâm dục. Nếu quý vị không làm được điều này, thì không thể nào ra khỏi Tam giới. Quý vị không thể nào quyết định muốn trở nên giác ngộ và vẫn không thể lìa xa những kinh nghiệm của thế gian này. Nếu quý vị không thể nào tách rời những chuyện yêu đương trên trần gian, thì quý vị không thể nào thành Phật được. Quý vị không thể nào mong được cả hai. Không Tử cũng có nói:

Không thể cùng lúc có cả cá và tay gấu.¹

Dù người ta thích ăn cá và chân gấu, nhưng không thể nào ăn được cả hai thứ đó cùng một lúc. Cũng giống như vậy, quý vị không thể nào hưởng lạc thú trần gian và phước lạc xuất thế trong cùng một lúc. Quý vị muốn thành Phật, nhưng quý vị không thể nào lìa xa được ngũ dục thế gian là *tài, sắc, danh, thực, thùy*. Thì chẳng có cách nào thành tựu được.

Kinh văn:

十者純音無塵，根境圓融，無對所對，
能令一切忿恨眾生離諸嗔恚。

Thập giá thuần âm vô trần, căn cảnh viên dung, vô đối sở đối, năng linh nhất thiết phân hận chúng sanh ly chư sân khuê.

Việt dịch:

Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, không còn đối đãi năng sở, khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si sân nhuê.

Giải thích:

Lục vô úy thứ Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung.

Khi mình đã quay tánh nghe trở lại để nghe tự tánh

¹ Bi chương.

E: You can't have fish and bear-paws at the same time.

của mình, âm thanh trở nên thanh tịnh, đó chỉ có nghĩa là trong đó chẳng còn tiếng gì cả. Âm thanh lặng không và thanh trần vắng bật. Lúc đó chỉ còn sự dung thông của sáu căn và sáu trần. Trên thế gian này, bất luận mọi điều xấu ác nào, đều có thể trở nên tốt đẹp nếu quý vị biết cách xử sự với nó. Và mọi điều tốt đẹp đều có thể trở nên xấu ác nếu quý vị không biết cách xử sự với nó. Trước đây trong kinh văn chư Phật trong mười phương đã chỉ dạy cho A-nan rằng chính tên giặc sáu căn là nguyên nhân gây ra sai lầm, và cũng chính sáu căn là cái có thể khiến cho chúng ta thành tựu quả vị Phật. Chính là sáu căn chứ chẳng cái gì khác. Nếu quý vị biết vận dụng chúng, chúng sẽ giúp đỡ cho quý vị. Còn nếu không biết cách vận dụng chúng, thì chúng sẽ tàn phá đến mình. Cũng giống như tiền, khi mình có tiền, nếu biết rằng mình nên làm những việc công đức và làm những việc thiện để giúp ích cho mọi người, thì tiền ấy sẽ không bị phí phạm. Nhưng nếu quý vị dùng tiền để hút xác và cờ bạc và những việc không lành mạnh khác, là quý vị đã dùng tiền của mình để tạo nên nghiệp chướng. Đạo lý này cũng tương tự như sáu căn.

Khi âm thanh không còn và căn trần viên thông, tức **không còn đối đãi năng sở**. Là bất nhị (non-dual); thành nhất thể. Thế nên chẳng còn sáu căn hoặc sáu trần; và thế nên sáu căn chỉ là sáu căn và sáu trần chỉ là sáu trần. Chẳng còn sự xung đột giữa sáu căn và sáu trần khi hành giả đạt đến trạng thái này. Nên con có thể **khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si nhuế**.

Con có thể khiến cho tánh nóng giận, tâm hung dữ, lòng căm hờn của chúng sinh tiêu mất. ‘Sân nhuế’ là chỉ cho tâm nóng giận và phiền não. Kinh Pháp Hoa nói: ‘Nếu có người nhiều tâm sân si, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể trừ diệt được tâm sân hận.’¹

Điểm cốt yếu ở đây là phải thường niệm. Không phải là ngày nay niệm rồi ngày mai quên; sáng niệm mà tối lại chẳng niệm; cũng chẳng phải tháng này niệm rồi tháng sau không. Quý vị phải niệm hằng ngày trong công phu của mình mới xứng đáng được gọi là thường niệm. ‘Cung kính’ không có nghĩa là quý vị niệm Phật nhưng chẳng tin vào Đức Phật. Quý vị chắt chửn nỗi hoài nghi: ‘Có thực như vậy không? Có sức mạnh như thế chẳng?’ Một khi quý vị đã bắt đầu đặt vấn đề, thì quý vị sẽ không thể nào thành tựu được. Thế nên với niềm tin và thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, quý vị sẽ không còn tâm sân hận nữa, và quý vị sẽ không còn tâm phiền não dữ dội nữa. Quý vị đã bỏ lại các thứ ấy lại phía sau rồi.

Kinh văn:

十一者，銷塵旋明法界身心。猶如瑠璃，朗徹無礙。能令一切昏鈍性障，諸阿顛迦永離癡暗。

¹ Phẩm Phổ môn.

Thập nhất giả, tiêu trần triền minh pháp giới thân tâm. Du như lưu ly, lăng triệt vô ngại. Năng linh nhất thiết hôn độn tánh chướng, chư a-điên-ca vĩnh ly si ám.

Việt dịch:

Mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh, thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly, lăng trong, không ngăn ngại. Khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối xa lìa sự si mê tăm tối.

Giảng giải:

Lục vô úy thứ mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh. Khi cảnh giới sáu căn và sáu trần đã tiêu dung rồi, con phát ra ánh sáng. Thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly. Thân tâm là pháp giới, pháp giới là thân tâm. Chúng trở thành một. Thân tâm trùm khắp pháp giới; đó chẳng phải là cảnh giới Phật hay sao? Đó cũng là cảnh giới của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thân tâm trở nên như ngọc lưu ly, **lăng trong, không ngăn ngại**. Từ bên trong có thể nhìn xuyên suốt qua bên ngoài, từ bên ngoài có thể nhìn thấu suốt vào bên trong. Chẳng còn trong ngoài, nhỏ lớn. Giống như Thiền sư Đại Hưu¹ trong núi Ling Yen. Ngài xứng đáng mang tên như vậy. Sư làm cho mình một ngôi mộ bằng đá vừa đủ cho mình ngôi. Rồi sư làm một cánh cửa bằng đá bên ngoài, khắc trên đó cặp câu đối như sau:

¹ C: Da Xiu; e: great rest.

*Vô đại vô tiểu, vô nội ngoại
Tự tu tự liễu, tự an bài.*

Tạm dịch:

*Chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng trong ngoài
Tự tu, tự biết, tự an bài.*

Có nghĩa là, Sư tự mình tu tập, tự mình biết, và rồi tự an táng cho chính mình. Sau khi Sư khắc xong câu đối, Sư ngồi trong mộ, đóng cửa đá lại, và tịch diệt. Sư nhập niết-bàn. Đó là một chuyện không thể nghĩ bàn. Thế nên khi Sư đã viên tịch rồi, đó quả thực là một việc trọng đại. Năng lực tự tại giải thoát của Sư lớn lao vô cùng! Tôi được diện kiến Sư tại *Su Zhou* trên núi *Ling Yen*. Sư tự tu tập cho chính mình và cho mọi người khác. Sư không làm phiền một ai cả.

Thế nên con có thể **khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối—nhất-xiên-đề¹—xa lìa sự si mê tăm tối.**

Họ không có trí huệ và vì thế nên họ không thể nhìn thông suốt và hiểu biết rõ ràng điều gì cả. Giống như con dao đã cùn không thể cắt được vật gì cả. Họ nhầm lẫn đúng với sai và nhầm lẫn sai với đúng. Nhưng

¹ S: icchantika. Hán phiên âm Nhất-điên-ca 一顛迦, Nhất-xiên-đề 一闍提. Căn cứ Kinh Niết-bàn bản Bắc, quyển 26, quyển 32 có ghi: Nhất-xiên-đề, tức những người phé bỏ nhân quả, cho rằng nghiệp thiện ác đều không có quan hệ gì đến quả báo lành hay dữ. Chủ trương này là của nhóm Thuận thế ngoại đạo 順世外道. Có khi dùng lẫn lộn với chữ *Ātyantika* (Hán dịch: Tất cánh 畢竟), cũng phiên âm là Nhất-xiên-đề 一闍提, A-điên-đề-ca 阿顛底迦.

Bồ-tát Quán Thế Âm có thể khiến cho những người này xa lìa hẳn những chướng ngại đã vây phủ lấy họ.

Ātyantika là tiếng Sankrit, có nghĩa là ‘Cực ác.’ Nếu quý vị đề nghị những người này làm một việc gì tốt lành, họ sẽ không bao giờ làm. Thay vì cho ai một đồng tiền để làm việc tốt lành, họ giữ rịt đồng tiền trong tay khiến cho chất đồng phải tan chảy. Nếu quý vị bảo họ hãy giúp đỡ một người nào đó, phản ứng của họ là cho rằng điều ấy thật điên rồ. “Tiền của tôi là để cho tôi xài. Tại sao tôi phải cho người khác?” Tuy nhiên, Bồ-tát Quán Thế Âm có thể giúp cho những người này thoát khỏi sự mê muội, suy nghĩ tối tăm của họ. Những người không muốn giúp đỡ người khác là những kẻ không hề có chút ánh sáng trong tự tánh của mình, do vậy, đó là hạng người tối tăm ngu muội.

Đoạn văn trên đề cập đến tham và sân. Đoạn kinh này nói đến tâm si. Kinh Pháp Hoa nói rằng: Nếu có người nhiều tâm sân hận, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể trừ diệt được tâm si mê.’

Có một người rất giàu, rất ham tiền và không muốn chia xẻ cho ai cả. Ông ta có ba người con. Ông đặt tên cho người con trưởng là Vàng, người con thứ hai là Bạc. Người con thứ ba, ông sợ rằng nó sẽ đem tiền của mình làm việc thiện thay vì tích chứa, thế nên ông đặt cho con tên là Nghiệp chướng. Không ông sắp lâm chung, ông gọi người con trưởng lại và nói, “Ta sắp đi rồi. Con đi với ta chứ?”

Vàng nói, “Ông già dở hơi! Làm sao con lại chết với ba được? Bình thường cha thương con nhất. Sao đến lúc chết, cha lại muốn hại con?” Vàng không muốn đi với cha.

Ông nghĩ, “Thế thì ta sẽ bảo đưa con thứ.” Rồi ông gọi Bạc đến. “Anh con không muốn đi với cha. Con đi chứ? Con vốn rất là có hiếu.”

Đưa con thứ hai trả lời, “Nếu cha chết, thì cứ chết một mình. Dù con là con của cha, nhưng con không thể nào chết theo cha được. Cha thật là kỳ cục. Con còn quá trẻ.” Vàng không muốn chết theo cha, Bạc cũng vậy. Ông gọi người con thứ ba là Nghiệp chướng. “Ngày thường con rất ngỗ nghịch, thế nên cha không thương con lắm. Nhưng nay cha sắp chết, anh Vàng và Bạc của con không muốn theo cha. Con hãy suy nghĩ thật kỹ xem có thể theo cha không?” Nghiệp chướng đáp, “Con chẳng cần phải suy nghĩ gì. Dĩ nhiên là con sẽ đi. Nay cha xem Vàng và Bạc, là những người mà cha rất yêu quý mà họ lại không đáp ứng được yêu cầu của cha. Nhưng con, Nghiệp chướng, thì sẽ theo cha đến bất cứ nơi đâu. Khi sống con đồng hành với cha và đến khi chết con cũng sẽ theo cha. Cha hãy xem ai là người con có hiếu nhất?”

*Chẳng có thứ gì mang theo được
Chỉ có nghiệp chướng sẽ theo mình.*

Người cha già suy gẫm lại, thấy toàn bộ vàng và bạc mà ông đã tích lũy sẽ đem lại niềm vui cho hai đứa

con đầu và thứ, trong khi mình phải chết. Ông dâng tràn một niềm hối hận sâu xa. Ông suy nghĩ, “Ước gì mình xây cất một ngôi chùa hoặc một đạo tràng trong thời gian còn lại, Nhưng đã quá muộn. Nay ta sắp chết rồi.”

Đạo lý của câu chuyện này là, đừng như ông già kia. Nếu quý vị có phương tiện, hãy làm ngay những việc tốt lành.

Kinh văn:

十二者融形復聞，不動道場涉入世間，不壞世界能遍十方。供養微塵諸佛如來，各各佛邊為法王子。能令法界無子眾生。欲求男者，誕生福德智慧之男。

Thập nhị giả, dung hình phục văn, bất động đạo tràng thiệp nhập thế gian, bất hoại thế giới. Năng biến thập phương. Cúng dường vi trần chư Phật Như Lai, các các Phật biên vi pháp vương tử. Năng linh pháp giới vô tử chúng sanh. Dục cầu nam giả, đản sanh phước đức trí huệ chi nam.

Việt dịch:

Mười hai là viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về. Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hủy hoại thế giới. Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương, con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh

không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

Giải giải:

Lực vô úy thứ mười hai là, viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về—khi thân đã chuyển hóa và trở về với tánh nghe—Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hoại thế giới.

‘Đạo tràng bất động’ có nghĩa là thường an trú trong Đạo tràng bản nguyên của mình. Chẳng hạn, Bồ-tát Quán Thế Âm hiện nay đang ở trong Phật giáo Giảng đường, nhưng dù ngài ở đây, ngài vẫn có thể du hành khắp cả thế giới. Không phải là ngài đi từ nơi đây, mà hóa thân của ngài hiện ra khắp chôn. Và thế giới vẫn không bị biến hoại. Với pháp thân, ngài Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương. Ngài đi khắp mười phương để làm Phật sự. Con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

Kinh văn:

十三者六根圓通，明照無二含十方界。立大圓鏡空如來藏。承順十方微塵如來。祕密法門受領無失。能令法界無子眾生，欲求女者，誕生端正福德柔順，眾人愛敬有相之女。

Thập tam giả lục căn viên thông, minh chiếu vô nhị, hàm thập phương giới. Lập đại viên kính không Như Lai tạng. Thừa thuận thập phương vi trần Như Lai. Bí mật pháp môn thọ lĩnh vô thất. Năng linh pháp giới vô tử chúng sanh, dục cầu nữ giả, đản sanh đọa chánh phước đức nhu thuận, chúng nhân ái kính hữu tướng chi nữ.

Việt dịch:

Mười ba là, sáu căn của con được viên thông, cái được soi sáng là bất nhị, trùm khắp mười phương phương, thành đại viên kính không Như Lai tạng, con vắng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đọa chính, phước đức dồi dào, được nhiều người kính quý.

Giảng giải:

Lục vô úy thứ mười ba là, sáu căn của con được viên thông, soi sáng vô nhị,¹ trùm khắp mười phương, thành đại viên kính không Như Lai tạng.

Mắt tai mũi lưỡi thân ý đều không chướng ngại và viên thông lẫn nhau. Mọi thứ đều hợp thành một. Sáu căn hỗ dụng. Giống như tấm gương lớn hiển bày kho tàng không tịch của các đức Như Lai.

Con vắng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót.

¹ Soi sáng một cách không phân biệt, soi sáng bình đẳng.

kiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phước đức dụn dàng, được nhiều người kính quý.

Nếu có người muốn sinh con gái, họ sẽ có được con gái đoan chính, dụn dàng. Mọi người khi gặp người con gái này đều liền quý mến và kính trọng. Đó sẽ là người con gái hiền thực và hoàn hảo.

Kinh văn:

十四者此三千大千世界百億日月。
現住世間諸法王子。有六十二恒河沙數
修法垂範。教化眾生隨順眾生。方便智
慧各各不同。

Thập tứ giả, thử tam thiên đại thiên thế giới bá ức nhật nguyệt. Hiện trụ thế gian chư pháp vương tử, hữu lục thập nhị hằng hà sa số, tu pháp tùy phạm, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh. Phương tiện trí huệ các các bất đồng.

Việt dịch:

Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau.

Giảng giải:

Lực vô úy thứ mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thể giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, các ngài hiện đang an trụ ngay trên thế gian này—đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau. Các ngài dùng phương tiện thiện xảo và quyền trí khác nhau để giáo hóa mỗi loại chúng sinh khác nhau.

Kinh văn:

由我所得圓通本根發妙耳門。然後身心微妙含容遍周法界。能令眾生持我名號。與彼共持六十二恒河沙諸法王子。二人福德正等無異。

Do ngã sở đắc viên thông, bốn căn phát diệu nhĩ môn. Nhiên hậu thân tâm vi diệu hàm dung biến chu pháp giới. Năng linh chúng sanh trì ngã danh hiệu, dĩ bỉ cộng trì lục thập nhị hằng hà sa chư Pháp vương tử. Nhị nhơn phước đức chánh đẳng vô dị.

Việt dịch:

Do con được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn. Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới. Khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu Pháp

vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.

Giảng giải:

Do con được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn. Con, Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng được nhĩ căn viên thông, và có được những năng lực nhiệm mầu vi diệu từ nhĩ căn. **Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới.** Trạng thái vi diệu này trùm khắp cả mười phương, suốt khắp cả pháp giới. Do vậy, **khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con—những người trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát—so với những người chấp trì danh hiệu Pháp vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.** Người chỉ niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, và người kia niệm danh hiệu của các vị Bồ-tát nhiều như số cát trong 62 sông Hằng, quả báo công đức của mỗi người đều bằng nhau. Điều này chỉ cho thấy công đức to lớn của việc trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm như thế nào.

Kinh văn:

世尊我一號名與彼眾多名號無異，由我修習得真圓通。

Thế tôn, ngã nhất hiệu danh dĩ bỉ chúng đa danh hiệu vô dị, do ngã tu tập đắc chơn viên thông.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, một danh hiệu của con, cùng với

các danh hiệu kia đều không sai khác, là do con tu tập được tính viên thông chân thực.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, một danh hiệu của con, danh hiệu, Quán Thế Âm Bồ-tát, cùng với các danh hiệu kia đều không sai khác, có nghĩa là các vị Bồ-tát nhiều như số cát trong 62 sông Hằng. Điều nấy như thế nào? Làm sao mà công đức có thể của một danh hiệu lại sánh bằng nhiều danh hiệu như vậy? Đó là vì do con tu tập được tính viên thông chân thực.

Kinh văn:

是名十四施無畏力, 福備眾生.

Thị danh thập tứ thí vô úy lực, phước bị chúng sanh.

Việt dịch:

Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

Giảng giải:

Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

Con đến để giúp đỡ cho họ, bất kỳ lúc nào có người cầu cứu, con liền cứu giúp.

Kinh văn:

世尊我又獲是圓通修證無上道故, 又能善獲四不思議無作妙德。一者由我初獲妙妙聞心, 心精遺聞。見聞覺知不能

分隔，成一圓融清淨寶覺。故我能現眾多妙容。能說無邊祕密神呪。

Thế tôn, Ngã hựu hoạch thị viên thông tu chứng vô thượng đạo cố, hựu năng thiên hoạch tứ bất tư nghì vô tác diệu đức. Nhất giả do ngã sơ hoạch diệu diệu văn tâm, tâm tinh di văn. Kiến văn giác tri bất năng phân cách, thành nhất viên dung thanh tịnh bảo giác. Cố ngã năng hiện chúng đa diệu dụng. Năng thuyết vô biên bí mật thần chú.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn:

Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tính không còn các tướng năng văn. Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt, con thành tựu được bảo giác viên dung thanh tịnh. Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn:

Bốn công đức không thể nghĩ bàn này là những gì?

Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tính không còn các tướng năng văn.

Ban đầu, khi con chứng đắc được nhờ công phu

phân văn văn tự tánh—vi diệu trong vi diệu—tâm con trở nên tinh ròng và các tướng năng văn đều trở nên tiêu mất. Chân tâm hiển bày, và con đạt đến cảnh giới tinh anh vi diệu. Khi các tướng năng văn đã tiêu dung. **Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt.** Các căn khác đều viên thông và không còn bị phân cách. **Con thành tựu được bảo giác viên dung thanh tịnh.** Điều này có nghĩa là ngài đã chứng được nhất thể, không còn có sự phân biệt giữa năng và sở.

Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Kinh văn:

其中或現一首三首。五首七首九首十一首。如是乃至一百八首。千首萬首八萬四千燼迦囉首。

Kỳ trung hoặc hiện nhất thủ tam thủ. Ngũ thủ thất thủ cửu thủ thập nhất thủ. Như thị nãi chí nhất bách bát thủ. Thiên thủ vạn thủ bát vạn tứ thiên thước-ca-la thủ.

Việt dịch:

Chẳng hạn, con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu thước-ca-la.

Giảng giải:

Không những Bồ-tát Quán Thế Âm có ngàn tay ngàn mắt, mà ngài còn có vô số đầu—nhiều đến 84.000 đầu. Hình tướng của Bồ-tát Quán Thế Âm đều thể hiện ra đủ cả. Ngài nói, **Con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu—**

Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có ba mặt –5 đầu –
 Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có năm mặt –7 đầu –
 – Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có bảy mặt – hoặc 9
**đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến
 84.000 đầu *thuốc-ca-la*.** Thuốc-ca-la (vajra) có nghĩa là
 mạnh và cứng chắc.

Kinh văn:

二臂四臂六臂八臂。十臂十二臂十
 四十六。十八二十至二十四。如是乃至
 一百八臂千臂萬臂。

*Nhị tý tứ tý lục tý bát tý. Thập tý thập nhị tý thập
 tứ thập lục. Thập bát nhị thập chí nhị thập tứ. Như thị
 nãi chí nhất bá bát tý thiên tý vạn tý. Bát vạn tứ thiên
 mẫu- đà-la tý.*

Việt dịch:

Con có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14
 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay rồi 1.000 tay,
 10.000 tay cho đến 84.000 tay *mẫu-đà-la*.

Giải thích:

Bồ-tát Quán Thế Âm còn có thể hiện ra 2 tay, 4 tay,
 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay. Hoặc
 có thể hiện thành 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho
 đến 84.000 tay *mẫu-đà-la*. Mẫu-đà-la là tiếng Sanskrit, có
 nghĩa là thủ ấn.¹ Trong lòng mỗi bàn tay, có một cái ấn.

¹ S: Mūdra; 母陀羅.

Kinh văn:

二目三目四目九目。如是乃至一百八目千目萬目。八萬四千清淨寶目。或慈或威或定或慧。救護眾生得大自在。

Nhị mục tam mục tứ mục cửu mục. Như thị nãi chí nhất bát bát mục thiên mục vạn mục. Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục. Hoặc từ hoặc oai hoặc định hoặc huệ. Cứu hộ chúng sanh đắc đại tự tại.

Việt dịch:

Hoặc có thể hiện ra 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Giải thích:

Pháp thân của Bồ-tát Quán Thế Âm có thể thị hiện thành 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Làm sao mà Bồ-tát Quán Thế Âm có thể hiện ra nhiều hóa thân như vậy? Vì trong nhân địa, ngài đã tu tập Đại bi thân chú và 42 Thủ nhãn ấn pháp, thế nên ở quả địa, khi công phu tu tập đã viên mãn, ngài có được vô số hóa thân.

Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Các con mắt của ngài có khi thể hiện tâm từ, hoặc có khi hiện ra vẻ uy nghi. Có khi mắt ngài biểu hiện ánh sáng của định lực hoặc trí huệ. Ngài biểu hiện những tướng này **để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.**

Kinh văn:

二者由我聞思脫出六塵。如聲度垣不能為礙。故我妙能現一一形。誦一一呪。其形其呪。能以無畏施諸眾生。是故十方微塵國土。皆名我為施無畏者。

Nhị giả do ngã văn tư thoát xuất lục trần. Như thanh độ viên bất năng vi ngại. Cố ngã diệu năng hiện nhất nhất hình, tụng nhất nhất chú. Kỳ hình kỳ chú năng dĩ vô úy thí chư chúng sanh. Thị cố thập phương vi trần quốc độ. Giai danh ngã vi thí vô úy giả.

Việt dịch:

Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thoát ngoài sáu trần, như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú. Hình và chú đó đều có thể đem sức vô úy mà bố thí cho chúng sinh. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

Giải thích:

Diệu đức vô tác thứ hai là: Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thoát ngoài sáu trần. Con tu tập văn huệ và tư huệ, vượt thoát ra khỏi sáu trần, sắc thanh

huong vị xúc pháp. Con không còn dính mắc với chúng nữa. Đó như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tưng mỗi mỗi chú.

Hình sắc mà con thị hiện và chú do con trì tụng đều có thể đem sức vô úy mà bố thí cho chúng sinh. Chúng đều có năng lực ban phát sự không sợ hãi. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

Kinh văn:

三者由我修習本妙圓通清淨本根，所遊世界，皆令眾生，捨身珍寶求我哀愍。

Tam giả do ngã tu tập bản diệu viên thông thanh tịnh bản căn, sở du thế giới, giai linh chúng sanh, xả thân trân bảo cầu ngã ai mẫn.

Việt dịch:

Ba là do con tu tập căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót.

Giảng giải:

Ba là do con tu tập căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh. Ngài đang nói đến bản tính thanh tịnh của nhĩ căn—tánh nghe. Nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót. Chúng sinh đều hy sinh thân mạng của họ và xả ly mọi tài sản quý báu của họ để cầu sự giúp đỡ của con.

Kinh văn:

四者我得佛心證於究竟。能以珍寶種種供養十方如來，徧及法界六道眾生。

Tứ giả ngã đắc Phật tâm, chứng ư cứu cánh. Năng dĩ trân bảo chủng chủng cúng dường thập phương Như Lai, bàng cập pháp giới lục đạo chúng sanh.

Việt dịch:

Thứ tư, do con chúng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương Như Lai, khắp đến chúng sinh trong sáu đường cả pháp giới.

Giải thích:

Diệu đức vô tác thứ tư là: **Do con chúng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo.** Con chúng được chân tâm Như Lai tạng. ‘Rốt ráo’ có nghĩa là địa vị tột bậc của Phật quả. **Nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương Như Lai, rộng đến chúng sinh trong sáu đường khắp pháp giới.** Bất kỳ các loài chúng sinh muốn điều gì, con đều đáp ứng cho họ được mãn nguyện.

Kinh văn:

求妻得妻求子得子。求三昧得三昧。求長壽得長壽。如是乃至求大涅槃得大涅槃。

Cầu thê đắc thê cầu tử đắc tử, cầu tam-muội đắc

tam-muội. Cầu trường thọ đắc trường thọ. Như thị nãi chí cầu đại niết-bàn đắc đại niết-bàn.

Việt dịch:

Ai cầu vợ thì được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu. Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn.

Giảng giải:

Bất kỳ chúng sinh trong lục đạo mười phương ước nguyện điều gì cũng đều được ban phát. Bồ-tát Quán Thế Âm biết rằng ai cũng ước muốn có người vợ hiền thực. Nếu **ai cầu vợ thì được vợ**, nếu họ mong cầu có người vợ ngoan hiền, họ liền có được người vợ ngoan hiền. Đó là ước muốn cao nhất của mọi chúng sinh. Khi đã có vợ hiền rồi, thì họ lại ước muốn có con. Thế nên điều thứ hai là Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ làm là ban cho họ con cái. **Cầu con được con**, nếu họ mong được sinh con trai, liền được con trai; nếu họ mong được con gái, liền được con gái. Điều thứ ba, ngài nói: **Cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu**. Nếu có người đã có vợ, có con rồi mà cảm thấy rằng cuộc đời con người thật là vô nghĩa, thế nên phát tâm tu tập để thoát khỏi thế gian và mong được tam-muội, thì họ sẽ được tam-muội. Có người mong được sống lâu, thì họ sẽ được sống lâu. Họ muốn trở nên bất tử và không bao giờ chết, họ sẽ được như vậy. **Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn**. Nếu có chúng sinh nào mong cầu thành Phật, thì họ có thể đạt được quả vị Phật.

Kinh văn:

佛問圓通，我從耳門圓照三昧，緣心自在。因入流相，得三摩提，成就菩提。斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã tòng nhĩ môn viên chiếu tam muội, duyên tâm tự tại. Nhân nhập lưu tướng, đắc tam-ma-đề, thành tựu bồ-đề. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại. Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. Đó là thứ nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật hỏi các đệ tử của ngài, ban đầu bằng phương tiện nào mà chúng được viên thông. **Con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn.** Con tu tập nơi tánh nghe mà thành tựu định lực. **Mà duyên tâm được tự tại.** Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. **Đó là thứ nhất.** Tâm phan duyên của con không còn nữa, con được tự tại. Con đã xoay tánh nghe để nhận ra tự tánh, và thành tựu đạo vô thượng. Đây là phương pháp hay nhất.

Kinh văn:

世尊彼佛如來。歎我善得圓通法門。於大會中授記我為觀世音號。

Thế tôn bử Phật Như Lai tán ngã thiện đắc viên thông pháp môn. Ư đại hội trung thọ ký ngã vi Quán thế âm hiệu.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. Trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. ‘Đức Phật Như Lai đó’ là chỉ cho Đức Cổ Phật Quán Thế Âm Như Lai. Ngài tán thán con đã chứng được viên thông một cách tự tại. **Nên trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm.** Ngài gọi con là người “Quán sát âm thanh thế gian.” Cùng danh hiệu của chính ngài.

Kinh văn:

由我觀聽十方圓明，故觀音名遍十方界。

Do ngã quán thính thập phương viên minh, cố quán âm danh biến thập phương giới.

Việt dịch:

Do con thấy nghe thấu suốt mười phương, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp mười phương thế giới.

Giảng giải:

Do con thấy nghe thấu suốt mười phương—có nghĩa là, mọi nơi chốn trong suốt mười phương, tận cùng khắp các pháp giới, hợp lại cùng nhau, và con hoàn toàn rõ biết—do vậy, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp

muội phương thế giới. Trong mọi Phật độ suốt khắp mười phương, ai cũng biết đến danh hiệu Quán Thế Âm.

Kinh văn:

爾時世尊於師子座，從其五體同放寶光，遠灌十方微塵如來，及法王子諸菩薩頂。

Nhĩ thời Thế tôn ư sư tử toà, tòng kỳ ngũ thể đồng phóng bảo quang, viễn quán thập phương vi trần Như Lai, cập Pháp vương tử chư Bồ-tát đỉnh.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu, từ xa rót xuống đánh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đánh đầu các vị Bồ-tát Pháp vương tử.

Giải thích:

Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang ngồi trên toà sư tử, phóng hào quang từ hai bàn tay, hai bàn chân và từ đỉnh đầu của ngài cùng một lúc. Từ xa rót xuống đánh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đánh đầu các vị Bồ-tát Pháp vương tử.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xoa đánh các Đức Như Lai là biểu tượng cho giáo pháp của ngài là cao quý nhất, là *đánh*. Giáo pháp của chư Phật cũng như vậy. Các Đức Như Lai trong khắp mười phương cũng đều tuyên thuyết

giáo pháp cao quý này, như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tuyên thuyết.

Giáo pháp của các Đức Như Lai đều tương đồng
Hỗ tương nhiếp nhập lẫn nhau.

Kinh văn:

彼諸如來亦於五體同放寶光。從微塵方來灌佛頂。并灌會中諸大菩薩及阿羅漢。

Bỉ chư Như Lai diệc ư ngũ thể đồng phóng bảo quang, tòng vi trần phương lai quán Phật đỉnh. Tinh quán hội trung chư đại Bồ-tát cập A-la-hán.

Việt dịch:

Các đức Như Lai kia, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần đến rót trên đỉnh Đức Phật và trên đỉnh các vị Bồ-tát và A-la-hán trong chúng hội.

Giảng giải:

Các đức Như Lai kia, nhiều như số vi trần trong khắp mười phương, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần. Hào quang báu cũng đồng thời phóng ra từ hai bàn tay, hai bàn chân và từ đỉnh đầu của ngài cùng một lúc, giống như các đạo hào quang mà Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã phóng ra. Hào quang đến và rót xuống **đỉnh Đức Phật và trên đỉnh các vị Bồ-tát và A-la-hán** trong hội chúng.

Kinh văn:

林木池沼皆演法音。交光相羅如寶
絲網。是諸大眾得未曾有。一切普獲金
剛三昧。

Lâm mộc trì chiếu giai diễn pháp âm. Giao quang tương la như bảo ty võng. Thị chư đại chúng đắc vị tăng hữu. Nhất thiết phổ hoạch kim cang tam-muội.

Việt dịch:

Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội.

Giải thích:

Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Nước chảy, gió reo, và lá cây xào xạc đều là sự diễn bày pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Hào quang của chư Phật trong mười phương rót xuống đánh đầu Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và hào quang từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại phóng ra, rót xuống đánh đầu các Đức Như Lai trong mười phương nhiều như số vi trần, thể dạng của các đạo hào quang giao xen ấy tạo nên một tấm lưới rất lộng lẫy. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội. Họ đều chưa từng thấy được điều tốt lành ấy xảy ra bao giờ, khiến mọi người đều đạt được môn Kim cang tam-muội.

Kinh văn:

即時天雨百寶蓮華，青黃赤白間錯紛

糝。十方虛空成七寶色。

Tức thời thiên vũ bá bảo liên hoa, thanh hoàng xích bạch gián thố phân nhũ. Thập phương hư không thành thất bảo sắc.

Việt dịch:

Liên khi ấy, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu.

Giảng giải:

Liên khi ấy, khi mọi người trong chúng hội chứng được Kim cang tam-muội, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Bốn màu sắc này hiện thành những hợp thể khác nhau trên những cánh hoa sen. Những đoá sen màu xanh thì nổi bật lên bên cạnh sắc vàng. Những đoá sen màu vàng lại có những chấm đỏ trong cánh. Những đoá sen màu trắng lấp lánh cùng sắc hồng. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu. Bảy thứ châu báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Cả thế giới đều chuyển thành các màu sắc này.

Kinh văn:

此娑婆界大地山河俱時不現。唯見十方微塵國土合成一界。梵唄詠歌自然數奏

Thử ta-bà giới đại địa sơn hà câu thời bất hiện.

Duy kiến thập phương vi trần quốc độ hợp thành nhất giới. Phạm bá vịnh ca tự nhiên số tấu.

Việt dịch:

Núi sông đất liền của cõi ta-bà này cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới. Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.

Giải thích:

Núi sông đất liền của cõi ta-bà này cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới.

Thế giới chúng ta đang ở gọi là ta-bà (saha). Tên gọi đó có nghĩa là kham nhẫn. Biểu tượng cho chúng sinh phải kham chịu khổ đau trong thế giới này. Thực vậy, rất khó chịu đựng, nhưng mọi người đều phải trực tiếp nhận chịu nó, chứ không phải chỉ thừa nhận cái khổ. Họ xem khổ là vui. Họ nghĩ rằng ở đây thật là tốt đẹp.

Tuy nhiên, lúc này, thì cõi ta-bà cùng một lúc biến mất. Đó là do năng lực thần thông của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tạo nên cho đại chúng thấy. Các Phật độ nhiều như vô số vi trần hợp lại thành một. **Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.**

Phạm âm, tán ca thanh tịnh vang lên khắp mọi nơi. Trước đó, rừng cây, sông hồ đã diễn ra pháp âm, nhưng ở nơi này, vạn pháp đều tuyên bày pháp âm bằng những bài kệ tụng và tán ca rất thanh tịnh vi diệu.

Nước chảy, gió reo đều tuyên thuyết Đại thừa,

Hoa sen thất bảo trong hồ, bốn màu rực rỡ, lấp lánh sắc vàng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi
TUYÊN CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Kinh văn:

於是如來告文殊師利法王子：汝今觀此二十五無學諸大菩薩及阿羅漢，各說最初成道方便，皆言修習真實圓通。彼等修行實無優劣前後差別。

Ư thị Như Lai cáo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử: “Nhữ kim quán thử nhị thập ngũ vô học chư Đại Bồ-tát cập A-la-hán, các thuyết tối sơ thành đạo phương tiện, giai ngôn tu tập chơn thật viên thông. Bĩ đẳng tu hành thật vô ưu liệt tiền hậu sai biệt.

Việt dịch:

Lúc đó, Đức Như Lai bảo ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: “Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vô học, mỗi vị đều trình bày phương tiện ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tính viên thông chân thật. Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau.”

Giải thích:

Lúc đó, Đức Như Lai, là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bảo ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: “Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vô học”

Nay ông hãy xem xét, các pháp môn phương tiện mà 25 bậc thánh này đã vận dụng tu tập. ‘Vô học’ là

chỉ cho những vị đã chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán hoặc cao hơn. **Mỗi vị đều trình bày phương tiện ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tính viên thông chân thật.** Họ đã chân thực chứng được tính viên thông của các căn. **Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau.** Thực vậy, không có cách nào để phân biệt sự hơn kém, trước sau, khác nhau giữa các vị ấy là như thế nào.

Kinh văn:

我今欲令阿難開悟，二十五行，誰當其根。兼我滅後，此界眾生入菩薩乘，求無上道。何方便門得易成就？

Ngã kim dục linh A-nan khai ngộ, nhị thập ngũ hạnh, thùy đương kỳ căn? Kiêm ngã diệt hậu, thử giới chúng sanh, nhập bồ tát thừa cầu vô thượng đạo. Hà phương tiện môn đắc dị thành tựu?

Việt dịch:

Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi này muốn thể nhập Bồ-tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Giải giảng:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: **Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ.** A-nan vẫn còn trong sơ quả A-la-hán. Như Lai muốn ông ta được giác ngộ và chứng

được quả vị thứ hai, quả vị thứ ba và quả vị thứ tư của A-la-hán, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-nan? Pháp môn nào thích hợp với căn cơ của A-nan? Trong 18 giới và bảy đại, pháp môn nào tương ứng với A-nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi này muốn thể nhập Bồ-tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Chúng sinh được đề cập ở đây chính là chúng ta. Chúng ta đang nghe pháp ở trong Phật giáo Giảng đường chính là đối tượng mà Đức Phật muốn nói đến. Quý vị nào đang đọc kinh này cũng được bao gồm trong giới này. Thế nên quý vị đừng tách mình ra và bảo rằng, “Mình chẳng có phần trong đó.” Cách ấy, quý vị chỉ làm cho mình rối thêm. Nếu quý vị đặt mình ra ngoài số người đó thì quý vị sẽ rơi vào đời sau, và nếu quý vị biến thành ngựa, heo, bò, chó, gà, thì chẳng dễ dàng gì được nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chỉ vì một điều, quý vị không thể nào nhảy một bước lên bốn bậc thang để đến giảng đường! Ở Hồng Kông, có những con vịt đến nghe tôi giảng kinh, nhưng đó là ở tầng trệt.

Đã từ lâu, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã sắp đặt chỗ ngồi cho chúng ta trong pháp hội này để bây giờ diễn ra như vậy. Quý vị đừng khinh thường chính mình. Dĩ nhiên, nếu bây giờ quý vị không đến đây nghe kinh, thì quý vị sẽ chẳng có phần.

“Trong các pháp môn này, pháp môn nào thích hợp nhất cho các chúng sinh trong đời sau có đại căn cơ, phát tâm tìm cầu Vô thượng đạo?” Đức Phật hỏi ngài Văn-

thù-sư-lợi. “Pháp môn nào dễ đưa đến sự thành tựu nhất? Văn-thù-sư-lợi hãy lưu tâm để chọn ra một pháp môn.”

Kinh văn:

文殊師利法王子奉佛慈旨，即從座起頂禮佛足。承佛威神說偈對佛。

Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử phụng Phật từ chỉ, tức tòng toà khởi đĩnh lễ Phật túc. Thừa phật oai thần, thuyết kệ đối Phật.

Việt dịch:

Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Giảng giải:

Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường được Đức Phật giao phó tuyển chọn từ trong 18 giới và bảy đại, một phương pháp tu tập để đạt được viên thông. Ngài sẽ tìm một pháp môn thích hợp với ngài A-nan nhất và cho cả chúng ta để tu hành. Sáu căn, sáu trần, sáu thức tạo thành 18 giới. Đất, nước, lửa, gió, cùng với không, thức, kiến, làm thành bảy đại như đã được giải thích tường tận trước đây.

Nghe lợi dạy từ bi của Đức Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Các vị Bồ-tát và A-la-hán đều có chỗ ngồi chung quanh Đức Phật, không như Hoà đầu Kim cang, là vị phải đứng trong pháp hội. Kệ tụng có thể gồm nhiều âm tiết và nhiều dòng, nhưng nó đều chứa đựng đạo lý trong kinh.

Kinh văn:

覺海性澄圓
圓澄覺元妙
元明照生所
所立照性亡。

*Giác hải tánh trừng viên
Viên trừng giác nguyên diệu
Nguyên minh chiếu sanh sở
Sở lập chiếu tánh vong.*

Việt dịch:

**Biển giác tánh lặng trong viên mãn
Vốn nhiệm màu viên mãn trong lặng
Tánh bản minh chiếu thành ra như “sở”
Trống “sở” lập, mất tánh bản minh.**

Giải thích:

Biển giác tánh lặng trong. Biển giác ngộ thì rộng lớn vô cùng, trong đó chứa trọn núi sông đất liền, cây cỏ và vô số vạn vật. Tánh của biển giác vừa trong lặng vừa viên mãn.

Vốn nhiệm màu viên mãn trong lặng. Tính trong lặng và viên mãn của biển giác vốn rất nhiệm màu. *Nhưng chính trong cái vi diệu này, chỉ một niệm chân*

vọng vi tế sinh khởi, và ánh sáng bản minh chiếu ra thành như có đối tượng (năng/sở).

Tánh bản minh chiếu thành ra như “sở”

Tương “sở” lập, mất tánh bản minh.

Căn bản là biển giác đều chứa đựng mọi thứ trong đó cả. Không có thứ gì chẳng phải là trong tánh Như Lai tạng. Nhưng ngay khi có một niệm vô minh, thì hư vọng liền sinh khởi. Khi đã có hư vọng, thì có đối tượng của nó—là trần cảnh—trần tướng vọng cảnh. Do vì cái vọng chiếu này, sự sáng suốt bản hữu trong tánh giác không còn chiếu diệu nữa, như khi bầu trời bị mây che phủ.

Khi cái vọng cảnh đã lập nên rồi, thì tánh chiếu soi chân thực cũng bị tiêu mất, tức đem tánh bản hữu trong Như Lai tạng chuyển thành vô minh tàng thức.

Kinh văn:

迷妄有虛空
依空立世界
想澄成國土
知覺乃眾生。

*Mê vọng hữu hư không
Y không lập thế giới
Tương trù thành quốc độ
Tri giác nãi chúng sanh.*

Việt dịch:

**Do mê vọng thấy có hư không
Nương hư không, hình thành thế giới**

**Tướng lắng đọng, thành cõi nước
Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.**

Do mê vọng thấy có hư không. Vì có hư vọng, nên năng sở (đối đãi, khách quan/chủ quan) hình thành. Vốn là, cả hai phương diện đều là hư vọng. Trong bản thể của biến tách giác ngộ thì chẳng có một chút nào biểu hiện hiện tượng. Vốn chẳng có một vật nào cả. Không có năng sở. Chỉ nương nơi chân mà khởi nên vọng, hồi mọi thành ra hư không, mê mờ tách không làm ngoan không, thành ra hoàn toàn có hư không, nương vào hư không lại vọng lập ra đủ các thứ thể giới hiện tượng.

‘Nhìn lâu thì hóa ra mỗi một.’ Sau khi kéo dài một thời gian, sự diên trì khiến cho mỗi một. Và rồi cái hư vọng và mê mờ sinh khởi thành ngoan không. Mà trong biến tách giác ngộ thì vốn chẳng có một thứ gì cả, kể cả hư không. Dòng kệ ở đoạn sau mô tả:

*Không sanh đại giác trung
N hư hải, nhất âu phát.*

Thật là tối nghĩa làm sao! Và thế nên, chúng ta nghĩ rằng hư không là cái gì đó mênh mông rộng lớn lắm. **Nương hư không, hình thành thể giới.** Mười phương ba đời trở nên hiện hữu.

Tướng lắng đọng, thành cõi nước

Khi thời gian và không gian đã sinh khởi từ hư không, thì vọng tướng trở nên cứng chắc, nó làm thành đất liền.

Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.

Vọng tướng lắng đọng lại kết thành quốc độ. Vọng tướng tri giác tạo thành chúng sinh.

Kinh văn:

空生大覺中
如海一漚發
有漏微塵國
皆從空所生
漚滅空本無
況復諸三有。

*Không sanh đại giác trung
Như hải nhất âu phát
Hữu lậu vi trần quốc
Giai tông không sở sanh
Âu diệt không bản vô
Huống phục chư tam hữu.*

Viết dịch:

Hư không sanh trong Đại giác
Như một bọt nước nổi lên giữa biển
Cõi nước hữu lậu như vi trần
Đều nương hư không mà phát sanh.
Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn
Huống nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.

Giảng giải:

Dòng đầu tiên trong bài kệ này là:

*Giác hải tánh trừng viên
Viên trừng giác nguyên diệu.*

Tính viên mãn của cội nguồn bồ-đề thanh tịnh là vô cùng vi diệu. Nay bài kệ nói đến **Hư không sanh trong Đại giác**. Chúng ta đều biết sự hiện hữu của hư không, nhưng có biết hư không từ đâu mà có chăng? Tôi tin rằng chẳng có ai biết. Vì hư không quá rộng lớn. Không thể nào biết được giới hạn của hư không hay cội nguồn của nó. Ai là mẹ của hư không?. Chẳng có ai biết. Nhưng nay Kinh Thủ-lăng-nghiêm chỉ ra cội nguồn của nó. Hư không sinh ra từ tánh của đại giác ngộ. Và thế nên trong khoảng đó, nó cực kỳ vi tế. Nó lớn chăng? Nó như **một bọt nước nổi lên giữa biển**—như những bọt bong bóng giữa đại dương.

**Cõi nước hữu lậu như vi trần
Đều nương hư không mà phát sanh.**

Có ba thứ lậu:

1. Dục lậu.
2. Hữu lậu.
3. Vô minh lậu.

Vô số cõi nước hữu lậu đều phát sinh từ hư không. Hư không phát sinh từ đại giác, và quốc độ phát sinh từ hư không,

Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn

Giống như bọt nước tan trong biển, hư không cũng biến mất trong đại giác. **Hướng nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.**

Kinh văn:

歸元性無二
 方便有多門
 聖性無不通
 順逆皆方便
 初心入三昧
 遲速不同倫。

*Quy nguyên tánh vô nhị
 Phương tiện hữu đa môn
 Thánh tánh vô bất thông
 Thuận nghịch giai phương tiện
 Sơ tâm nhập tam muội
 Trì tốc bất đồng luân.*

Việt dịch:

**Về nguồn, tánh không hai
 Phương tiện có nhiều đường
 Tánh giác vốn dung thông
 Thuận nghịch là phương tiện
 Sơ tâm vào tam muội
 Mau chậm chẳng đồng nhau.**

Trong bài kệ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rằng hư không giống như bọt nổi trong biển giác ngộ, và các cõi nước sinh ra trong hư không đó cũng cực kỳ vi tế. Nếu hư không biến mất, thì mọi cõi nước, núi sông đất liền và mọi chúng sinh và các loài hữu tình khí thể gian đều cũng biến mất.

Về nguồn, tánh không hai.

“Về nguồn” có nghĩa là thành tựu Phật quả. Chỉ có một nơi để trở về, đó là bản quán của quý vị. Thế gian mà chúng ta đang sinh sống đây không phải là ngôi nhà bản tánh của mình. Quý vị liền phản đối, “Tôi có nhà!” Nhưng ngôi nhà đó không phải là ngôi nhà chân thực của quý vị. Thành Phật là nhận ra ngôi nhà chân thực của mình. Trước khi thành Phật, quý vị là người đi lang thang từ khách sạn này sang khách sạn khác. Quý vị là người luôn luôn di chuyển.

Phương tiện có nhiều đường

Còn ‘phương tiện’ có nghĩa là là còn bị vướng mắc. Chẳng hạn, có lần đưa trẻ đang bò đến gần một miệng giếng trên mặt đất. Nếu đưa trẻ tiếp tục bò, nó sẽ rơi xuống giếng. Đức Phật thấy vậy, nhưng ngài biết rằng nếu gọi đứa trẻ hãy quay trở lại, nó chẳng nghe lời mà còn cố bò về phía trước. Thế nên ngài nắm bàn tay lại, đưa lên cao, rồi gọi, “Này con! Hãy trở lại! Ta sẽ cho con kẹo. Con thích kẹo không?” Khi đứa trẻ nghe có kẹo, nó liền quay trở lại. Vốn chẳng có kẹo trong tay Đức Phật. Nhưng Đức Phật nói dối chẳng? Không. Đó là một ví dụ của pháp phương tiện. Đức Phật đã dùng ‘bàn tay không để cứu đứa bé’ vì lúc đó chẳng còn cách gì khác. Pháp môn phương tiện rất nhiều. Nói chung, bất kỳ phương pháp nào mà quý vị dùng để cứu người thì đó gọi là pháp phương tiện.

**Tánh giác vốn dung thông
Thuận nghịch là phương tiện**

Khi quý vị đã chứng được pháp tánh của một bậc thánh, thì chẳng có điều gì mà quý vị không hiểu. Cái gì thuận cũng là phương tiện và cái gì nghịch cũng là phương tiện. Điều gì hợp với năng lực và hoàn cảnh, thì quý vị có thể vận dụng vào việc tu tập. Cái gì là ‘nghịch’—là điều không thích hợp với hoàn cảnh của mình mà vẫn được ứng dụng trong tu tập. Cả điều thuận và nghịch trong công phu tu tập của mình đều là pháp phương tiện.

Sơ tâm vào tam muội

Mau chậm chẳng đồng nhau.

Có người tu tập rất nhanh, có người chậm. Thế nên họ không thể xem như đồng một dạng được.

Kinh văn:

色想結成塵
精了不能徹
如何不明徹
於是獲圓通。

*Sắc tưởng kết thành trần
Tinh liễu bất năng triệt
Như hà bất minh triệt
Ư thị hoạch viên thông*

Việt dịch:

Sắc và vọng tưởng kết lại thành ‘trần.’
Thể tính của nó không thể thông suốt được

Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy

Mà mong được tính viên thông?

Sắc được hình thành từ vọng tưởng. **Sắc và vọng tưởng kết hợp lại với nhau thành ‘trần.’** Chính là sắc trần. **Thể tính của nó không thể thông suốt được.** Không rõ ràng và có thể nhận biết được.

Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy

Mà mong được tính viên thông?

Có thể nào quý vị mong chúng được viên thông với một phương pháp chẳng rõ ràng và toàn triệt? Điều ấy không thể. Bài kệ cho biết rằng dùng sắc trần để tu tập viên thông vốn chẳng phải là phương pháp hay nhất. Có người có thể chứng quả thông qua phương pháp này, nhưng chỉ vì họ có những nhân duyên đặc biệt với pháp môn đặc thù đó. Đó chẳng phải là điều mà mọi người có thể tu tập được.

Kinh văn:

音聲雜語言
但伊名句味
一非含一切
云何獲圓通。

Âm thanh tạp ngữ ngôn

Đãn y danh cú vị

Nhất phi hàm nhất thiết

Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch:

**Thanh âm kết hợp ngữ ngôn,
Chỉ nương theo câu chữ
Nếu cái một đã không bao hàm tất cả
Làm sao để tu chứng viên thông?**

Giải:

Có người chứng đạo nhờ phương tiện là thanh trần.
Tuy nhiên,

**Thanh âm kết hợp ngữ ngôn,
Chỉ nương theo câu chữ
Nếu cái một đã không bao hàm tất cả**

Không có một lời nào, một danh hiệu nào, một câu nói nào có thể nói hết về mọi điều. Thì

Làm sao để tu chứng viên thông?

Nên không thể nào chọn thanh trần như là phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

香以合中知
離則元無有
不恆其所覺
云何獲圓通。

*Hương dĩ hợp trung tri
Ly tắc nguyên vô hữu
Bất hằng kỳ sở giác
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng;

Nếu rời ra, hương vốn chẳng có.

Sở giác đã không tương tục hiện hữu,

Khó mà tu chứng được viên thông?

Giải thích:

Hương Nghiêm Đồng tử chứng đạo nhờ vào hương trần. Nhưng **Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng.** Mũi phải hít vào mùi hương thì nó mới biết được có mùi hương. **Nếu rời ra, hương vốn chẳng có.** Hương chẳng hiện hữu.

Sở giác (cái nhận biết về mùi hương) **đã không tương tục hiện hữu,**

Khó mà tu chứng được viên thông.

Vì bản chất của hương là chẳng thường hằng chẳng biến dị, nên ta không luôn luôn có được cái nhận biết về nó, và vì thế nên hương trần không được xem như là phương pháp hay nhất để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

味性非本然
要以味時有
其覺不恒一
云何獲圓通。

Vị tánh phi bản nhiên

Yếu dĩ vị thời hữu

*Kỳ giác bất hằng nhất
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Vị, không phải đương nhiên tự có,
Phải nếm mới biết có vị.**

**Với vị giác cũng không tương tục.
Làm sao tu chứng được viên thông?**

Giảng giải:

Dù có những người đã chứng ngộ nhờ vào vị trần, nhưng vị **không phải đương nhiên tự có**. Tánh của vị không phải là tự tánh viên mãn. Do **Phải nếm mới biết có vị**. Vị chỉ hiện hữu khi nào có thứ gì đó có hương vị thì vị trần mới hiện hữu.

Với vị giác cũng không tương tục.

Làm sao tu chứng được viên thông?

Tánh biết của vị không phải là lúc nào cũng hiện hữu. Do vậy, không cho phương pháp này như là pháp môn để tu tập viên thông.

Kinh văn:

觸以所觸明
無所不明觸
合離性非定
云何獲圓通。

*Xúc dĩ sở xúc minh
Vô sở bất minh xúc*

*Hợp ly tánh phi định
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Xúc, có vật chạm mới biết,
Nếu không vật chạm, xúc không thành.
Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định.
Làm sao tu chứng được viên thông?**

Giải thích:

Xúc, có vật chạm mới biết,
Dù có người ngộ đạo nhờ vào tu tập xúc trần. Nhưng xúc chỉ có được khi có vật xúc chạm.

Nếu không vật chạm, xúc không thành.
Cách duy nhất để có thể cảm nhận được sự xúc chạm là có ai đó tạo sự xúc chạm với một vật nào đó.

**Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định.
Làm sao tu chứng được viên thông?**
Do vậy, xúc trần cũng không được dùng như một phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

法稱為內塵
憑塵必有所
能所非遍涉
云何獲圓通。
*Pháp xưng vi nội trần
Bằng trần tất hữu sở*

*Năng sở phi biến thiệp
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Pháp còn gọi là nội trần.
Nương theo trần, tất có ‘sở’.
Năng sở chẳng biến nhập thành một
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Ngài Ma-ha Ca-diếp tu tập ý căn thông qua pháp trần, và ngài đã chứng được Diệt thọ tướng định.

Pháp còn gọi là nội trần.

Pháp trần là đối tượng của ý căn.

Nương theo trần, tất có ‘sở’. (giác quan)

Vì nó là trần cảnh, nên chúng phải có một nơi chốn. Vì nó có nơi chốn, nên nó không thể ở trong mức độ ‘*không nhưng chẳng không*.’

Năng sở chẳng biến nhập thành một. Tính giao thiệp, tương nhập của chủ thể và đối tượng (năng/sở) chưa được toàn triệt, chưa toàn diện.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Kinh văn:

見性雖洞然
明前不明後
四維虧一半
云何獲圓通。

*Kiến tánh tuy đồng nhiên
 Minh tiền bất minh hậu
 Tứ duy khuy nhất bán
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Tánh thấy vốn rộng rang bao quát
 Nhưng chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được
 phía sau;
 Bốn phía, thiếu đi một nửa,
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Tánh thấy vốn rộng rang bao quát. Mắt có thể thấy rõ ràng thông suốt. Nhưng **chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau.** Nếu mắt nhìn phía trước, thì chẳng thấy được phía sau. Nếu nhìn bên phải, thì chẳng thấy được bên trái. **Bốn phía, thiếu đi một nửa.** Chỉ có thể cùng lúc nhìn thấy được hai trong bốn phía.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nên đó không phải là phương pháp chọn ra để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

鼻息出入通
 現前無交氣
 支離匪涉入
 云何獲圓通。

*Tỵ tức xuất nhập thông
 Hiện tiền vô giao khí
 Chi ly phi thiệp nhập
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Mũi thở ra thở vào,
 Khoảng giữa, hiện không có thở;
 Không dung thông, còn cách trở,
 Làm sao tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Mũi thở ra thở vào,

Bài kệ này luận về tỵ căn. **Khoảng giữa, hiện không có thở.** Có khi nín thở. Hơi thở được dừng lại.

Không dung thông, còn cách trở. Tình trạng này là một sự khiếm khuyết và khiến cho tỵ căn cũng không thích hợp. Nó không hoàn toàn viên mãn. **Làm sao tu chứng viên thông?** Do vậy, nó không thể được chọn làm phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

舌非入無端
 因味生覺了
 味亡了無有
 云何獲圓通。

*Thiệt phi nhập vô đoan
 Nhơn vị sanh giác liễu*

*Vị vong liễu vô hữu
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành.

Nhân các vị, mới có hay biết.

Không có vị, rốt ráo chẳng có gì.

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Giải thích:

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành. Vị phải tiếp xúc với lưỡi (thiệt căn) thì mới có được vị giác đó. Nếu không có vị, thì chẳng biết được gì cả. **Nhân các vị, mới có hay biết.** Có trải nghiệm được cái hay biết là nhờ vị trần. **Không có vị, rốt ráo chẳng có gì.**

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Quý vị không thể nào dùng phương pháp này mà tu chứng được viên thông.

Kinh văn:

身與所觸同

各非圓覺觀

涯量不冥會

云何獲圓通。

Thân dữ sở xúc đồng

Các phi viên giác quán

Nhai lượng bất minh hội

Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch:

**Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc (đối tượng)
giống nhau**

**Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp.
Nếu không xác định và nhận ra được tính không
hạn lượng.**

Thì làm sao mà tu chứng viên thông?

Giải:

**Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc (đối tượng)
giống nhau**

Phương pháp dùng thân căn (để tu tập) cũng giống
như xúc trần. **Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp.**

Tánh biết của chúng chưa được hoàn toàn.

**Nếu không xác định và nhận ra được tính không
hạn lượng.**

Thì làm sao mà tu chứng viên thông?

Nó được đánh giá bằng sự hạn và số lượng, và đó là
mối quan hệ không thể thấy được giữa xúc trần, do vậy,
nó không được chọn là pháp tu viên thông hay nhất.

Kinh văn:

知根雜亂思
湛了終無見
想念不可脫
云何獲圓通。

*Tri căn tạp loạn tư
Trạm liễu chung vô kiến*

*Tưởng niệm bất khả thoát
Vân hà hoạch viên thông?*

Viết dịch:

Ý căn thường xen với loạn tưởng.

Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì.

Nếu không thoát được các niệm tưởng.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giải thích:

Ý căn thường xen với loạn tưởng. Cái mà tâm ý biết được chính là pháp trần, là một hỗn hợp gồm các loạn tưởng.

Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì.

Nếu không thoát được các niệm tưởng.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nó chẳng bao giờ đạt đến được cái gọi là trạm tịch, cũng chẳng bao giờ đạt đến chỗ rốt ráo, vì con người không bao giờ có thể vượt qua được khi niệm tưởng-vọng tưởng và sóng thức-vấn còn tồn tại. Làm sao mà những yếu tố này có thể dẫn đến viên thông?

Kinh văn:

識見雜三和

詰本稱非相

自體先無定

云何獲圓通。

*Thức kiến tạp tam hoà
Cật bản xưng phi tướng*

*Tự thể tiên vô định
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần.
Gạn xét tột cùng nó không tự tướng
Tự thể vốn đã không nhất định
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần.

Đoạn kệ tụng này đề cập đến các thức, vốn là sự kết hợp của sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài. Sáu căn có tính biết, trong khi sáu trần thì không. Do vậy, sáu thức có một nửa biết và một nửa không biết. Ba thành phần này kết hợp với nhau để thành ra thức. **Gạn xét tột cùng nó không tự tướng.** Thức không có tự tướng.

Tự thể vốn đã không nhất định

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Vì chính các thức đã là trong trạng thái biến chuyển liên tục. Làm sao có thể dùng nó để mà tu tập viên thông? Thế nên nhãn thức cũng không được chọn.

Kinh văn:

心聞洞十方
生于大因力
初心不能入
云何獲圓通。

*Tâm văn đồng thập phương
 Sanh vu đại nhân lực
 Sơ tâm bất năng nhập
 Vân hà hoạch viên thông?*

Viết dịch:

**Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương
 Là do lực của đại nhân duyên
 Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương. Pháp môn mà Bồ-tát Phổ Hiền tu tập đó là nhĩ thức. Nhưng tánh nghe chỉ rộng khắp khi **do lực của đại nhân duyên.**

Pháp môn này đòi hỏi phải có năng lực từ một nhân duyên rất thù thắng. Chỉ có như vậy mới tu tập được pháp môn này. **Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy.** Chúng sinh vừa mới phát tâm tu tập Bồ-tát đạo sẽ không thích hợp với pháp môn này. Do hàng sơ phát tâm không thể tu tập pháp môn này, nên **Làm sao mà tu chứng viên thông.** Pháp môn này cũng không được chọn.

Kinh văn:

鼻想本權機
 祇令攝心住
 住成心所住
 云何獲圓通。

*Tỳ tướng bốn quyền cơ
 Kỳ linh nhiếp tâm trụ
 Trụ thành tâm sở trụ
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện,
 Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm.
 Nếu đối tượng quán sát trở thành “sở trụ”
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải đáp:

Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện.
 Tôn-đà-la Nan-đà (Sundarananda) tu tập pháp quán tướng trắng trên chóp mũi. Tu pháp môn này liên quan đến tướng, thế nên đó là một phương tiện khéo léo. **Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm.** Phương pháp đó là để giúp cho tâm được an trụ.

Nếu đối tượng quán sát trở thành “sở trụ”

Mục tiêu của phương pháp này là đem tâm về an trụ tại một nơi, nhưng vì tiếp tục có một nơi để tâm an trụ, thì **Làm sao mà tu chứng viên thông?** Nên pháp môn này cũng không được chọn.

Kinh văn:

說法弄音文
 開悟先成者
 名句非無漏
 云何獲圓通。

*Thuyết pháp lộng âm văn
Khai ngộ tiên thành giả
Danh cú phi vô lậu
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Thuyết pháp vận dụng¹ âm thanh văn tự
Chỉ khai ngộ cho người trước đã gieo trồng chủng
tử Phật.**

Danh cú, văn tự không phải là vô lậu.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng giải:

Phú-lâu-na di-đa-la-ni Tử² giảng pháp và giác ngộ nhờ ở thiệt căn. **Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự.** Khi thuyết pháp và giảng kinh, thanh âm nói ra phải hay và phải hoàn hảo khi biểu hiện qua văn tự. Nên đó là **Chỉ khai ngộ cho người trước đã gieo trồng chủng tử Phật. Danh cú, văn tự không phải là vô lậu. Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Vì đó là đối tượng của pháp hữu lậu, nên không thể chon pháp môn ấy làm phương tiện để tu chứng viên thông.

¹ Tiếng Hán dùng chữ Lộng 弄 chiết tự có nghĩa là dùng tay mà dò viên ngọc, Nghĩa bóng là *đùa giỡn*. Như *Lộng ngôn* 弄言 là *lời nói đùa*. Ở đây chúng tôi tạm dịch *vận dụng* cho dễ hiểu. Còn sâu xa, vẫn mang ý nghĩa rằng, nếu dùng âm thanh văn tự để đạt được viên thông thì đó chỉ là pháp phương tiện, chỉ là quyền pháp nhất thời mà thôi.

² Pūrṇamaitrāyaṇī-putra 富樓那彌多羅尼子.

Kinh văn:

持犯但束身
非身無所束
元非遍一切
云何獲圓通。

Trì phạm dẫn thúc thân

Phi thân vô sở thúc

Nguyên phi biến nhất thiết

Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch:

Giữ giới chỉ câu thúc cái thân,

Ngoài thân, lấy gì câu thúc ?

Giới và thân vốn không cùng khắp

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giải đáp:

Trưởng lão Ưu-ba-ly chuyên trì giới. **Giữ giới chỉ câu thúc cái thân.** Giữ giới hoặc phá giới cũng do ở thân. Đây là pháp thân liên hệ đến thân và tâm. **Ngoài thân, lấy gì câu thúc?**

Nếu quý vị không có thân, thì chẳng cần phải kèm giữ chế ngự chúng.

Giới và thân vốn không cùng khắp

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Phương pháp này không được toàn vẹn. Nên không được chọn làm phương tiện để tu tập viên thông.

Kinh văn:

神通本宿因
何關法分別
念緣非離物
云何獲圓通。

*Thần thông bản túc nhân
Hà quan pháp phân biệt
Niệm duyên phi ly vật
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Thần thông là do tập nhân từ đời trước,
Không dính dáng với ý thức phân biệt.
Niệm lự, không tách rời sự vật
Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Giải thích:

Mục-kiền-liên là người có thần thông đệ nhất, đó là nhờ vào ý thức mà ngài có được năng lực thần thông.

Thần thông là do tập nhân từ đời trước,

Có được thần thông là do nhân duyên đã được tích tập từ đời trước. Điều ấy **Không dính dáng với ý thức phân biệt**. Đó là vấn đề hoàn toàn khác hẳn với ý thức phân biệt.

Niệm lự, không tách rời sự vật.

Tuy nhiên, thần thông vẫn cần đến tiến trình của niệm tưởng. Do vậy, thần thông không tách rời với phạm trù vật lý nên tự nó chẳng toàn diện. **Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Nên tu tập để có được thần thông cũng chẳng phải là cách hay nhất.

Kinh văn:

若以地性觀
 堅礙非通達
 有為非聖性
 云何獲圓通。

*Nhược dĩ địa tánh quán
 Kiên ngại phi thông đạt
 Hữu vi phi thánh tánh
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Khi quán tánh của đất,
 Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt.
 Pháp hữu vi không là giác tánh
 Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Giảng giải:

**Khi quán tánh của đất,
 Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt.**

Trì Địa Bồ-tát dùng phương pháp quán sát tánh của địa đại. Đất có tính cứng chắc và ngăn ngại. Không được dung thông. Đó là một pháp hữu vi, không phải là pháp môn để thể nhập dòng thánh.

**Pháp hữu vi không là giác tánh
 Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Nó không thể được xem như là phương pháp hay nhất để đạt đến viên thông.

Kinh văn:

若以水性觀
想念非真實
如如非覺觀
云何獲圓通

*Nhược dĩ thủy tánh quán
Tưởng niệm phi chơn thật
Như như phi giác quán
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Khi quán tánh của nước,
Đã là quán tưởng thì không phải chơn,
Vì như như thì chẳng phải là giác quán,
Nên làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Có hành giả muốn tu tập bằng phương pháp quán sát thủy đại và thể nhập vào Thủy quán Tam-muội như Nguyệt Quang Đồng tử đã tu tập.

**Khi quán tánh của nước,
Đã là quán tưởng thì không phải chơn,
Vì khi hành giả nhập vào định theo phương pháp này, thì tiến trình của niệm tưởng, trạng thái tâm tư vi tế, ban đầu vẫn còn liên quan. Nhưng vì cảnh giới như như**

thì chẳng phải là giác quán. Nên phương pháp quán thủy đại chẳng phải pháp quán sát bản nhiên.

Nên làm sao mà tu chứng viên thông?

Thế nên phương pháp quán sát Thủy đại không được chọn làm pháp tu viên thông.

Kinh văn:

若以火性觀
 厭有非真離
 非初心方便
 云何獲圓通。

*Nhược dĩ hoả tánh quán
 Yếm hữu phi chơn ly
 Phi sơ tâm phương tiện
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục
 Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật.
 Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Hoả đầu Kim cang Ô-sô-sắc-ma tu tập pháp quán Hoả đại, vì ngài có tâm dâm dục rất mạnh. Đức Phật dạy ngài hãy quán sát lửa dục trong thân.

**Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục
 Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật.
 Sự quyết tâm lìa bỏ tâm dâm dục này chẳng phải tự**

nó là sự viên ly chân thật. Đây **Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm**. Đối đãi chẳng phải là pháp vô thượng bồ-đề. **Làm sao mà tu chứng viên thông**. Không thể chọn phương pháp này là pháp môn để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

若以風性觀
動寂非無對
對非無上覺
云何獲圓通。

*Nhược dĩ phong tánh quán
Động tịch phi vô đối
Đối phi vô thượng giác
Vân hà hoạch viên thông?*

Viết dịch:

**Nếu quán tánh phong đại
Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi
Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Lưu Ly Quang Vương tử dùng Phong đại để tu tập viên thông. **Nếu quán tánh phong đại**

Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi

Động và tĩnh là hai cái đối đãi, chẳng phải là tuyệt đối.

Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác.

Đối đãi chẳng phải là pháp giác ngộ tối thượng.

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Không thể cho phương pháp này để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

若以空性觀
昏鈍先非覺
無覺異菩提
云何獲圓通。

*Nhược dĩ không tánh quán
Hôn độn tiên phi giác
Vô giác dị bồ đề
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Nếu quán tánh không đại
Hư không vô tri, chẳng hay biết.
Không hay biết tức trái với bồ-đề.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Nếu quán tánh không đại. Hư Không Tạng Bồ-tát tu tập bằng cách quán tưởng thân mình rộng lớn như hư không và được giác ngộ. Nhưng ở trong bài kệ này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Con quán sát tánh của Không đại và thấy rằng: **Hư không vô tri, chẳng hay biết.** Yếu tố này thiếu sự sáng suốt khiến nó không thích hợp cho hàng sơ phát tâm.

**Không hay biết tức trái với bồ-đề.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Phương pháp này không được chọn làm pháp môn để tu tập viên thông.

Kinh văn:

若以識性觀
觀識非常住
存心乃虛妄
云何獲圓通。

*Nhược dĩ thức tánh quán
Quán thức phi thường trụ
Tồn tâm nãi hư vọng
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Nếu quán tánh thức đại.
Thức sanh diệt chẳng thường trụ
Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Bồ-tát Di-lặc tu tập từ Thức đại. Ngài quán sát tánh của sáu thức. **Nếu quán tánh thức đại. Thức sanh diệt chẳng thường trụ.** Hãy thử nhìn vào thức tâm phân biệt, nó không dừng trụ lâu dài. **Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng.** Nơi nào có đối tượng để quán, và có niệm quán tưởng, thì ở đó đều là hư vọng. **Làm sao mà tu chứng viên thông.** Thế nên phương pháp này không được xem là viên thông.

Kinh văn:

諸行是無常
念性無生滅
因果今殊感
云何獲圓通。

*Chư hành thị vô thường
Niệm tánh vô sanh diệt
Nhân quả kim thù cảm
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
Nhân quả nay đã quá sai khác.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Bồ-tát Đại Thế Chí tu tập Kiến đại. Ngài thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục.¹

**Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm² vốn trong vòng sanh diệt.**

¹ 佛問圓通我無選擇都攝六根淨念。相繼得三摩地，斯為第一。
*Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trạch đô nhiếp lục căn tịnh niệm.
Tương kế đắc tam-ma-địa, tư vi đệ nhất.*

Đức Phật hỏi về viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục, chứng tam-ma-địa. Đó là phương pháp hay nhất. (Kinh Thủ-lăng-nghiêm, Q.5).

² Kiến là tánh thấy, kiến đại biểu hiện qua niệm tưởng.

Cả tánh của niệm tưởng và đối tượng được niệm tưởng cũng đều là thuộc về sinh diệt. Khi quý vị niệm, thì nó hiện ra; khi quý vị dừng niệm, thì nó biến mất.

Nhân quả nay đã quá sai khác.

Chúng ta mong được siêu việt ý niệm nhân quả

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Thế nên pháp môn niệm Phật cũng không thích hợp cho việc tu chứng viên thông.

Kinh văn:

我今白世尊
佛出娑婆界
此方真教體
清淨在音聞
欲取三摩提
實以聞中入。

Ngã kim bạch Thế tôn

Phật xuất ta-bà giới

Thử phương chơn giáo thể

Thanh tịnh tại âm văn

Dục thủ tam ma đề

Thật dĩ văn trung nhập.

Việt dịch:

Con nay kính bạch Thế tôn

Phật ra đời ở cõi ta-bà

**Thế chân thật của pháp môn trong cõi này
Thanh tịnh do ở nói và nghe
Muốn tu chứng tam-ma-đề
Thật nên do tánh nghe mà vào.**

Giảng giải:

Đến thời điểm này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã trình bày xong về các pháp môn mà các bậc thánh đã chứng được. Ngài tiếp tục trình bày:

Con nay kính bạch Thế tôn

Phật ra đời ở cõi ta-bà

**Thế chân thật của pháp môn trong cõi này
Thanh tịnh do ở nói và nghe**

Trong thế giới này, nơi được gọi là “nhẫn chịu,”¹ nơi Đức Phật đã thị hiện vì lòng từ bi, phương pháp chân thực để giáo hóa chúng sinh là tính thanh tịnh của âm thanh. Điều ấy chỉ cho pháp môn phản văn văn tự tánh.

Muốn tu chứng tam-ma-đề

Thật nên do tánh nghe mà vào.

Công phu phản văn văn tự tánh thực sự là vi diệu nhất, hay nhất trong tất cả các pháp môn.

Kinh văn:

離苦得解脫

良哉觀世音

Ly khổ đắc giải thoát

Lương tai Quán Thế Âm

¹ Do chữ Saha (s); able to be borne (e); Hán: kham nhẫn.

Việt dịch:

**Rời khổ, được giải thoát.
Hay thay Quán Thế Âm!**

Giải thích:

Rời khổ, được giải thoát. Chúng ta có thể lìa xa cái khổ và được giải thoát. Lìa khỏi cái khổ tất là giải thoát. Giải thoát chính là sự lìa xa cái khổ.

Hay thay Quán Thế Âm!

Pháp môn của Bồ-tát Quán Thế Âm thật là vi diệu!

Kinh văn:

於恒沙劫中
入微塵佛國
得大自在力
無畏施眾生。

*Ư hằng sa kiếp trung
Nhập vi trần phật quốc
Đắc đại tự tại lực
Vô úy thí chúng sanh.*

Việt dịch:

**Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng
Vào cõi Phật như vi trần
Được lực tự tại rất to lớn.
Bố thí sự vô úy cho chúng sinh.**

Giải thích:

Vì sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen ngợi Bồ-tát Quán Thế Âm? Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng

Vào cõi Phật như vi trần. Trong nhiều kiếp, Bồ-tát Quán Thế Âm đã thể nhập vào vô số quốc độ Phật nhiều như vi trần. **Được lực tự tại rất to lớn.**

Bồ thí sự vô úy cho chúng sinh. Với năng lực thần thông và đại tự tại, Bồ-tát Quán Thế Âm đã giúp cho mọi chúng sinh được sự không sợ hãi.

Kinh văn:

妙音觀世音
梵音海潮音
救世悉安寧
出世獲常住。

Diệu âm Quán Thế Âm

Phạm âm hải triều âm

Cứu thế tất an ninh

Xuất thế hoạch thường trụ.

Việt dịch:

Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm

Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều

Cứu độ thế gian, khiến đều được an lành

Xuất thế gian, được quả thường trụ.

Giảng giải:

Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm

Quán Thế Âm Bồ-tát là vô cùng vi diệu.

Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều

Âm thanh thanh tịnh và trong sáng của ngài giống như tiếng sóng của đại dương. **Cứu độ thế gian, khiến đều**

được an lành. Ngài cứu độ cho mọi loài chúng sinh ở thế gian này, mang lại sự an bình và mãn nguyện cho tất cả.

Xuất thế gian, được quả thường trụ.

Ngài siêu việt thế gian và chúng được tánh giác thường trú. Ngài đạt được năng lực thần thông tự tại bất hoại, và thường trụ.

Kinh văn:

我今啟如來
如觀音所說
譬如人靜居
十方俱擊鼓
十處一時聞
此則圓真實。

*Ngã kim khái Như Lai
Như Quán Âm sở thuyết
Thí như nhân tĩnh cư
Thập phương câu kích cổ
Thập xứ nhất thời văn
Thử tắc viên chơn thật.*

Việt dịch:

**Con nay kính bạch Như Lai
Như lời Bồ-tát Quán Thế Âm vừa trình bày
Ví như có người trong chỗ yên lặng
Khắp mười phương đều đánh trống
Mười xứ cùng lúc đều nghe
Đó gọi là hoàn toàn chân thật.**

Giảng giải:

Con nay kính bạch Như Lai

Như lời Bồ-tát Quán Thế Âm vừa trình bày về
việc ngài tu chứng viên thông.

Ví như có người trong chỗ yên lặng

Khắp mười phương đều đánh trống

Mười xứ cùng lúc đều nghe.

Trong mỗi nơi ở mười phương đều đánh trống cùng một lúc. Dù tiếng trống đến từ mười phương, nhưng một người ở trong căn phòng yên tĩnh có thể nghe được các tiếng trống ấy cùng một lúc.

Đó gọi là hoàn toàn chân thật.

Tánh (nghe) này mới chân thật là viên mãn.

Kinh văn:

目非觀障外
口鼻亦復然
身以合方知
心念紛無緒。

Mục phi quán chướng ngoại

Khẩu tỵ diệc phục nhiên

Thân dĩ hợp phương tri

Tâm niệm phân vô tợ.

Việt dịch:

Mắt không thể thấy khi có chướng ngại bên ngoài

Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy

**Thân, khi hợp mới biết xúc.
Ý căn, phân vân không manh mối.**

Giải thích:

Mắt không thể thấy khi có chướng ngại bên ngoài

‘Mắt’ ở đây không phải là Phật nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Thiên nhãn, hoặc nhục nhãn—chẳng phải là nhục nhãn. Điều đề cập đến ở đây là con mắt thông thường. Những con mắt này chỉ có thể thấy được trong giới hạn, không thể thấy xuyên suốt và ở trên nó. Nó không thể nhìn thấy được xuyên qua những vật chướng ngại. Chẳng hạn, nếu chúng ta đóng cửa sổ và buông màn xuống, thì chẳng thể nào nhìn thấy được cảnh vật bên ngoài. Ngay cả trong sự nhận biết những cái cận kề để sử dụng, chỉ một lớp da cũng ngăn che không cho ta thấy đường. Như chúng ta không thể nào thấy được cái gì bên trong thân với con mắt thông thường. Mắt của bậc thánh lại là một vấn đề khác, nhưng ở đây chúng ta đang bàn về khả năng của con mắt thường. Nó không thể thấy xuyên qua được một tờ giấy mỏng! Cũng vậy, khi nhìn bên phải thì không thể thấy được bên trái, và khi nhìn bên trái thì không thể thấy được bên phải.

Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy.

Giữa các hơi thở cũng có khoảng dừng khi không có không khí vào hoặc ra khỏi mũi. Và lưỡi phải có vị thì mới biết được tánh nếm. Không có gì để nếm, thì lưỡi chẳng có tác dụng. Nên hai căn này, đều ít nhiều giống như nhãn căn.

Thân, khi hợp mới biết xúc.

Thân phải tiếp xúc với đối tượng của xúc chạm thì xúc giác mới có được, và vì thế, nó cũng không được hoàn toàn.

Ý căn, phân vân không manh mối.

Niệm tưởng thì lăng xăng và hỗn loạn, không có một trật tự gì cho chúng cả, thế nên nó cũng chẳng hoàn toàn tốt cho việc tu chứng viên thông.

Kinh văn:

隔垣聽音響
遐邇俱可聞
五根所不齊
是則通真實。

*Cách viên thính âm hưởng
Hà nhĩ câu khả văn
Ngũ căn sở bất tề
Thị tắc thông chơn thật*

Việt dịch:

**Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng
Xa gần đều nghe được
Năm căn so sánh thật không bằng
Thế mới chân thật thông.**

Giải giảng:

Với nhĩ căn, **Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng.** Quý vị vẫn nghe được những gì bên kia bức tường. **Xa gần đều nghe được.**

Năm căn so sánh thật không bằng. Mắt, mũi, lưỡi

thân ý đều không có tác dụng như nhĩ căn—nó hoàn hảo hơn những căn này. Tác dụng của nó hoàn toàn dung thông và không bị ngăn ngại. Những căn khác không thể nào sánh bằng nhĩ căn được. **Thế mới chân thật thông.** Năm giác quan kia không có được sự dung thông chân thực này.

Kinh văn:

音聲性動靜
聞中為有無
無聲號無聞
非實聞無性。

*Âm thanh tánh động tĩnh
Văn trung vi hữu vô
Vô thanh hiệu vô văn
Phi thật văn vô tánh.*

Việt dịch:

**Tánh của âm thanh, có động có tĩnh.
Trong tánh nghe thành có, thành không.
Khi không tiếng, gọi là không nghe
Chẳng phải thật là không có tánh nghe.**

Giải thích:

Tánh của âm thanh, có động có tĩnh.

Khi thì có tiếng, khi thì không có tiếng. Khi không có tiếng, gọi là yên tĩnh. **Trong tánh nghe thành có, thành không.** Tánh nghe nhận biết sự di chuyển của thanh âm và sự yên lặng khi không có tiếng. **Khi không tiếng, gọi là không nghe.** Chúng ta gọi như vậy. Nhưng

Chẳng phải thật là không có tánh nghe. Tánh nghe dứt khéoat là không biến mất. Khi chúng ta nói rằng không nghe, thì tánh nghe thực ra chẳng hề biến mất.

Kinh văn:

聲無既無滅
 聲有亦非生
 生滅二圓離
 是則常真實。

Thinh vô ký vô diệt

Thinh hữu diệt phi sanh

Sanh diệt nhị viên ly

Thị tắc thường chơn thật.

Việt dịch:

Không tiếng, tánh nghe đã không diệt

Có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh.

Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt

Thế mới thường chân thật.

Giảng giải:

Không tiếng, tánh nghe đã không diệt

Khi không có tiếng không có nghĩa là tánh nghe đã bị mất đi. Khi có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh. Khi nghe có tiếng, thì cũng chẳng có gì biến đổi trong tánh nghe.

Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt

Thế mới thường chân thật.

Tánh nghe thường vốn tự đầy đủ trong chính nó và lia hẳn hai ý niệm sinh diệt. Sinh diệt đã hoàn toàn trở nên dung thông nhau. Tánh nghe là tánh thường trụ, bất biến, chẳng phải là đối tượng của sinh diệt.

Kinh văn:

縱令在夢想
不為不思無
覺觀出思惟
身心不能及。

Túng linh tại mộng tưởng

Bất vị bất tư vô

Giác quán xuất tư duy

Thân tâm bất năng cập

Việt dịch:

Dù đang lúc mộng tưởng

**Chẳng phải do không suy nghĩ mà (tánh nghe)
không có.**

Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ

Thân, ý không so kịp.

Giải thích:

Khi có tiếng, khi không có tiếng, khi tiếng vừa mới khởi, khi tiếng đã mất hẳn, thì tánh nghe không bao giờ bị biến mất. Mọi người có thể nhận ra điều này trong trạng thái tỉnh thức bình thường. Nhưng nó vẫn thường hiện hữu ngay **đang lúc mộng tưởng**.

Có người đang ngủ rất mê nhưng vẫn nghe được

tiếng chày vỡ do người giặt áo quần và tiếng chày giã gạo như tiếng chuông trống đang hoà nhau. Điều này chứng tỏ rằng tánh nghe vẫn hiện hữu ngay cả trong giấc mơ.

Chẳng phải do không suy nghĩ mà (tánh nghe) không có.

Chẳng như tâm ý, không hiện hữu khi chẳng suy nghĩ.

Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ. Tính hay biết về tánh nghe ấy vượt ra ngoài sự suy nghĩ.

Thân, ý không so kịp.

Thân và tâm đều không thể nào so sánh được với tánh nghe của nhĩ căn.

Kinh văn:

今此娑婆國
聲論得宣明
眾生迷本聞
循聲故流轉
阿難縱強記
不免落邪思
豈非隨所淪
旋流獲無妄。

Kim thử ta-bà quốc

Thanh luận đắc tuyên minh

Chúng sanh mê bản văn

Tuần thịnh cổ lưu chuyển

*A-nan túng cường ký
Bất miễn lạc tà tư
Khởi phi tùy sở luân
Triển lưu hoạch vô vọng.*

Việt dịch:

**Hiện tại cõi ta-bà
Thanh luận được biểu dương
Chúng sinh bỏ mất tánh nghe
Theo thanh trần nên bị lưu chuyển
A-nan tuy nhớ giới
Vẫn không khỏi mắc tà nạn.
Há chẳng phải tùy chỗ chìm đắm
Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.**

Giải:

**Hiện tại cõi ta-bà
Thanh luận được biểu dương
Chúng sinh bỏ mất tánh nghe**

Họ không nhận ra được tánh nghe bản hữu. **Theo thanh trần nên bị lưu chuyển.**

Họ không biết quay tánh nghe trở lại để nhận ra tự tánh mình. Họ ham tìm cầu bên ngoài, họ lắng nghe bên ngoài. Họ đuổi theo thanh trần và hướng ra ngoài mà truy tìm. Nếu mình để cho nhĩ căn đuổi theo thanh trần thay vì xoay tánh nghe trở lại hướng vào bên trong, thì mình sẽ bị rơi trong dòng sanh tử. Đó cũng là một nút thắt. Có sanh tử, nên có nút buộc. Nó khởi đầu vì quý vị đuổi theo thanh trần. Quý vị không thể nào kéo nó lui được.

A-nan tuy nhớ giỏi. A-nan là người rất thông minh và nhớ giỏi. Ngài có thể nhớ nằm lòng các bộ kinh trong Tam tạng.

Vẫn không khỏi mắc tà nạn.

A-nan tuy thông minh, nhưng ngài vẫn không thể nào thoát khỏi nạn do con gái của Ma-đăng-già và thần chú của Tiên Phạm thiên. A-nan đã bị bắt bởi tà thuật của ngoại đạo.

Há chẳng phải tụy chỗ chìm đắm

Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.

Nếu quý vị có thể phản văn văn tự tánh, thì tự nhiên sẽ không phải chông cự với một thứ hư vọng nào. Quý vị sẽ không còn sai lầm như vậy. Nguyên nhân mà A-nan dễ bị mắc phải tà thuật là do A-nan luôn luôn tìm cầu bên ngoài. A-nan nghiên cứu cái này rồi học cái kia và thông thạo kinh này rồi kinh khác, nhưng không bao giờ tự hồi quang phản chiếu. A-nan không bao giờ chịu dừng lại suy nghĩ xem tại sao mình suy nghĩ và hành xử như vậy. Tất cả mọi việc mà A-nan làm là học. Ông học quá nhiều đến nỗi quên mất mình là gì. Chuyện này khiến tôi nhớ đến câu trả lời của Không Tử khi có người hỏi:

“Có ai trên đời giống như...” người hỏi bắt đầu.

“Giống như cái gì?” Không Tử hỏi.

“Nó đi, đem mọi người theo mình—đem theo họ hàng thân quyến trong gia đình, ngoại trừ vợ mình. Nó quên mang theo vợ nó. Có hạng người như thế chẳng?”

Quý vị có nghĩ thử xem Khổng Tử trả lời như thế nào không? Khổng Tử có trả lời rằng quên mang theo vợ mình là điều không thể được? Hay ngài trả lời rằng quên mang vợ mình theo là điều có thể được đối với con người?

Khổng Tử đáp: “Thời nay, con người thậm chí còn quên cả chính mình!” Không những họ quên vợ mình, mà còn quên cả thân mình. Có nghĩa là họ không biết rằng trong tương lai, thân họ sẽ chết. Họ quên rằng mình sẽ phải trải qua tuổi già, rồi bệnh, và chết.

Vì A-nan tập trung vào việc nghiên cứu những điều bên ngoài mình và vào việc phát triển khả năng học thuật của mình, A-nan thờ ơ việc tu tập để phát huy định lực. Do A-nan xao nhãng định lực, nên ông không biết làm sao để công phu phản văn văn tự tánh, thế nên A-nan đui theo thanh trần. A-nan không làm cho thanh trần trở về theo tự tánh mình nên A-nan bị mắc vào nạn với con gái của Ma-đăng-già.

Kinh văn:

阿難汝諦聽
我承佛威力
宣說金剛王
如幻不思議
佛母真三昧。

A-nan như đế thính

Ngã thừa Phật oai lực

Tuyên thuyết Kim cang vương

*Như huyễn bất tư nghị
Phật mẫu chơn tam muội.*

Việt dịch:

**A-nan! Hãy nghe kỹ.
Tôi nương uy lực Phật
Trình bày tam-muội của Kim cang vương
Như huyễn bất khả tư nghị,
Thiền định là mẹ của chư Phật.**

Giải thích:

Khi Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát nói đến đây, ngài gọi A-nan. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là một vị Pháp vương tử có tuổi tác rất cao, trong khi A-nan còn rất trẻ. Ở đây, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đại diện cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tuyên bày giáo pháp, thế nên ngài thu hút sự chú ý A-nan. **A-nan! Hãy nghe kỹ.**

Hãy chú ý! Lắng nghe từng lời, đừng xem thường chút nào. Đừng ngồi đó mà ngủ gục khi tôi nói dòng kệ này! Ông nên biết rằng bài kệ này mà tôi đang nói ra không phải là do ý riêng của tôi. Bài kệ được tuyên bày do uy lực của Đức Phật trao truyền cho tôi. Đức Phật chỉ định cho tôi phải nói và diễn bày nội dung này. Ngài bảo tôi phải chọn ra pháp môn cho ông tu. Ông không nên nghĩ rằng do tôi, Văn-thù-sư-lợi, là người đang nói với ông điều này; mà đó chính là Đức Phật đang nói cho ông. Nay ông đã hiểu chưa?

Trình bày tam-muội của Kim cang vương.
Nương vào Đức Phật, tôi sẽ trình bày pháp môn của Kim cang vương.

**Như huyễn bất khả tư nghì,
Thiền định là mẹ của chư Phật.**

Đây là pháp môn tu mà chẳng cần tu. Tu mà chẳng tu. Chẳng tu mà tu. Đúng hơn là giống như trò chơi, thế nên cùng một lúc đó là sự thực. Ví dụ là ở đó. Quý vị không thể tưởng tượng ra được pháp môn này vì điều đến như thế nào. Quý vị không thể tưởng tượng ra được hoặc diễn đạt sự vi diệu ấy bằng lời. Tam-muội ấy là mẹ của chư Phật. Tất cả các Đức Phật đều xuất sinh từ tam-muội này. Thế nên hãy chú ý. Ông có muốn thành Phật không? Nếu có, hãy chú tâm những gì tôi sẽ nói. Và rồi ông phải thực hành công phu. Đừng chỉ ưởng công sức trong những kỹ năng bên ngoài. Ông phải đạt cho bằng được công phu nội quán.

Kinh văn:

汝聞微塵佛
一切祕密門
欲漏不先除
畜聞成過誤。

*Nhữ văn vi trần Phật
Nhất thiết bí mật môn
Dục lậu bất tiên trừ
Súc văn thành quá ngộ*

Việt dịch:

**Ông nghe các pháp bí mật
Của chư Phật nhiều như số vi trần**

**Nếu trước tiên không trừ các dục lậu
Nghe nhiều, chất chứa thành làm lỗi.**

Giảng giải:

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tiếp tục:

**Ông nghe các pháp bí mật
Của chư Phật nhiều như số vi trần**

A-nan, ông đã nghe vô số chư Phật giảng nói về các pháp môn bí mật. ‘Bí mật’ có nghĩa là quý vị nói điều gì đó cho một người nghe mà người thứ hai không biết được điều ấy. Hoặc là quý vị nói về người thứ hai mà người thứ nhất không biết được. Mỗi người đều không biết được điều gì đã nói với người kia. Tại sao Đức Phật có những pháp môn bí mật? Là vì căn tánh của chúng sinh khác nhau. Mỗi chúng sinh thích những điều khác nhau. Hơn thế nữa, mỗi người lại tu tập những pháp môn riêng biệt trong đời quá khứ. Do vậy, Đức Phật quán sát căn cơ, ngài xem xét pháp môn quý vị đã tu tập trong đời trước, căn cứ vào đó, ngài dạy quý vị bây giờ nên tu tập như thế nào.

Quán cơ đầu giáo

Giảng pháp cho từng người.

Ngài không dạy cho quý vị pháp môn mà không thích hợp với quý vị.

**Nếu trước tiên không trừ các dục lậu
Nghe nhiều, chất chứa thành làm lỗi.**

Dù Đức Phật đã có nhiều pháp môn bí mật, quý vị cũng vẫn chưa trừ bỏ các dục lậu của mình. “Dục” thật là rất khó hàng phục. Ngay khi quý vị có tham dục, là quý vị

có lậu hoặc. Tham dục nghiêm trọng nhất mà mọi người đều khó tìm cách cắt bỏ đó là tham danh sắc. Nếu quý vị có thể trừ bỏ điều này thì quý vị là người phi thường. Khi quý vị nghiên cứu Phật pháp, quý vị phải nên trừ bỏ tham dục để mới có thể trừ sạch mọi lậu hoặc.

Quả vị thứ tư của A-la-hán thì không còn lậu hoặc. Sơ quả A-la-hán là Kiến đạo vị, là kết quả của sự dứt trừ được 88 phần kiến hoặc. Quả vị thứ nhì A-la-hán được gọi là Tu đạo vị. Quả vị thứ tư của A-la-hán gọi là Chứng đạo vị. Ở quả vị thứ nhất, thứ nhì và thứ ba của A-la-hán chưa được gọi là chứng quả vị vô lậu. Chỉ đến quả vị thứ tư mới chứng quả vô lậu. Đạt được quả vị vô lậu là điều rất quan trọng. Tại sao A-nan chưa đạt đến quả vị này? Vì A-nan chưa trừ bỏ tham dục. A-nan vẫn còn ham thích một số điều. A-nan chưa được thanh tịnh, vì thế nên Pháp vương tử Văn-thù-sur-lợi mới nói với A-nan, “Nếu ông không tu tập và diệt trừ tâm tham đắm danh sắc, thì ông sẽ không tương ưng với Phật pháp. Nếu ông chỉ một bề chuyên vào đa văn, thì ông sẽ mắc phải lỗi lầm. Đó là nguyên do khiến cho ông phải mắc nạn với con gái của Ma-đăng-già. Nếu ông từ bỏ tham dục và lậu hoặc, thì ông sẽ không còn gặp những nạn ấy nữa.”

Khi chúng ta thấy một người thông minh như A-nan mà vẫn còn mắc phải sai lầm này, chúng ta nên lưu ý rằng không những chúng ta chưa nghiêm khắc với tham dục, mà chúng ta còn có ý định truy tìm nó. Chưa bao giờ chúng ta nghĩ đến chuyện trừ bỏ nó. Quý vị có thấy đó là một sai lầm nữa không? Đến lúc này, mọi

người nên hồi quang phản chiếu. Chúng ta còn tham dục chẳng? Chúng ta đã trừ bỏ chúng được chưa? Nếu chưa, thì chẳng có gì để nói. Nếu quý vị muốn trừ bỏ chúng, thì hãy nhanh chóng bắt đầu tu tập công phu phản văn văn tự tánh. Hãy học pháp môn nhĩ căn viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Kinh văn:

將聞持佛佛
何不自聞聞。

*Tương văn trì phật pháp
Hà bất tự văn văn?*

Việt dịch:

**Dem cái nghe thọ trì Phật pháp
Sao không tự nghe tánh nghe của mình?**

Giải:

“**Dem cái nghe thọ trì Phật pháp.** Ông đã phí công để nghiên tâm Phật pháp.” Văn-thù-su-lợi nói với A-nan. “Với công phu đó, **Sao không tự nghe tánh nghe của mình?** Sao ông không quay cái nghe trở lại để nhận ra tánh nghe của mình. Sao ông không phát huy công phu tu tập này? Sao ông không quay lại nhìn vào chính mình?”

Kinh văn:

聞非自然生
因聲有名字

旋聞與聲脫
能脫欲誰名。

*Văn phi tự nhiên sanh
Nhơn thanh hữu danh tự
Triền văn dĩ thanh thoát
Năng thoát dục thùy danh.*

Việt dịch:

**Tánh nghe không phải tự nhiên sanh
Nhân thanh trần mà có tên gọi
Xoay lại cái nghe là thoát khỏi thanh trần
Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?**

Giải:

A-nan, đừng nên tiếp tục quá chú tâm việc học mà xao nhãng tu tập định lực. **Tánh nghe không phải tự nhiên sanh.** Vốn tự nó hoàn toàn không do tự nhiên mà có.

Nhân thanh trần mà có tên gọi. Vì có thanh trần, nên có cái nghe. Chúng ta gọi cái nhận ra thanh trần là ‘nghe ‘tiếng’ **Xoay lại cái nghe là thoát khỏi thanh trần. Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?** Chúng ta nói có cái nghe là do có tiếng, nhưng cái nghe có còn đó khi không có tiếng không? Cái nghe vẫn còn. Vì tánh nghe không phải là đối tượng của sinh diệt. Do vậy, xoay lại tánh nghe. Từ bây giờ, không đuổi theo sáu căn và sáu trần. Đưa sáu căn và sáu trần trở lại với tự tánh.

*Phản văn văn tự tánh
Tức thành Vô thượng đạo.*

Cái gì là tự tánh của quý vị? Khi quý vị lắng nghe,

quý vị sẽ nhận ra. Bây giờ, trước khi quý vị nhận ra, quý vị sẽ không hiểu được cho đến khi tôi nói cho quý vị biết. Chẳng hạn, khi tôi uống tách trà này, chính tôi biết tách trà lạnh hay nóng, nhưng quý vị vẫn không biết gì cả. Nếu quý vị muốn biết, quý vị phải tự mình uống trà. Nếu quý vị muốn nhận ra tự tánh của chính mình, trước tiên hết, quý vị phải xoay tách nghe trở lại. Nếu quý vị không làm như vậy, làm sao mong nhận ra tự tánh của mình được? Quý vị hỏi:

“Khi xoay tách nghe trở lại, làm sao để nghe?”

Dùng tai của mình, nhưng đừng lắng nghe âm thanh bên ngoài. Đừng cố gắng tìm hiểu xem những gì đang diễn ra ngoài phố, hoặc ai đang nói điều gì. Xoay cái nghe trở vào bên trong và lắng nghe bên trong của chính mình. Theo cách này tự tánh của quý vị sẽ hiển bày. Đó là cách thức quý vị thực hành. Nay quý vị đã hiểu rồi chứ?

Khi xoay tách nghe trở lại, mình được tự tại với âm thanh bên ngoài. “Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?” Nếu chính quý vị có thể lìa hẳn được với âm thanh bên ngoài, nghe nhưng chẳng nghe, đây chẳng phải thực sự là tánh nghe hay sao? Đúng vậy và chẳng phải vậy. Không phải mà phải. Nghe mà chẳng nghe. Đó có nghĩa là tự tại đối với âm thanh. Mình nghe, nhưng không giống như cách mình nghe trước đây. Dù biết rằng cái nghe thông thường có thể nghe được xa hoặc gần, nó vẫn có một giới hạn. Nếu quý vị chân thực đạt được công phu xoay tách nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình, thì quý vị có thể nghe được suốt cả pháp giới. Nhưng quý

vị cũng có thể chọn cách không nghe gì đến âm thanh của toàn thể pháp giới. Quý vị phải chế ngự. Giống như điện tín. Nếu tôi muốn gửi, tôi có thể gửi đi cho mọi người khắp mọi nơi vào bất kỳ lúc nào. Còn nếu tôi không muốn gửi điện tín, tôi sẽ không làm việc ấy. Nếu tôi muốn nghe những âm thanh nào trong pháp giới, tôi có thể bật nó lên. Quý vị hãy thử xem. Thế sự tự tại đối với âm thanh như vậy gọi là gì? Nó vốn không có danh xưng. Đó là cái vượt ra ngoài danh xưng nghe và tánh nghe chân thực.

Kinh văn:

一根既返源

六根成解脫

Nhất căn ký phản nguyên

Lục căn thành giải thoát

Việt dịch:

Khi một căn đã trở về nguồn

Sáu căn tức thành giải thoát.

Giải thích:

Ngay khi danh xưng đã không còn, người ta có thể nói rằng đó là ý căn đã được mở ra.

Khi một căn đã trở về nguồn

Sáu căn tức thành giải thoát.

‘Nguồn’ tức là tánh Như Lai tạng. Khi một căn (giác quan) quay trở về với tánh Như Lai tạng, thì cả sáu căn cùng kết hợp với nhau. Những người anh lớn

quy về và các em nhỏ cũng theo về. Nhưng nếu quý vị không đưa một căn trở về, thì chẳng có căn nào cùng về theo. Chúng có liên quan với nhau, vì vốn chúng là một, nhưng chúng bị chia thành sáu.

Kinh văn:

見聞如幻翳
三界若空花
聞復翳根除
塵銷覺圓淨。

*Kiến văn như huyễn ế
Tam giới nhược không hoa
Văn phục ế căn trừ
Trần tiêu giác viên tịnh.*

Việt dịch:

Thấy, nghe như mắt nhắm

Ba cõi như hoa đốm giữa hư không.

Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhắm tiêu trừ.

Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.

Giải thích:

Tại sao chúng ta chưa thành Phật? Chúng ta bị trói buộc bởi sáu căn và sáu trần. Thế nên chúng ta phải tìm ra một phương pháp để đạt được giải thoát. Không chỉ chúng ta bị trói buộc bởi các căn và các trần; cùng một lúc, A-nan cũng mắc phải vấn đề này. Chúng ta đang gặp cùng tình huống khó xử. A-nan đã đi con đường ấy để đạt đến giải thoát, và chúng ta bây giờ rất may mắn được

học phương pháp đó. Chúng ta, cũng vậy, có thể đi trên con đường này và được giải thoát.

Thấy, nghe như mắt nhắm

Cái thấy, cái nghe là điều gì đó không thực. Nó như là huyền hóa, như màn sương mỏng phủ qua mắt, như mây trên bầu trời.

Ba cõi như hoa đóm giữa hư không.

Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới làm thành ba cõi. Chúng ta đang ở trong đó, nhìn chăm chăm vào hư không cho đến khi cái nhìn chăm chú ấy khiến ta mỏi mệt. Thế nên trông giống như có hoa đang nhảy múa trong hư không. Mở đầu cho bài kệ này, ngài Văn-thù-sư-lợi đã nói:

Không sanh đại giác trung

Như hải nhất âu phát

Hư không sanh trong Đại giác Như một bọt nước nổi lên giữa biển

Hư không sanh ra trong biển mênh mông của tánh giác ngộ và được ví như một hòn bọt nổi lên giữa biển hư không.

Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhắm tiêu trừ.

Khi chúng ta xoay tánh nghe trở về để nhận ra tự tánh của mình, thì lớp màn mỏng che mắt ấy biến mất.

Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.

Khi cảm nhận của các giác quan không còn, thì các khách trần không còn phiền nhiễu quý vị nữa. Nên tánh giác của mình là hoàn toàn thanh tịnh.

Kinh văn:

淨極光通達
寂照含虛空
却來觀世間
猶如夢中事
摩登伽在夢
誰能留汝形。

*Tịnh cực quang thông đạt
Tịch chiếu hàm hư không
Khước lai quán thế gian
Du như mộng trung sự
Ma-đăng-già tại mộng
Thùy năng lưu nhữ hình?*

Việt dịch:

**Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt.
Thể tịch chiếu trùm khắp hư không.
Trở lại quán sát việc thế gian
Giống như việc trong mộng.
Ma-đăng-già chỉ là chiêm bao
Thì ai bắt giữ được ông?**

Giải giảng:

A! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rất mạnh mẽ. Ngài không cần một chút tao nhã nào. Ngài đang thẳng thừng quở trách A-nan:

“Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt. Một

khi tánh giác của ông viên mãn và thanh tịnh, thì đến chỗ cùng tột, trí sáng suốt bao trùm khắp. Quý vị trở nên giác ngộ. **Thế tịch chiếu trùm khắp hư không.** Khi quý vị đạt được công phu này rồi, thì hư không có ngay chính trong quý vị. Tự tánh của quý vị chính là tánh giác ngộ rộng khắp. Khi quý vị trở về với bản tánh vốn luôn luôn là của mình, thì mình bao trùm khắp cả hư không.

Trở lại quán sát việc thế gian

Giống như việc trong mộng.

Khi quý vị vẫn tiếp tục dùng công phu này, quý vị quán sát thế giới và sẽ thấy nó chẳng khác gì hơn một giấc mộng.

Ma-dăng-già chỉ là chiêm bao

Thì ai bắt giữ được ông?

Cô ta là một phần của giấc mộng. Ai là người có thể bắt ông? Ông đánh mất thể diện. Ông muốn có mặt ở đó. Ông thích cô ta. Nếu ông đạt được trình độ công phu như tôi vừa mô tả, thì ai cầm chế được ông?" Quý vị thấy chẳng có chút tao nhã nào. Phải không?

Kinh văn:

如世巧幻師
 幻作諸男女
 雖見諸根動
 要以一機抽
 息機歸寂然
 諸幻成無性。

*Như thế xảo huyền sư
 Huyền tác chư nam nữ
 Tuy kiến chư căn động
 Yếu dĩ nhất cơ trừu
 Tức cơ quy tịch nhiên
 Chư huyền thành vô tánh.*

Việt dịch:

**Như các huyền sư giỏi trong đời
 Tạo ra các hình người như thật
 Tuy thấy các căn đều cử động
 Chủ yếu đều do bộ máy giạt giảy
 Máy dừng, tất cả trở về yên lặng
 Các trò huyền thành vô tánh.**

Giảng giải:

Như các huyền sư giỏi trong đời.

Điều này giống như trò trình diễn múa rối thời xưa, khi các con rối nhảy múa và trình diễn đằng sau một tấm phong màu¹. Phía sau là những con rối được làm bằng da lừa, gắn với những sợi dây được điều khiển bởi người trình diễn rối, và khán giả nhìn thấy bóng của những con rối phản chiếu lên bức màn. Ngày nay chúng ta có xi-nê. Những con rối giống như người thật, nhưng thực ra chúng được điều khiển bởi những nghệ sĩ rối (puppet-master). Họ thường đánh nhau om sòm trên sân khấu bằng gươm và súng. Tôi nhớ là mình đã xem từ hồi nhỏ.

¹ E: screen of framed oil-paper.

Họ Tào ra các hình người như thật

Các con rối mặc áo quần như đàn ông và phụ nữ, rồi nhảy múa trên sân khấu.

Tuy thấy các căn đều cử động Chủ yếu đều do bộ máy giặt giũ

Dường như chúng có thể cử động tay chân và thậm chí cả nháy mắt và môi, nhưng thực ra đều là do máy. Chúng được nối liền với một bộ máy. Tuy nhiên, người xem vẫn bị làm cho sững sờ.

Máy dừng, tất cả trở về yên lặng Các trò huyền thành vô tánh.

Rốt ráo, chúng chẳng là gì cả. Trong chương này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giải thích vì sao các pháp đều như huyền mộng. Trong chương trước đã có nói rõ tại sao chúng ta đang ở trong huyền mộng.

Kinh văn:

六根亦如是
元依一精明
分成六和合
一處成休復
六用皆不成
塵垢應念銷
成圓明淨妙

*Lục căn diệc như thị
Nguyên y nhất tinh minh*

*Phân thành lục hoà hợp
Nhất xứ thành hư phục
Lục dụng giai bất thành
Trần cấu ứng niệm tiêu
Thành viên minh tịnh diệu.*

Việt dịch:

**Sáu căn đều như vậy
Nương một bản tánh sáng suốt
Và phân ra sáu thứ hoà hợp
Một thứ đã lìa ra, quay về.
Thì cả sáu đều không tồn tại.
Trong một niệm, trần cấu đều tiêu
Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.**

Giải giảng:

Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói về mộng và huyền? Vì sáu căn giống như trò huyền hóa.

Sáu căn đều như vậy

Sáu căn giống như trò múa rối được trình diễn bởi các nghệ sĩ rối. Đó như thể một bộ máy điều khiển chúng. Nhưng nếu một căn trở nên thanh tịnh, thì những căn khác cũng trở nên tự tại.

Nương một bản tánh sáng suốt

Vốn chỉ là một bản tánh sáng suốt trong Như Lai tạng. Nó **phân ra sáu thứ hoà hợp.**

Chia ra thành mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Khi nếu **Một thứ đã lìa ra, quay về**—nếu các nút buộc đã được mở. Thì **Thì cả sáu đều không tồn tại.**

Nếu một căn không còn tác dụng, thì những căn khác cũng sẽ dừng lại; chúng không còn có tác dụng nữa.

Trong một niệm, trần cấu đều tiêu

Mọi sự liên quan giữa sáu căn và sáu trần đều chấm dứt.

Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.

Chúng trở thành chân tâm sáng suốt vi diệu, thể tánh thanh tịnh thường trú của Như Lai tạng.

Kinh văn:

餘塵尚諸學
明極即如來。

*Dư trần thượng chư học
Minh cực tức Như Lai.*

Việt dịch:

**Còn sót lại trần cấu là còn học vi
Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.**

Giải thích:

Còn sót lại trần cấu là còn học vi

Khi ban đầu trừ bỏ được vô minh, thì vẫn còn lại vô minh vi tế gọi là sanh tướng vô minh. Đây có nghĩa là *dư trần*—phiền não còn sót lại như vi trần. Hàng Bồ-tát vẫn còn phải trừ sạch phiền não vi tế này.

Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.

Đó là bản tánh của Như Lai tạng.

Kinh văn:

大眾及阿難

旋汝倒聞機
反聞聞自性
性成無上道
圓通實如是。

*Đại chúng cập A-nan
Triển như đảo văn cơ
Phản văn văn tự tánh
Tánh thành vô thượng đạo
Viên thông thật như thị.*

Việt dịch:

A-nan và đại chúng
Hãy xoay lại tánh điên đảo
Xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của
mình
Nhận ra tự tánh, thành đạo vô thượng.
Thật tánh viên thông là như vậy.

Giảng giải:

A-nan và đại chúng
Hãy xoay lại tánh điên đảo
Các ông nên tu tập theo phương pháp này. Các ông đừng chạy tìm cầu bên ngoài. Hãy xoay trở lại. Hãy nhìn vào bên trong và tìm lại chính mình.

Xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh
của mình

Nhận ra tự tánh, thành đạo vô thượng.

Tánh của quý vị có thể thành tựu đạo Vô thượng.

Thật tánh viên thông là như vậy.

Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chọn nhĩ căn? Vì đó là cách dễ nhất để tu tập thành công. Tôi tin rằng một số trong quý vị đã biết cách phát huy công phu tu tập này rồi, và một số thì chưa. Nghĩa của xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình là như thế nào? Đó là công phu dùng trong việc tham thiền. Khi tham thiền, quý vị đừng ham dành hết năng lực vào việc tìm cầu bên ngoài. Quý vị phải nên hồi quang phản chiếu. Rồi hãy tự hỏi: “Ai là người niệm Phật?” “Ai?” Quý vị hãy đặt chữ “Ai?” trong tâm rồi lắng nghe bằng tai của mình. Theo đuổi chữ “Ai?”. Làm việc này liên tục, không dừng nghỉ. Đừng để cho công phu mình gián đoạn. Quan niệm tham đề tài này trong bất kỳ mình đang làm việc gì.

Đi đứng nằm ngồi, không lìa khỏi công phu này
 Nếu lìa bỏ công phu, tức là đã sai lầm.

“Đây” là cái gì? Đó là vấn đề. “Ai là người niệm Phật?” Quý vị không cần phải niệm lớn tiếng, mà hãy hỏi trong tâm mình và lắng nghe bằng tai của mình. Hãy lắng nghe bên trong, chứ không phải bên ngoài. Sau khi đã nghe bên trong, tâm và tánh nghe của quý vị cuối cùng sẽ hợp thành một. Và rồi trong một cách bất ngờ, vào một lúc không mong đợi, quý vị đột nhiên khai ngộ. Nhưng dứt khoát quý vị phải đem tâm và tánh của mình trở về lại thành một. Đừng để cho chúng tán loạn trong nhiều hướng. Đừng để chúng tiêu tán ra bên ngoài. Hãy gom chúng lại vào bên trong. Hãy xoay tánh nghe trở vào để

nhận ra tự tánh của mình. Rốt cuộc và tự nhiên công phu của quý vị sẽ phát triển. Tham thiền và công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình là giống nhau. Và bây giờ mọi người đã biết rằng dùng nhĩ căn để tu tập viên thông là phương pháp dễ nhất. Thế nên hãy đặt hết tâm lực vào mà tu tập phương pháp này.

Kinh văn:

此是微塵佛
 一路涅槃門
 過去諸如來
 斯門已成就
 現在諸菩薩
 今各入圓明
 未來修學人
 當依如是法
 我亦從中證
 非唯觀世音。

*Thử thị vi trần Phật
 Nhất lộ niết-bàn môn
 Quá khứ chư Như Lai
 Tư môn dĩ thành tựu
 Hiện tại chư bồ tát
 Kim các nhập viên minh
 Vị lai tu học nhơn*

*Đương y như thị pháp
Ngã diệc tông trung chứng
Phi duy Quán Thế Âm.*

Việt dịch:

**Đây là con đường thể nhập niết-bàn
Của chư Phật như vi trần
Các Đức Như Lai trong quá khứ
Đều thành tựu do pháp môn này
Các Bồ-tát trong hiện tại
Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn
Chúng sinh tu học trong đời sau
Đều nên nương theo pháp này.
Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng
Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.**

Giảng giải:

Bây giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chứng minh tính xác thực cho pháp môn mà ngài đã chọn.

**Đây là con đường thể nhập niết-bàn
Của chư Phật như vi trần**

Ngài nói: “Không chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng ngộ khi dùng pháp tu này, công phu tu tập sẽ dẫn đến viên thông mà tôi đã giải thích, chính tôi, Văn-thù-sư-lợi, cũng chứng minh cho pháp môn niết-bàn này. Không chỉ riêng tôi, mà chư Phật nhiều như vi trần trong quá khứ cũng đã tìm ra con đường thể nhập niết-bàn này.”

**Các Đức Như Lai trong quá khứ
Đều thành tựu do pháp môn này**

Các ngài thành tựu giác ngộ nhờ pháp tu viên thông xuất phát từ công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tợ tánh của mình

Các Bồ-tát trong hiện tại

Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn

Các vị Bồ-tát đang tu tập trong đời đều cùng đi con đường này.

Chúng sinh tu học trong đời sau

Đều nên nương theo pháp này.

Những người trong đời tương lai chưa gặp được Phật pháp sẽ chọ pháp tu này. **Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng.** Đã từ lâu con đã thành tựu pháp môn này và đã chứng được viên thông.

Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.

Kinh văn:

誠如佛世尊
詢我諸方便
以救諸末劫
求出世間人
成就涅槃心
觀世音為最。

*Thành như Phật Thế tôn
Tuân ngã chư phương tiện
Dĩ cứu chư mạng kiếp
Cầu xuất thế gian nhơn*

*Thành tựu niết-bàn tâm
Quán Thế Âm vi tối.*

Việt dịch:

**Thật như lời Đức Thế tôn
Hỏi con về các phương tiện
Để cứu giúp trong đời mạt pháp
Cho những người cầu pháp xuất thế gian
Thành tựu được tâm niết-bàn
Thì Quán Thế Âm là hơn cả.**

Giải thích:

**Thật như lời Đức Thế tôn
Hỏi con về các phương tiện**

Kính bạch Đức Phật, con nói lời chân thật, con nói những điều vốn đúng thật như vậy. phương pháp **Để cứu giúp trong đời mạt pháp**

**Cho những người cầu pháp xuất thế gian
Thành tựu được tâm niết-bàn**

Trong mười tám giới và bảy đại, pháp môn nào là viên thông nhất? Vị nào thích hợp nhất đối với căn cơ chúng sinh trong thời mạt pháp? Những người muốn ra khỏi thế gian và tìm cầu sự siêu việt. Làm sao để họ có thể thành tựu tâm nguyện để tu đạo và thực chứng niết-bàn?

Quán Thế Âm là hơn cả.

Phương pháp hay nhất là quán sát âm thanh ở thế gian.

Quán Thế Âm Bồ-tát, nay đang thị hiện ở cõi ta-bà, tương ứng nhất với pháp môn này. Pháp môn

này là thích hợp nhất, phù hợp nhất với căn cơ mọi người.

Kinh văn:

自餘諸方便
皆是佛威神
即事捨塵勞
非是長修學
淺深同說法。

Tự dư chư phương tiện

Giai thị Phật oai thần

Tức sự, xả trần lao

Phi thị trường tu học

Thiển thâm đồng thuyết pháp.

Việt dịch:

Còn tất cả các phương tiện khác

Đều là nhờ uy lực của Đức Phật

Ngay nơi cảnh giới hiện tượng (sự) mà xả bỏ trần lao.

Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường

Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.

Giải:

Còn tất cả các phương tiện khác

Đều là nhờ uy lực của Đức Phật

Trong việc tu tập các pháp môn phương tiện nào khác ngoài nhĩ căn viên thông, chúng ta đều phải nương hờ vào sự gia hộ của Đức Phật mới được thành tựu.

Không có sự hộ trì của chư Phật, chúng ta không thể nào thành tựu điều gì cả.

Ngay nơi cảnh giới hiện tượng (sự) mà xả bỏ trần lao.

**Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường
Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.**

Dù có người đã dùng những phương tiện này để xả bỏ trần lao phiền não và vọng tưởng, nhưng đó không phải là phương pháp duy nhất mà mọi người có thể vận dụng. Khi giảng pháp, mình phải quán sát nhân duyên. Mình phải quán sát căn tánh từng người. Đối với người có trí huệ, mình phải nói pháp sâu mầu. Với những người thiếu trí huệ, mình nên giải thích những đạo lý đơn giản. Pháp không thể nào luôn luôn được giảng nói cùng một kiểu. Chỉ có nhĩ căn là pháp môn viên thông nhất cho mọi căn cơ tu học. Tôi nghĩ pháp môn này là viên thông nhất.

Kinh văn:

頂禮如來藏
無漏不思議
願加被未來
於此門無惑
方便易成就
堪以教阿難
及末劫沈淪

但以此根修
圓通超餘者
真實心如是。

*Đánh lễ Như Lai tạng
Vô lậu bất tư nghị
Nguyên gia bị vị lai
Ư thử môn vô hoặc
Phương tiện dị thành tựu
Kham dĩ giáo A-nan
Cập mạng kiếp trầm luân
Đã dĩ thử căn tu
Viên thông siêu dư giả
Chơn thật tâm như thị.*

Việt dịch:

**Đánh lễ Như Lai Tạng
Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn
Nguyên xin gia hộ cho đời vị lai
Không làm lẫn trong pháp môn này.
Đây là phương tiện để thành tựu
Nên đem dạy cho A-nan
Cùng chúng sinh trầm luân trong đời mạng pháp
Chỉ dùng nhĩ căn tu tập
Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác
Chân thật tâm đúng là như vậy.**

Giảng giải:

Sau khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trình bày xong bài kệ này, ngài cung kính đánh lễ Tam bảo.

Đánh lễ Như Lai Tạng

Như Lai là Chư Phật, Tạng là Tam tạng (tripitaka), tức là Pháp (dharma).

Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn

“**Và những bậc vô lậu**” là Tăng-già. Các vị Bồ-tát và A-la-hán vô lậu đều đã chứng được những cảnh giới Bất khả tư nghĩ. Thần thông và diệu dụng của các ngài khó có thể nghĩ bàn. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đánh lễ các bậc thánh hiền trong tăng già.

Nguyện xin gia hộ cho đời vị lai

Không làm lẫn trong pháp môn này.

Con nguyện xin các ngài gia hộ cho mọi chúng sinh trong đời tương lai, để họ không có chút nghi ngờ nào về phiên âm môn phản văn văn tự tánh.

Đây là phương tiện để thành tựu

Nên đem dạy cho A-nan

Phương pháp này vừa dễ tu tập vừa dễ thành tựu. Đây là pháp môn hay nhất cho A-nan tu tập. Không còn pháp môn nào hay hơn.

Cùng chúng sinh trầm luân trong đời mạt pháp

Chỉ dùng nhĩ căn tu tập

Pháp môn này không chỉ thích ứng đối với A-nan, mà còn thích hợp cho mọi căn cơ chúng sinh trong đời mạt pháp. Chỉ dùng nhĩ căn làm phương tiện tu tập.

Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác

Chân thật tâm đúng là như vậy.

Pháp tu viên thông này vượt qua 25 pháp môn

phương tiện khác. Dễ hơn và mang đến những kết quả vượt bậc. Chân thật tâm đạt được thông qua pháp môn tu này là như con đã giải thích như trên.

Kinh văn:

於是阿難及諸大眾，身心了然得大開示。觀佛菩提及大涅槃猶如有人因事遠遊未得歸還。明了其家所歸道路。

Ư thị A-nan cập chư đại chúng, thân tâm liễu nhiên, đắc đại khai thị. Quán Phật bồ-đề cập đại niết-bàn du như hữu nhân nhân sự viễn du vị đắc quy hoàn. Minh liễu kỳ gia sở quy đạo lộ.

Việt dịch:

Lúc ấy A-nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang, nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật¹ giống như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.

Giảng giải:

Lúc ấy A-nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang. Họ đã đạt được sự hiểu biết thấu đáo. Nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật.

¹ Tiếng Anh: *Buddha's bodhi and parinirvāṇa.*

Có thể hiểu là khái niệm về Phật, bồ-đề, niết-bàn. Xưa nay A-nan chỉ mới được tiếp xúc, được hiểu bằng khái niệm, chứ chưa được thực chứng và thể nhập.

Họ đã hoàn toàn nhận ra giáo lý sâu xa màu nhiệm của Đức Phật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Họ xem giáo lý về bồ-đề niết-bàn như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.

Những người này đã đi xa làm ăn và chưa được về nhà. Nhưng họ đã đi đủ xa để còn nhớ con đường quay về nhà. Ý nghĩa là dù A-nan và các thành viên trong hội chúng chưa chứng được sơ quả vị thứ nhất, thứ hai, thứ ba của A-la-hán, nhưng bây giờ ít nhất là họ đã nhận ra được đạo lý.

Kinh văn:

普會大眾天龍八部有學二乘，及諸一切新發心菩薩，其數凡有十恒河沙皆得本心，遠塵離垢獲法眼淨。

Phổ hội đại chúng thiên long bát bộ hữu học nhị thừa, cập chư nhất thiết tân phát tâm Bồ-tát, kỳ số phàm hữu thập hằng hà sa giai đắc bản tâm, viễn trần ly cấu hoạch pháp nhãn tịnh.

Việt dịch:

Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học, cùng hết thấy hàng Bồ-tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông Hằng, đều nhận ra bản tâm, lìa xa trần tượng, được pháp nhãn thanh tịnh.

Giảng giải:

Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ,

Quý thần; bát bộ gồm Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân, Rồng hàng Nhị thừa hữu học, chỉ cho các vị Thanh văn đã giác ngộ lý Duyên khởi. Cùng với hết thảy hàng Bồ-tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông Hằng, họ đều đã nhận ra bản tâm. Không như trước đây, họ chưa nhận ra bản tâm. Họ đã lìa xa hẳn trần tượng, do vậy, họ được pháp nhãn thanh tịnh.

Kinh văn:

性比丘尼聞說偈已成阿羅漢。

Tánh tử-khuru-ni văn thuyết kệ dĩ thành A-la-hán.

Việt dịch:

Tánh tử-khuru-ni nghe nói bài kệ này xong liền chứng quả A-la-hán.

Giải:

Vị tử-khuru-ni có tên là Tánh¹ là con gái của Ma-dăng-già. Cô ta chứng quả A-la-hán ngay sau khi nghe ngài Văn-thù-sư-lợi nói bài kệ này. Đến lúc đó, cô ta đã vượt qua A-nan do cô đã chứng được quả vị thứ hai của hàng A-la-hán. Trong khi A-nan chỉ mới chứng được sơ quả.

Kinh văn:

無量眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心

Vô lượng chúng sanh giai phát vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề tâm.

¹ S: Prakṛti. Hán âm: Bát-kiết-đế鉢結帝.

Việt dịch:

Vô lượng chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.

Giải thích:

Đến lúc này, có vô số vô lượng không thể tính đếm được chúng sinh trong pháp hội phát tâm **vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.**

Không có gì có thể so sánh với mức độ phát tâm này. Việc ấy hoàn toàn chân thật. A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề có nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Anuttarā có nghĩa là vô thượng, không có gì sánh bằng.

Samyak có nghĩa là chánh (proper) và đẳng (equal). *Sambodhi* là chánh giác, giác ngộ chân chánh. Tâm nguyện của họ là muốn thành Phật.

(Hết quyển 5, đầu quyển 6 theo ấn bản của
Vạn Phật Thánh Thành.)

Kinh văn:

阿難整衣服。望大眾中，合掌頂禮。心迹圓明，悲欣交集。欲益未來諸眾生故，稽首白佛大悲世尊。我今已悟成佛法門。是中修行得無疑惑。常聞如來說如是言。自未得度先度人者菩薩發心。自覺已圓能覺他者如來應世。我雖未度願度末劫一切眾生。

A-nan chỉnh y phục. Vọng đại chúng trung, hợp chưởng đánh lễ. Tâm tích viên minh, bi hân giao tập. Dục ích vị lai chư chúng sanh cố, khể thủ bạch Phật: “Đại bi Thế tôn. Ngã kim dĩ ngộ thành Phật pháp môn. Thị trung tu hành đắc vô nghi hoặc. Thường văn Như Lai thuyết như thị ngôn: ‘Tự vị đắc độ, tiên độ nhân giả, Bồ-tát phát tâm. Tự giác dĩ viên, năng giác tha giả, Như Lai ứng thế. Ngã tuy vị độ, nguyện độ mạt kiếp nhất thiết chúng sinh’.”

Việt dịch:

A-nan chỉnh trang pháp phục. Hướng vào đại chúng, chắp tay đánh lễ. Tâm tính hoàn toàn sáng suốt, vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị lai, nên cúi đầu bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật. Theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai dạy rằng: ‘Tự mình

chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ-tát. Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thể của các đức Như Lai'." Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Giảng giải:

Sau khi A-nan nghe xong bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, ngài đứng dậy, **chỉnh trang pháp phục**. A-nan sửa lại cổ áo và kéo y ca-sa lại cho ngay ngắn. A-nan không bao giờ có một chút bất cẩn, sơ ý, không bao giờ để cho y phục luộm thuộm. **Hướng vào đại chúng, chấp tay đánh lễ. Tâm tính hoàn toàn sáng suốt.** A-nan không còn mê mờ như trước nữa. Ngài có tâm trạng **vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị lai, nên cúi đầu bạch Phật:**

A-nan không biết nên cười hay khóc. Quý vị có nhớ rằng A-nan rất dễ khóc không? A-nan đã khóc vài lần từ khi bắt đầu pháp hội giảng kinh, và bây giờ lại muốn khóc nữa. Nhưng A-nan cũng muốn cười. Nỗi lo của A-nan là gì? Là vì có câu:

Cực lạc sinh bi—Tột cùng niềm vui là nỗi buồn.

A-nan rất vui mừng, nghĩ rằng: "Nay mình đã có được Phật pháp, mình đã thâm nhập được giáo pháp chân thực." A-nan chưa bao giờ thấy vui như vậy. Nhưng hiểu cho riêng mình chưa đủ. A-nan muốn làm lợi ích cho các chúng sinh trong đời tương lai. Thế nên A-nan đánh lễ Đức Phật và thưa rằng:

“Kính bạch Đức Thế tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật. Theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc.

Con sẽ nương vào Pháp để tu tập và sẽ không bao giờ còn một chút nghi ngờ gì nữa.

“Con thường nghe Như Lai dạy rằng...”

A-nan thường hay chứng minh những điều mình nói bằng sự dẫn chứng những lời dạy của chính Đức Phật. Ở đây A-nan nói, “Con nghe Đức Phật dạy rằng, ‘Tự mình chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ-tát.’”

Khi mình chưa chứng ngộ, mà mình có thể mong giáo hóa cho người khác trước, thì đó là đạo của hàng Bồ-tát.

‘Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thế của các đức Như Lai.’”

Quý vị giúp cho mọi người giác ngộ bằng đạo lý mà mình đã chứng ngộ, đó là điều mà chư Phật đã làm.

Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Con tuy chưa được chứng đạo, nhưng con muốn giúp cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp sẽ được độ thoát. Con muốn họ đều hưởng được lợi ích trong Phật pháp.

Kinh văn:

世尊，此諸眾生去佛漸遠。邪師說法如恒河沙。欲攝其心入三摩地。云何令

其安立道場遠諸魔事，於菩提心得無退屈？

Thế tôn, thử chư chúng sanh khứ Phật tiệm viên. Tà sư thuyết pháp như hằng hà sa. Dục nhiếp kỳ tâm nhập tam-ma-địa, vân hà linh kỳ an lập đạo tràng, viên chư ma sự, ư bồ-đề tâm đắc vô thối khuất?

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, các chúng sinh này cách Phật ngày càng xa. Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa, làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Giải thích:

Bạch Thế tôn, các chúng sinh này cách Phật ngày càng xa.

Chúng sinh trong đời mạt pháp dần dần cách Phật và ngày càng xa.

Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng.

Đó là tình trạng như bây giờ. Các tà sư tuyên bố rằng họ đã hiểu biết những điều mà thực sự họ không hiểu. Chưa được giác ngộ, họ nói rằng mình đã giác ngộ. Chưa chứng được thánh quả, họ nói đã chứng. Tôi hỏi họ: “Ông đã chứng được quả vị thứ nhất, quả vị thứ hai, quả vị thứ ba, quả vị thứ tư của hàng A-la-hán chưa? Ông chứng được quả vị nào? Ông đã chứng ngộ chưa? Ông giác ngộ được điều gì?” Họ lặng thinh. Tôi

hỏi tiếp: “Ông là Phật, thế mà ông không nói được mình đã chứng được quả vị nào. Làm sao ông nhảy vào quả vị Phật được?” Rồi họ vẫn cố chấp, nói rằng không chỉ họ là Phật, mà “Mọi người đều là Phật.” Đó là luận điệu của họ. Đây là lời đại vọng ngữ. Khi quý vị chưa đạt đến cảnh giới đó, quý vị không thể nói năng tùy hứng.¹ Không có gì tệ hại hơn một tà sư. Hãy cẩn thận đừng trở thành người như vậy, dù quý vị có biết Phật pháp hay không. Đừng như có người trong bọn họ, khi có ai đến hỏi Pháp, liền đáp rằng, ‘Tôi già rồi; Tôi quên mất.’

Quên nghĩa là sao? Ông ta chẳng biết bắt đầu như thế nào. Cách nói chuyện đó là có chủ ý lừa gạt người. Nếu quý vị biết, thì nói biết. Nếu mình không biết, thì nói rằng không biết. Không thể nói rằng mình quên khi mình vốn chẳng hiểu người ta hỏi mình điều gì.

Khi những tà sư rao giảng phương pháp của họ, mong được lợi dưỡng, và giáo lý họ giảng nói là tà vạy. Chẳng hạn, tham dục là sai trái, nhưng họ bảo là tốt. “Đó là pháp môn hay nhất.” Họ khen ngợi điều ấy, khiến cho mọi người mê lầm và không thể nào phân biệt được giáo pháp chân thực. Điều sai trái, họ nói là phải; điều phải họ nói là sai trái. Họ đã có tà tri và tà kiến. Cái nhìn của họ là không đúng đắn.

A-nan nói, “Vào thời mạt pháp, loại tà sư này rất nhiều.”

Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa,

¹ E: go shooting off your mouth.

Dù thời đó sẽ có nhiều tà sư như cát sông Hằng, con vẫn nguyện rằng những chúng sinh sẽ phát khởi chánh tri và chánh kiến.

Làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Chẳng hạn, có vài tà sư và ngoại đạo chỉ biết lừa gạt mọi người với học thuyết của họ. Họ nói nhiều về việc quan hệ giữa nam nữ, cho rằng càng nhiều dâm dục, càng mau thành Phật. Điều này hoàn toàn sai lầm. Hoàn toàn tà vạy! Quý vị phải lưu ý điều này. Đừng để cho những người này lừa gạt. Trong chánh pháp, mọi sự đề cập đến dâm dục như là sự tán thành đều là sai trái. Những phương pháp dạy người như vậy đều là sự khai thác của ma. A-nan ước nguyện làm sao giúp cho những người trong đời mật pháp an trú trong sự phát tâm bồ-đề. Một số người học Phật pháp một thời gian rồi thôi tâm bồ-đề. “Tôi không học Phật pháp nữa. Khó quá! Tôi phải từ bỏ mọi lỗi lầm của mình. Nhưng tôi không bỏ được thì sao? Tốt hơn là tôi chẳng cần học.”

Họ bỏ mất sự hăng hái. Họ chấp nhận rút lui. Họ bị hàng phục bởi yêu ma.

A-nan muốn biết cách làm sao để giữ cho điều này không xảy ra.

Kinh văn:

爾時世尊於大眾中，稱讚阿難。善哉！善哉！如汝所問，安立道場救護眾生

末劫沈溺。汝今諦聽，當為汝說。阿難大眾唯然奉教

Nhĩ thời Thế tôn ư đại chúng trung, xưng tán A-nan Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở vấn, an lập đạo tràng cứu hộ chúng sanh mạng kiếp trầm nịch. Nhữ kim đế thỉnh, đương vị nhữ thuyết. A-nan đại chúng duy nhiên phụng giáo.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-nan, Hay thay! Hay thay! Như điều ông hỏi về dựng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạng pháp. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Giảng giải:

A-nan thưa rằng ông muốn cho các chúng sinh trong đời mạng pháp không lui sụt tâm bồ-đề. A-nan muốn cho họ có được niềm tin kiên định, nguyện sẽ hộ trì Phật pháp, tu học Phật pháp, và không bao giờ thối thất tâm bồ-đề. Nhưng làm sao để A-nan giúp cho họ làm được như vậy? Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nghe A-nan hỏi như vậy, ngài rất hoan hỷ. Đức Phật an trú trong cảnh giới như như bất động, nhưng khi có người phát tâm hộ trì Phật pháp và giúp mọi chúng sinh thành Phật, dù sao cũng làm cho ngài vui.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-nan, Hay thay! Hay thay!

Đức Phật hài lòng. “A-nan! Ông rất tốt!” Ngài khen ngợi A-nan hai lần.

Như điều ông hỏi về dụng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạt pháp.

Ông muốn cứu giúp chúng sinh trong đời mạt pháp đang bị chìm đắm trong nước và lửa.

Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Khi họ nghe Đức Phật đồng ý sẽ giảng pháp, niềm vui của họ càng lớn hơn. Có lẽ Đức Phật nói rằng, “Các ông muốn nghe điều này chăng?” Mọi người đều trả lời không do dự. “Chúng con muốn nghe. Chúng con muốn nghe.”

Khi các tà sư giảng dạy giáo thuyết của họ, đề tài duy nhất là tham dục. Những điều họ trình bày là trái đạo lý. Điều này quý vị nên phân biệt một cách rõ ràng. Đôi khi các vị Bồ-tát cũng dùng lòng từ, ái ngữ và tâm bảo hộ để dạy chúng sinh, vì họ biết rằng chúng sinh đang chìm đắm trong ái dục. Mọi chúng sinh đều có vọng tưởng về ái dục. Thế nên các vị Bồ-tát không mong họ cắt đứt ngay tâm tham luyến ái dục tức thì. Mà các ngài dùng mọi phương tiện để đưa chúng sinh vượt qua và từ bỏ ái dục. Rồi mỗi chúng sinh tự đặt một điểm dừng cho chính họ. Đây là trường hợp của các vị Bồ-tát, hoàn toàn khác với cách làm của tà sư ngoại đạo. Có lần Bồ-tát Quán Thế Âm hóa thân thành người bán cá, ngài là người phụ nữ rất đẹp đi khắp làng với rổ cá. Trong làng không ai tin Phật. Nhưng khi những người trai trẻ trong làng nhìn thấy cô gái bán cá này, họ đều ham

muốn cô. Ngôi làng không rộng, nhưng có ít nhất 100 người đàn ông ở đó, và ai cũng muốn cưới được cô gái này làm vợ. Bồ-tát Quán Thế Âm với rô cá trên tay nói rằng, “Các ông quá nhiều người! Tôi không thể cưới hết 100 người được! Nhưng tôi nghĩ ra một cách để chọn ra một người trong các ông làm chồng. Tôi sẽ cưới người nào trong số các ông đầu tiên tụng thuộc lòng Phạm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Các ông hãy về nhà học. Hạn cho các ông ba ngày.”

Ba ngày sau, có đến bốn, năm chục người thuộc lòng kinh này. Người phụ nữ bán cá nói, “Vẫn còn quá nhiều người. Dù các ông đã đủ điều kiện, nhưng tôi không thể nào lấy cả 50 người làm chồng. Bây giờ các ông hãy trở về nhà và học thuộc lòng Kinh Kim Cang. Tôi sẽ kết hôn với người nào đầu tiên thuộc lòng kinh này trong vòng 5 ngày.” Thế là 50 người đồ đầu này trở về nhà và bắt đầu học Kinh Kim Cang. Năm ngày sau có được hai mươi người thuộc lòng kinh này. Người phụ nữ bán cá nói, “Vẫn còn quá nhiều người. Tôi không thể hết hôn với tất cả được. Tôi có một điều kiện khác. Ai có thể thuộc lòng kinh Pháp Hoa trong vòng bảy ngày thì sẽ xứng đáng làm chồng tôi.”

Hai mươi người đàn ông trở về bắt đầu học kinh Pháp Hoa, bảy ngày sau còn một người đàn ông thuộc được kinh này. Anh ta có tên là Mã, xuất thân từ một gia đình giàu sang. Thế là một đám cưới linh đình diễn ra và mọi người trong làng được mời đến dự. Đêm đó, sau khi tiệc xong, họ ra về, nhưng ai biết được rằng cô dâu lên cơn đau tim và qua đời một cách đột ngột.

Và chú rể đã uống phí bao công sức. Chú đã học

thuộc Phạm Phổ Môn, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, mà chú vẫn chưa cưới được vợ. Ngay sau đó, đám tang được cử hành, một vị tăng xuất hiện trong đám với y ca-sa màu tím. Vị tăng hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Con dâu mới của tôi vừa qua đời đột ngột, chúng tôi làm lễ tang.”

Vị tăng đáp: “Trong quan tài chẳng có gì cả! Các ông làm đám cho ai? Hãy mở nắp quan tài ra mà xem!”

Thực vậy, trong quan tài trống trơn. Họ đều kinh ngạc. “Cô ta đi đâu? Hãy đuổi theo! Bắt cô ta lại!”

Vị tăng bảo họ: “Cô ta là Bồ-tát Quán Thế Âm. Các người trong làng này không tin Phật, nên Bồ-tát đã hiện thành cô gái xinh đẹp để giáo hóa các ông, vốn là những người vốn quá ham sắc, để hiểu được Phật pháp. Rồi cô ta ra đi.”

Khi chú kể tên *Mã* nghe vậy, anh ta từ bỏ mọi thứ trên đời rồi xuất gia. Sau đó, anh ta chứng quả vị thánh. Chuyện này có thực, đã xảy ra ở Trung Hoa.¹

Kinh văn:

佛告阿難，汝常聞我毘奈耶中，宣說修行三決定義。所謂攝心為戒，因戒生定，因定發慧。是則名為三無漏學。

Phật cáo A-nan, như thường văn ngã tỳ-nại-da trung, tuyên thuyết tu hành tam quyết định nghĩa. Sở vị nhiếp tâm vi giới, nhơn giới sanh định, nhơn định phát huệ.

¹ Vùng Thiểm Hữu, Trung Hoa.

Thị tắc danh vi tam vô lậu học.

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan: “Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành. Thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.

Giảng giải:

Khi mọi người trong pháp hội đều đồng lòng hộ trì giáo pháp, **Đức Phật bảo A-nan: “Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành.**

*Tỳ-nại-da*¹ là những giới luật dành cho cả Đại thừa và Tiểu thừa. Trong đó nói về những giới điều. Ba phương diện chắc thực này là không thể thay đổi. Đó là, **thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.**

Đó là giới, định, huệ. Quý vị thu nhiếp tâm ý, như thổi nam châm thu hút mọi sắt vụn. Điều này đặc biệt nói đến tâm phan duyên của chúng ta—luôn luôn tìm kiếm sự thuận lợi. Khi bị tâm phan duyên điều khiển, mình luôn luôn để ý đến người khác. Mình luôn luôn suy nghĩ tìm mọi cách để gần gũi người giàu có hoặc người quyền quý. Tâm niệm như vậy cứ tiếp diễn ngày này sang ngày khác. Đó gọi là tâm phan duyên, có nghĩa là mình chưa thu nhiếp được tâm ý. Hãy gom nhiếp tâm lại, đừng để

¹ 毘奈耶 s: Vinaya. Còn phiên âm là Tì-ni.

chúng tìm kiếm cách thoả mãn những thuận lợi. Đừng để chúng tùy tiện chạy rong. Nhưng tâm ta là cái mà ta chạy đuổi theo, dù mình chẳng muốn như vậy. Chúng ta có thể cảm chúng không được có vọng tưởng, nhưng phút sau vọng tưởng khác lại nổi lên. Vọng tưởng này dừng thì vọng tưởng khác sinh khởi. Niệm đầu vừa biến mất, niệm sau liền tái diễn. Và trước khi niệm đầu hoàn toàn mất hẳn, thì niệm sau đã sinh khởi. Tâm bám víu vào thứ khác không bao giờ dừng. Điều quý vị cần phải làm là gom giữ tâm ý mình lại. Đưa tâm về lại một chỗ. Lý do lớn nhất mà chúng ta chưa thành Phật, không được giác ngộ, chưa được chứng đạo, đó là chúng ta không chế ngự được tâm mình. Nếu quý vị gom mọi tâm niệm mình lại, thì chẳng có việc gì mà quý vị chẳng làm được. Quý vị sẽ thành tựu mọi điều. Thế nên Giới là mục đích để thu nhiếp tâm ý. Giới luật tạo sự chãm dứt cho mọi việc ác và ngăn ngừa cho sự phạm lỗi (*phòng phi chỉ ác*)

Nhân giới phát định lực. Trì giới giống như làm cho ly nước đục lắng trong, cho đến khi bùn dơ lắng đọng xuống và nước trở nên trong sạch. Định có nghĩa là “chỉ–không dao động.” Và **nhân định có trí huệ.**

Như bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói:

Định cực viên minh.

Khi quý vị giác ngộ, Trong định, trí huệ chân chính sẽ phát sinh. Đó gọi là **ba môn học vô lậu.**

Nhân giữ giới, từ giới sẽ có định. Nhờ có định mà trí huệ phát sinh.